

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**LUẬN VĂN THẠC SĨ
HUỲNH HỮU THUẬN**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ - 8310110



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10/2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
HUỖNH HỮU THUẬN**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU,
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

Hướng dẫn khoa học:

TS. TRẦN VĂN HIỀN

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NĂM 2019 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ vào Biên bản bảo vệ Chuyên đề của ngành Quản lý kinh tế vào ngày 16/02/2019;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đề tài Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ và người hướng dẫn Cao học năm 2019 cho:

Học viên : *Huỳnh Hữu Thuận*

MSHV: 1881433

Ngành : *Quản lý kinh tế*

Tên đề tài : *Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang*

Người hướng dẫn : *TS. Trần Văn Hiến*

Thời gian thực hiện: *Từ ngày 28/02/2019 đến ngày 28/8/2019*

Điều 2. Giao cho Phòng Đào tạo quản lý, thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, phòng Đào tạo, các Khoa quản ngành cao học và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- BGH (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SĐH (3b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

BIÊN BẢN CHẤM LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019

NGÀNH: Quản lý kinh tế_KHÓA 2018-2020

Hội đồng chấm LVTN theo QĐ số: 2168/QĐ-ĐHSPKT-SĐH, ngày 09/10/2019

Có mặt : Vắng mặt:

Chủ tịch Hội đồng : PGS.TS. Trần Trung Tín

Thư ký Hội đồng : TS. Nguyễn Quốc Khánh

Học viên bảo vệ LVTN : **Huỳnh Hữu Thuận**

MSHV: 1881433

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Văn Hiến

Giảng viên phản biện : TS. Trần Đình Lý

TS. Vòng Thành Nam

Tên đề tài LVTN

: **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

I. KẾT QUẢ BẢO VỆ:

TT	Thành viên hội đồng	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1	PGS.TS. Trần Trung Tín	7	
2	TS. Nguyễn Quốc Khánh	6	
3	TS. Trần Đình Lý	7	
4	TS. Vòng Thành Nam	7	
5	TS. Hoàng Văn Long	7	
Tổng điểm		34	
Điểm trung bình		6,8	

II. KẾT LUẬN:

(Thư ký hội đồng ghi rõ các ý kiến của thành viên hội đồng về việc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

..... chỉnh sửa dựa trên góp ý của ban biên

..... Hồ Đình

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

PGS.TS. Trần Trung Tín

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ học hàm, học vị & họ tên)

TS. Nguyễn Quốc Khánh



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT
LUẬN VĂN THẠC SĨ - HƯỚNG ỨNG DỤNG
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sĩ: **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: *Huỳnh Hữu Thuận*

MSHV: *1881433*

Ngành: *Quản lý kinh tế*

Khóa: 2018-2020

Họ và tên người phản biện: *TS. Vòng Thành Nam*

Chức danh: Giảng viên

Học vị: Tiến Sĩ

Cơ quan công tác: Kinh tế

Điện thoại liên hệ: 0907993345

I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

Luận văn được trình bày theo thể thức 3 chương với phần mở đầu, các chương; danh mục tài liệu tham khảo; phụ lục là phù hợp với kết cấu của một luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế và đúng theo qui định của Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn gồm 94 trang là phù hợp với một luận văn thạc sĩ

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.

- Luận văn được trình bày rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ được trình bày trong luận văn là ngôn ngữ viết theo văn phong khoa học;

- Luận văn mang tính khoa học từ cấu trúc, dẫn nhập trong phần cơ sở lý luận, lý thuyết (thể hiện ở chương 1), phần thực trạng vấn đề nghiên cứu được trình bày (thể hiện ở chương 2) và cuối cùng là những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu (chương 3)

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Việc trích dẫn tài liệu tham khảo và trích dẫn các nghiên cứu khác chưa đúng, đề nghị làm lại cho đúng.

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

- Mục tiêu nghiên cứu: Tác giả thể hiện mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, cụ thể.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để giải quyết vấn đề thông qua các phương pháp như: Phương pháp thống mô tả, thống kê phân tích, so sánh... là phù hợp để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận văn.

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

- Đề tài đáp ứng tương đối tốt theo yêu cầu của một luận văn thạc sĩ với các tổng

quan nghiên cứu của các tác giả, các bài nghiên cứu có liên quan. Tuy nhiên, tác giả chưa rút ra được các nội dung học thuật để kế thừa và xác định khoảng trống nghiên cứu cho luận văn của mình.

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

- Nội dung phù hợp với tên đề tài và phù hợp với chuyên ngành Quản lý kinh tế. Chất lượng của luận văn đáp ứng được theo yêu cầu của một luận văn thạc sĩ, tuy nhiên phải sửa chữa, bổ sung.

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài “Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng Nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang” mang tính thực tiễn và thời sự. Kết quả nghiên cứu giúp các nhà hoạch định và quản lý địa phương hiểu rõ hơn về tình hình thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới.

2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

- Về phương pháp nghiên cứu, cũng nên viết lại cho rõ ràng, kỹ lưỡng dùng phương pháp nào để làm gì cho luận văn.

- Ở chương 1, cơ sở lý luận, tác giả nên cấu trúc, sắp xếp lại chương 1 để làm nổi rõ tính chất quan trọng của một số mục, nội dung nghiên cứu về nông thôn mới.

- Tác giả cũng không tình bày mục Vai trò xây dựng nông thôn mới trong chương 1. Đề nghị bổ sung

- Ở chương 2: Mục 2.1 nên là Tổng quan về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội TP. Châu Đốc.

- Mục 2.2 nên có tên là Khái quát về tình hình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc thì phù hợp hơn tên hiện tại.

- Bổ sung Mục 2.3. Phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc. Ở mục này tác giả phân tích các nội dung xây dựng nông thôn mới đã đề ra ở chương 1.

- Bổ sung Mục 2.4 Phân tích các nhân tố tác động quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc.

- Mục 2.5 Đánh giá thực trạng cũng chưa được phân tích sâu.

- Tên chương 3 của luận văn không nên đề đến năm 2025, mốc thời gian này có ý nghĩa gì? Hay có đặc điểm gì vào năm 2025 đối với việc xây dựng nông thôn mới?

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

1. Tác giả hãy bình luận về phong trào xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu nói riêng và trên địa bàn tỉnh An Giang nói chung dựa trên những hiểu biết sau quá trình nghiên cứu?

III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.		x

3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.	x	
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biệt ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Mặc dù còn một số vấn đề cần bổ sung và chỉnh sửa, tuy nhiên về cơ bản luận văn đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sĩ, đề nghị cho bảo vệ trước hội đồng để nhận học vị thạc sĩ

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét

(Ký & ghi rõ họ tên)



TS. Vòng Thành Nam



HCMUTE

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU NHẬN XÉT
LUẬN VĂN THẠC SỸ - HƯỚNG ỨNG DỤNG
(Dành cho giảng viên phản biện)

Tên đề tài luận văn thạc sỹ: **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Tên tác giả: **Huỳnh Hữu Thuận**

MSHV: **1881433**

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Khóa: **2018-2020**

Họ và tên người phản biện: **TS. Trần Đình Lý**

Chức danh: **Giảng viên chính**

Học vị: **Tiến Sĩ**

Cơ quan công tác: **Kinh tế**

Điện thoại liên hệ: **0903734877**

I. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về hình thức & kết cấu luận văn.

Đề tài LV được trình bày theo cấu trúc 3 chương, có nội dung khá phù hợp
Trình bày rõ ràng, tuy nhiên còn tồn tại các lỗi đánh máy (trang 1, 3; 7; 30 ...)

2. Về nội dung

2.1 Nhận xét về tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.

Đề tài LV được thực hiện theo hướng báo cáo của chính quyền địa phương nhiều hơn dạng nghiên cứu khoa học,
Các nghiên cứu thiếu trích dẫn và sự kế thừa từ các nghiên cứu trước

2.2 Nhận xét đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác có đúng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

LV đã thực hiện các trích dẫn để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên, việc trích dẫn chưa tuân thủ các quy định.

Việc trích dẫn tài liệu tham khảo website ở mục 1.1.3.4 (trang 30); mục 1.1.3.5 (trang 31) là chưa đúng format

Cần thực hiện trích dẫn theo hệ Harvard hoặc Cambridge

2.3 Nhận xét về mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.

Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng, phù hợp với nội dung và kết quả nghiên cứu
Phương pháp nghiên cứu được sử dụng còn chung chung, chưa trình bày được quy trình các bước là gì và trình tự thực hiện như thế nào?

2.4 Nhận xét Tổng quan của đề tài.

Đề tài LV đã thực hiện được tổng quan trong nước và nước ngoài
Các tổng quan từ các nước chưa đi sâu vào thực trạng xây dựng nông thôn mới, nên tham khảo thêm các chương trình của Nhật và Thái ... để có cái nhìn đa chiều về Nông thôn mới

Các tổng quan nghiên cứu trong nước chưa nêu nổi bật được phương pháp các nghiên cứu và kết quả, kiến nghị như thế nào?

2.5 Nhận xét đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.

Đề tài LV mô tả các tiêu chí mà địa phương đang thực hiện, chưa nêu bật được kết quả và hiệu quả của quá trình thực hiện nông thôn mới đòi hỏi chi phí, thời gian, cơ sở vật chất... như thế nào?

Từ đó rút ra kết luận là thực hiện nông thôn mới như thế nào để có các khuyến cáo phù hợp.

Cần nêu được các công việc trong quá trình thực hiện nông thôn mới mà địa phương đã thực hiện được và tiêu chí nào, lý do thực hiện được và chưa được để có bài học kinh nghiệm được đúc rút ra.

Chất lượng của LV có **HÀM LƯỢNG KHOA HỌC** ^{Chưa Cao} vì thiếu phương pháp luận và đánh giá tiêu chí đi kèm

2.6 Nhận xét đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.

Đề tài LV có khả năng ứng dụng chưa cao, mặc dù mang lại giá trị thực tiễn cho địa phương nhưng khó nhân rộng ra địa phương khác vì thiếu tổng quan lý thuyết và phương pháp luận chưa vững chắc

2.7 Luận văn cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì (thiết sót và tồn tại).

- LV cần bổ sung việc đánh giá các tiêu chí đã đạt như thế nào? lý do tại sao đạt và không đạt?
- Bổ sung phương pháp luận và tổng quan các nghiên cứu có liên quan trên thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm từ Nhật Bản và Thái Lan
- Các giải pháp đưa ra phải được xuất phát từ nội dung và kết quả phân tích,
- Chỉnh sửa và bổ sung mục tài liệu tham khảo
- LV ~~vẫn~~ đã đưa ra các giải pháp về: Công tác tuyên truyền; Ứng dụng KHKT vào sản xuất; Phát triển CL NNL; Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Đẩy mạnh cải cách hành chính... tác giả đưa ra các giải pháp này thì dựa trên cơ sở nào, phân tích ở đâu để chỉ ra những việc này là cần làm.

II. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM RÕ

(Các câu hỏi của giảng viên phản biện)

III. ĐÁNH GIÁ

TT	Mục đánh giá	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Tính khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết trong luận văn.	x	
2	Đánh giá việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả NC của người khác	x	

	cổ đưng qui định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.		
3	Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN.	x	
4	Tổng quan của đề tài.		x
5	Đánh giá về nội dung & chất lượng của LVTN.	x	
6	Đánh giá về khả năng ứng dụng, giá trị thực tiễn của đề tài.	x	

Đánh dấu chéo (x) vào ô muốn Đánh giá

IV. KẾT LUẬN

(Giảng viên phân biệt ghi rõ ý kiến "Tán thành luận văn" hay "Không tán thành luận văn")

Đồng ý

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2019

Người nhận xét

(Ký & ghi rõ họ tên)


TS. Trần Đình Lý

PHIẾU CÂU HỎI & ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BẢO VỆ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NĂM 2019

Ngành : Quản lý kinh tế
Họ & tên HV : **Huỳnh Hữu Thuận** MSHV: 1881433 Khóa: 2018-2020
Tên đề tài : ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN
GIANG
Người hướng dẫn : TS. Trần Văn Hiến
Người phản biện : TS. Trần Đình Lý
TS. Vòng Thịnh Nam

1. NỘI DUNG CÂU HỎI:

1) Cho biết trải nghiệm của bạn trong quá trình nghiên cứu và bảo vệ luận văn?
2) Cho biết có sự khác biệt nào giữa nghiên cứu và bảo vệ luận văn?

2. KẾT QUẢ BẢO VỆ:

TT	Mục đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1.	Tổng quan về hướng nghiên cứu	1	1
2.	Mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu sử dụng trong LVTN	1	1
3.	Đánh giá về nội dung nghiên cứu	4	3
4.	Đánh giá về khả năng trả lời câu hỏi của học viên	1	1
5.	Đánh giá về khả năng ứng dụng của đề tài	2	1
6.	Bài báo liên quan đến LVTN hoặc giấy xác nhận được đăng trên tạp chí chuyên ngành (*)	1	
Tổng điểm		10	70

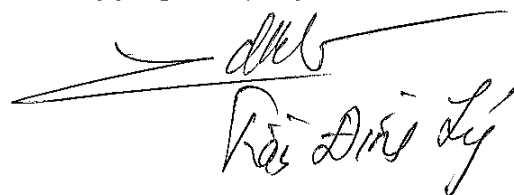
(*) Trong buổi bảo vệ HV phải trình bản gốc giấy xác nhận cùng nội dung bài báo hoặc bài báo được đăng

3. KẾT LUẬN: (Thành viên HĐ ghi rõ các ý kiến về việc chỉnh sửa, bổ sung những nội dung gì trong LVTN)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Thành viên HĐ chấm LVTN

(Ký & ghi rõ họ tên)


Trần Đình Lý



BIÊN BẢN CHỈNH SỬA LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

Học viên: Huỳnh Hữu Thuận MSHV: 1881433

Thuộc chuyên ngành: Quản lý kinh tế Khoa: 2018-2020

Thực hiện đề tài: "Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang"

Hôm nay, ngày 20 tháng 11 năm 2019, tôi đã hoàn tất việc chỉnh sửa luận văn tốt nghiệp (LVTN) theo ý kiến của Hội đồng chấm LVTN và phản biện với các nội dung sau đây:

TT	Nội dung cần phải chỉnh sửa	Trang số	Nội dung đã chỉnh sửa	Trang số
A	<i>Chỉnh sửa theo yêu cầu của phản biện</i>			
	TS. Vòng Thành Nam			
	Phần mở đầu:			
1.	Phương pháp nghiên cứu, cũng nên viết lại cho rõ ràng, kỹ lưỡng dùng phương pháp nào để làm gì cho luận văn.	8	Đã viết lại rõ ràng, kỹ lưỡng. Chọn phương pháp phù hợp cho luận văn..	7
	Chương 1			
2.	Cơ sở lý luận, tác giả nên cấu trúc, sắp xếp lại chương 1 để làm rõ tính chất quan trọng của một số mục, nội dung nghiên cứu về nông thôn mới	10-37	Đã cấu trúc, sắp xếp lại	10-34
3.	Bổ sung vai trò xây dựng nông thôn mới.	33	Đã Bổ sung Mục 1.2. Vai trò xây dựng nông thôn mới	30
	Chương 2			

4.	Mục 2.1, nên là “Tổng quan về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội TP Châu Đốc”.	42	Đã điều chỉnh	41
5.	Mục 2.2. Nên có tên là Khái quát về tình hình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc thì phù hợp hơn tên hiện tại	48	Đã điều chỉnh	47
6.	Bổ sung mục 2.3. Phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc thì phù hợp với hiện tại hơn. Ở mục này tác giả phân tích các nội dung xây dựng nông thôn mới đã đề ra ở chương 1.	59	Đã bổ sung mục 2.3	64
7.	Bổ sung mục 2.4. Phân tích các nhân tố tác động quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc.	68	Đã bổ sung mục 2.3	68
8.	Mục 2.5. Đánh giá thực trạng cũng chưa được phân tích sâu.	71	Đã bổ sung và phân tích chuyên sâu.	71
	Chương 3			
9.	Tên chương 3 của luận văn không nên đề đến năm 2025.	72	Đã bỏ mốc thời gian 2025.	78
	TS. Trần Đình Lý			
10.	Luận văn cần bổ sung việc đánh giá các tiêu chí đã đạt như thế nào? Lý do tại sao đạt và không đạt.	50	Đã bổ sung lý do đạt các tiêu chí (tại Mục 2.2.2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới)	49
11.	Bổ sung phương pháp luận và tổng quan các nghiên cứu có liên trên thế giới, đặt biệt là kinh nghiệm từ Nhật Bản và	17	Đã bổ sung: phương pháp luận.	8

	Thái Lan			
12.	Các giải pháp đưa ra phải được xuất phát từ nội dung và kết quả phân tích	82	Đã điều chỉnh	88
13.	Chỉnh sửa và bổ sung mục tài liệu tham khảo	95	Đã điều chỉnh và bổ sung.	100
14.	Luận văn đã đưa ra các giải pháp về: Công tác tuyên truyền; Ứng dụng KHKT vào sản xuất; Phát triển CL NNL; Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Đẩy mạnh cải cách hành chính... tác giả đưa ra các giải pháp này thì dựa trên cơ sở nào.	82	Đã điều chỉnh.	88
B	<i>Chỉnh sửa theo yêu cầu của hội đồng</i>			
15.	Chỉnh sửa theo góp ý của phản biện		Đã thực hiện.	

Đính kèm Biên bản này là phiếu nhận xét phản biện và biên bản chấm bảo vệ LVTN thạc sĩ.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng
năm 2019*

Xác nhận của Giảng viên hướng dẫn

Người hiệu chỉnh

Xác nhận của Chủ nhiệm ngành hoặc Cố vấn cao học

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cán bộ hướng dẫn khoa học :

Cán bộ chấm nhận xét 1:

Cán bộ chấm nhận xét 2:

Luận văn thạc sĩ được bảo vệ trước
HỘI ĐỒNG CHẤM BẢO VỆ LUẬN VĂN THẠC SĨ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
Ngày tháng năm

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho nghiên cứu sinh & học viên cao học)

Dán hình
3x4 & đóng
mộc giáp lại
hình

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ & tên: Huỳnh Hữu Thuận

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 17/02/1983

Nơi sinh: An Giang

Quê quán: Vĩnh Tế, Châu Đốc, An Giang

Dân tộc: Kinh

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi học tập, nghiên cứu: Công chức Địa chính xã.

Ủy Ban Nhân Dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Ủy Ban Nhân Dân xã Vĩnh Châu, TPCĐ, AG

Điện thoại cơ quan: 02963.863.994

Điện thoại nhà riêng: 0853.778.779

Fax: 02963.863.998

E-mail: huuthuanvc@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo từ: 2002 đến 2004 Nơi học

(trường, thành phố): Trường Công Nghiệp Tuy Hòa, học tại TP HCM

Ngành học: Trắc Địa

2. Đại học:

Hệ đào tạo: Từ xa

Thời gian đào tạo từ: 2010 đến 2014 Nơi học

(trường, thành phố): Trường Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên; TPCĐ – AG.

Ngành học: Luật

Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp: Môn: Luật Kinh Tế: “Luật Thương Mại; Quản lý Nhà nước và pháp luật”

Ngày & nơi bảo vệ đề án, luận án hoặc thi tốt nghiệp: Tháng 10/2014 – tại hội đồng Trường Đại học Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Người hướng dẫn:.

3. Thạc sĩ:

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo từ: 04/2018 đến 10/2019

Nơi học (trường, thành phố): Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Ngành học: Quản lý kinh tế

Tên luận văn:

“Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng Nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang”

Ngày & nơi bảo vệ luận văn: Ngày 27/10/2019, tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.

Hồ Chí Minh.

Người hướng dẫn: Tiến sĩ Trần Văn Hiên.

4. Tiến sĩ:

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ/..... đến/.....

Tại (trường, viện, nước):

Tên luận án:

Người hướng dẫn:

Ngày & nơi bảo vệ:

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): Trình độ B1

6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày & nơi cấp:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2007 đến nay	UBND xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	Công chức Địa chính

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN hoặc ĐỊA PHƯƠNG

Ngày tháng năm 2019
Người khai ký tên

Huỳnh Hữu Thuận

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 201...

Tác giả luận văn

Huỳnh Hữu Thuận

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian học tập nghiên cứu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp thạc sĩ, ngoài sự cố gắng của bản thân, tôi còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các thầy cô trong và ngoài trường.

Qua đây tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản lý Kinh tế đã dìu dắt, dạy dỗ tôi trong quá trình học tập tại trường.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất tới thầy - T.S Trần Văn Hiên, người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian viết Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cán bộ UBND xã Vĩnh Châu và UBND thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành tốt nội dung luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã quan tâm động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn luận văn tốt nghiệp của mình.

Với tất cả sự cố gắng và nỗ lực tôi đã hoàn thành Luận văn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong sự đóng góp của quý thầy cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 201...

Tác giả luận văn

Huỳnh Hữu Thuận

TÓM TẮT LUẬN VĂN

Xã Vĩnh Châu là 01 trong 5 phường, 02 xã trực thuộc thành phố Châu Đốc. Xã thành lập từ năm 2003 được tách ra từ xã Vĩnh Mỹ (cũ). Địa giới hành chính của xã: Phía Đông giáp phường Vĩnh Mỹ; phía Tây giáp xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên; Phía Nam giáp kênh Đào, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu phú; Phía Bắc giáp xã Vĩnh Tế và phường Núi Sam thành phố Châu Đốc. Tổng diện tích tự nhiên 2.289,40 ha, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp 2.068,77 ha, đất lâm nghiệp có rừng 99 ha. Toàn xã được phân thành 03 ấp, có 4.149 nhân khẩu với tổng số 1.116 hộ. Số lao động trong độ tuổi 2.626 người, chiếm tỷ lệ 63,3% trên tổng số nhân khẩu toàn xã. Dân tộc kinh chiếm tỷ lệ 99,99%, Khomer chiếm tỷ lệ 0,1%. Thời điểm mới chia tách, cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, điện, nước sinh hoạt,...) trên địa bàn xã chưa được hoàn thiện, các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao rất hạn chế; đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao (trên 20%).

Xã Vĩnh Châu rất vinh dự là một trong các xã điểm được UBND tỉnh chọn thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Trong những năm qua, Chương trình NTM được thực hiện tại xã đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Chương trình vẫn còn gặp khó khăn, tồn tại cần giải quyết.

Nhận thấy được tính cấp thiết của vấn đề này, trong quá trình làm việc tại Ủy ban nhân dân xã tôi quyết định lựa chọn đề tài Đề tài: “ ***Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng Nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.***”. Để làm luận văn tốt nghiệp của mình.

Mục tiêu khi nghiên cứu đề tài này là có được cái nhìn tổng quát về Chương trình NTM, từ đó, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và những chính sách nhà nước triển khai khi thực hiện Chương trình, đưa ra giải pháp, kiến nghị để Chương trình thực hiện hiệu quả hơn, hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Nhằm làm rõ mục tiêu đề ra, đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Tập trung nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo 19 tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Ngoài ra có nghiên cứu thêm một số về tính lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình nông thôn mới

Phương pháp nghiên cứu bao gồm pháp phân tích và tổng hợp; Qan sát khoa học và phương pháp tổng kết kinh nghiệm. Các bài viết liên quan trên các trang web, website; các bài báo cáo kinh tế xã hội, báo cáo riêng về Chương trình nông thôn mới tại xã của Chương trình nông thôn mới tại xã. Từ đó để có những nhận xét chân thực nhất về tình hình thực hiện trên địa bàn.

Để hoàn thành việc xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể xã tiếp tục tuyên truyền, phổ biến nhằm giúp người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, đồng thời phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc tham gia thực hiện. Đồng thời vận động người dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ, phát triển kinh tế hộ gia đình, mở rộng ngành nghề, tạo việc làm. Tiếp tục vận động người dân nâng cấp nhà cửa, cải tạo sân vườn, tường rào và các công trình vệ sinh; đảm bảo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp.

ABSTRACT SUMMARY

Vinh Chau is one of 5 wards and 02 communes of Chau Doc city. Commune established in 2003 was separated from Vinh My commune (old). The administrative boundaries of the commune: The East borders Vinh My ward; the West borders Thoi Son commune, Tinh Bien district; The South borders Dao Canal, O Long Vi Commune, Chau Phu District; The North borders Vinh Te commune and Nui Sam ward of Chau Doc city. The total natural area is 2,289.40 hectares, of which, agricultural land is 2,068.77 hectares, forest land is 99 hectares. The whole commune is divided into 03 hamlets with 4,149 people and a total of 1,116 households. The number of employees in the age group is 2,626 people, accounting for 63.3% of the total population of the whole commune. Kinh people account for 99.99%, Khmer people 0.1%. At the time of the separation, rural infrastructure (transportation, irrigation, schools, health stations, electricity, running water, etc.) in the commune was not yet completed, educational and medical activities were not completed. culture, sport and physical training are very limited; material and spiritual life of the people still faces many difficulties, the percentage of poor households accounts for a high proportion (over 20%).

Vinh Chau Commune is honored to be one of the selected communes selected by the Provincial People's Committee to implement the National Program on New Rural Construction. In recent years, the NTM program implemented in the commune has created many positive changes, creating favorable conditions for socio-economic development of the locality. However, during the implementation of the Program, there are still difficulties and shortcomings that need to be addressed.

Recognizing the urgency of this issue, during the course of working at the People's Committee of the commune, I decided to select the topic: “Assessing the implementation of the new Rural development policy in Vinh Chau commune , Chau Doc City, An Giang Province. ”. To do my graduation thesis.

The objective of researching this topic is to have an overview of the NTM Program, from which, point out the achievements, limitations and state policies implemented when implementing the Program, propose solutions, propose to the Program to implement it more effectively, in the near future.

In order to clarify the objectives, the research object of the topic is: Focusing on researching and evaluating the implementation of the New Rural Construction Program according to 19 criteria under the National Criteria for New Rural Vinh Chau commune, Chau Doc city, An Giang province. In addition, a number of theoretical and practical studies have been developed to develop a new model of vomiting

Research methods include analytical and synthesis methods; Scientific surveys and methods of summarizing experience. Related articles on websites, websites; socio-economic reports, separate reports on the new rural program in the commune of the new rural program in the commune. From there to make the most honest comments on the implementation situation in the area.

To complete the construction of a new model countryside in Vinh Chau commune, Chau Doc city. Party committees, authorities, Fronts and organizations, communal organizations continue to propagate and disseminate to help people understand the purpose and meaning of building a new model countryside, while promoting the role of subjects of people participating in the implementation. At the same time, mobilize the people to change the economic structure, increase the proportion of husbandry and services, develop the household economy, expand trades and create jobs. Continuing to mobilize people to upgrade their houses, renovate gardens, fences and toilets; Ensuring green, clean and beautiful landscape environment.

MỤC LỤC

Trang tựa	TRANG
Quyết định giao đề tài	
Lý lịch cá nhân	
Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Tóm tắt	iii
Mục lục	vii
Danh sách các chữ viết tắt	x
PHẦN PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Các công trình nghiên cứu có liên quan (ngoài và trong nước)	3
3. Mục tiêu nghiên cứu	7
4. Đối tượng nghiên cứu	7
5. Phạm vi nghiên cứu.....	7
6. Phương pháp nghiên cứu.....	8
7. Đóng góp của luận văn.....	8
8. Kết cấu của luận văn.....	9
PHẦN NỘI DUNG	10
Chương 1. Cơ sở lý luận, thực tiễn chủ trương xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay	10
1.1. Cơ sở lý luận, thực tiễn xây dựng nông thôn mới	10
1.1.1. Quan niệm và sự cần thiết xây dựng nông thôn mới ở nước ta	10
1.1.2. Đặt trưng của nông thôn mới	14
1.1.3. Kinh nghiệm thực tiễn xây dựng nông thôn mới trên Thế giới, Việt Nam	14
1.2. Vai trò xây dựng nông thôn mới	30

1.3. Chủ trương xây dựng nông thôn mới với trọng tâm là chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay	31
1.3.1. Chủ trương về xây dựng nông thôn mới	31
1.3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	34
Chương 2. Kết quả thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang 2010-2018	41
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	41
2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên	41
2.1.2. Đặc điểm văn hoá, xã hội.....	44
2.1.3. Tình hình phát triển kinh tế	45
2.2. Khái quát về tình hình xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang từ 2010 - 2018	47
2.2.1. Quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu.....	47
2.2.2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu.....	49
2.3. Phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc, tỉnh An Giang	64
2.3.1. Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu	64
2.3.2. Các hoạt động thúc đẩy mục tiêu phát triển xã Vĩnh Châu.....	65
2.3.3. Quản lý kinh phí trong thực hiện mô hình nông thôn mới xã Vĩnh Châu.....	67
2.4. Phân tích các nhân tố tác động đến quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc, tỉnh An Giang	68
2.5. Đánh giá thực trạng	71
2.5.1. Những kết quả tiến bộ đạt được	71
2.5.2. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân trong thực hiện xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.....	73
2.5.3. Một số bài học rút ra từ thực hiện xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	77

Chương 3. Giải pháp nâng chất xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc	78
3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp	78
<i>3.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.....</i>	<i>78</i>
<i>3.1.2. Cơ sở pháp lý.....</i>	<i>83</i>
<i>3.1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ nâng chất xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang</i>	<i>86</i>
3.2. Giải pháp nâng chất xây dựng nông thôn mới	88
3.3. Kiến nghị.....	94
PHẦN KẾT LUẬN.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
PHỤ LỤC.....	103

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH – HĐH	: Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
GTVT	: Giao thông vận tải
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTX	: Hợp tác xã
KH – KT	: Khoa học - kỹ thuật
KT -XH	: Kinh tế xã hội
KH – CN	: Khoa học – Công nghệ
NTM	: Nông thôn mới
BQL	: Ban quản lý
MTQG	: Mục tiêu quốc gia
SU	: Phong trào Làng mới (Saemaulundong)
THCS	: Trung học cơ sở
UBND	: Ủy ban nhân dân
LĐNT	: Lao động nông thôn
Vnđ	: Việt Nam đồng

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Nông thôn là nơi sinh sống của một bộ phận dân cư chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Nước ta hiện nay vẫn là một nước nông nghiệp với 66,9% dân số đang sống ở nông thôn. Phát triển nông thôn đã, đang và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu, có vai trò quyết định đối với việc ổn định kinh tế, xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới là: “Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại”.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội X, Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khóa 10) ra Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008 đã nêu một cách toàn diện quan điểm của Đảng ta về xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết khẳng định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò to lớn, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nông nghiệp, nông thôn của nước ta còn là khu vực giàu tiềm năng cần khai thác một cách hiệu quả.

Thực hiện đường lối của Đảng, ngày 28/10/2008, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ban hành một Chương trình hành động mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đây là một Chương trình có nội dung toàn diện, tổng hợp các chương trình mục tiêu, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan trực tiếp tới kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Những năm gần đây, chương trình đã và đang được thực hiện trên khắp cả nước và đạt được những thành tựu nhất định.

Xã Vĩnh Châu rất vinh dự được UBND tỉnh chọn là một trong các xã điểm thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân xã xác định đây mục tiêu, nhiệm vụ rất quan trọng phải thực hiện và

quyết tâm hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015. Sau gần 03 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND cùng các Sở, ngành tỉnh; đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Thành ủy, UBND, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới của thành phố. Từ đó, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới được triển khai kịp thời từ trong nội bộ Đảng đến quần chúng, tạo sự đồng thuận cao và người dân có ý thức mình là vai trò chủ thể cùng với Đảng bộ, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới. Vĩnh Châu được công nhận danh hiệu “Xã Nông Thông Mới” năm 2013.

Song song với những thuận lợi, xã cũng gặp một số khó khăn như: Chưa có sẵn mô hình xã nông thôn mới để xã học tập và làm theo, do đó trong quá trình xây dựng xã phải vừa làm, vừa tự rút kinh nghiệm. Bên cạnh đó, một số chủ trương, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới khi đi vào thực tế không phù hợp phải kiến nghị thay đổi, điều chỉnh. Trong quá trình xây dựng xã nông thôn mới vào thời điểm cắt giảm đầu tư công nên việc đầu tư từ ngân sách gặp nhiều khó khăn. Các nguồn lực hỗ trợ đầu tư từ các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp không nhiều, nguồn vốn trong dân chưa đủ khả năng đáp ứng nhu cầu.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân hầu hết đều đồng thuận cao cùng với Đảng, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới, nhưng vẫn còn một bộ phận người dân nhận thức chưa cao còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, cho đây là những việc Nhà nước phải thực hiện. Công tác chỉ đạo điều hành phối hợp trong Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã đôi lúc chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực cán bộ xã trẻ còn hạn chế kinh nghiệm thực tiễn nên việc vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả chưa cao.

Để nhìn lại tình hình thực hiện, những thành tựu đạt được, những hạn chế trong quá trình thực hiện cũng như tìm ra giải pháp khắc phục những hạn chế đó để Chương trình đạt chất lượng, hiệu quả hơn trong thời gian tới ở xã, tôi quyết định chọn đề tài: “***Đánh giá tình hình thực hiện chủ trương xây dựng Nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.***” làm đề tài khóa luận cuối khóa của mình.

2. Các công trình nghiên cứu có liên quan (ngoài nước và trong nước)

2.1. Một số nghiên cứu ngoài nước:

- Cuốn sách “Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển” của Frans Elltis đã nêu lên những vấn đề cơ bản của chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển thông qua việc nghiên cứu lý thuyết, khảo cứu thực tiễn ở nhiều quốc gia châu Á, châu Phi, Châu Mỹ La Tinh. Cuốn sách đã đề cập những vấn đề về chính sách phát triển vùng, chính sách hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, chính sách thương mại nông sản, những vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hóa. Điều đặc biệt đáng lưu ý là công trình này đã xem xét nền nông nghiệp của các nước đang phát triển trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa gắn liền với phát triển thương mại nông sản trên thế giới; đồng thời, nêu lên mô hình thành công, thất bại trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân.

- Công trình “Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam” của Benedict J. ter Kerckvliet, Jamesscott do Nguyễn Ngọc và Đỗ Đức Định sưu tầm và giới thiệu, đã nghiên cứu về vai trò, đặc điểm của nông dân, thiết chế nông thôn ở một số nước trên thế giới và những kết quả bước đầu trong nghiên cứu làng truyền thống ở Việt Nam.

Những điểm đáng chú ý của công trình này có giá trị tham khảo cho việc giải quyết những vấn đề của chính sách phát triển nông thôn nước ta hiện nay như: tương lai của các trang trại nhỏ, nông dân với khoa học, hệ tư tưởng của nông dân, các hình thức sở hữu đất đai, những mô hình tiến hóa nông thôn ở các nước nông nghiệp trồng lúa.

- Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. đã trình bày những vấn đề có tính chất lý luận về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, khái quát một số vấn đề về nông thôn và công nghiệp hóa nông thôn như: khái niệm về nông thôn, vấn đề phát triển nông thôn, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn các nước châu Á, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Tác giả khẳng định: định hướng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn nước ta do Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra có thể sắp xếp thành 3 nhóm cụ thể:

- + Thứ nhất, phát triển nông nghiệp;
- + Thứ hai, phát triển công nghiệp theo hướng CNH, HĐH;
- + Thứ ba, cải tạo, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng KT - XH nông thôn.

Những nội dung đó có mối quan hệ hữu cơ với nhau trong quá trình tiến hành CNH nông nghiệp và nông thôn như: phát triển các ngành nghề công nghiệp nông thôn, phát triển nông nghiệp theo hướng HĐH, cải tạo, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn...

- Lê Thế Cương với bài viết, “Thực Tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam” đã phân tích những nội dung mấu chốt từ thực Tiễn con đường “hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc”, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với xây dựng nông thôn ở nước ta. Những bài học được tác giả chỉ ra trên những vấn đề cơ bản như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo chuyển biến một cách rõ rệt để nhận thức sâu sắc hơn vai trò, ý nghĩa của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong cả hệ thống chính trị, đặc biệt chủ thể chính là cư dân khu vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, đổi mới cơ chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm túc, quyết liệt những chính sách và chương trình kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đó ban hành; đẩy mạnh phát triển chất lượng nhân lực, nguồn lực kỹ thuật các trường, viện, trung tâm nghiên cứu nông nghiệp; phát triển công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng; xây dựng, hỗ trợ, phát triển các tổ chức kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đẩy mạnh nguồn vốn đầu tư vào nông nghiệp.

2.2. Một số nghiên cứu trong nước:

- Nguyễn Văn Bích, trong cuốn sách "Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại" đã nhìn nhận một cách toàn diện lịch sử phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta trong thế kỷ XX, nhất là 20 năm đổi mới. Trong đó, nội dung nghiên cứu được kết cấu theo các giai đoạn:

+ Thứ nhất, nông nghiệp; nông thôn Việt Nam dưới chế độ thuộc địa, nửa phong kiến (1901 - 1945);

+ Thứ hai, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam từ khi ra đời nước Việt Nam dân

chủ cộng hòa đến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1945 - 1975);

+ Thứ ba, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH (1976 - 1986);

+ Thứ tư, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới (1986 - 2006). Cuốn sách đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn trong nông nghiệp, nông thôn, về quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý. Đặc biệt, đã nêu được bối cảnh về sự phát triển của nền kinh tế nước ta nói chung, nền nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

- Chu Hữu Quý, trong cuốn sách "Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn, nông nghiệp Việt Nam" đã đánh giá thực trạng nông thôn nước ta hiện nay trên hai khía cạnh: vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn; sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực đối với việc chăm lo thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Trên những đánh giá đó, tác giả nhận định một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, kể cả phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; chủ trương, chính sách tiếp tục phát triển KT - XH nông thôn nước ta. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở năm 1995.

- Đặng Kim Sơn, với cuốn "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau" nêu bật thực trạng các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn hiện nay; những thành tựu, khó khăn, vướng mắc còn tồn tại. Xuất phát từ thực tiễn, tác giả đã đề xuất những định hướng và kiến nghị chính sách nhằm đưa nông nghiệp, nông dân, nông thôn ngày càng phát triển.

- Nguyễn Ngọc Hà, trong cuốn sách "Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)" tập trung làm rõ những điều kiện lịch sử và quá trình hình thành những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng xã hội nông thôn Việt Nam văn minh hiện đại; nghiên cứu một cách toàn diện về kinh tế nông nghiệp và những biến đổi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới; quá trình triển khai thực hiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp và những thành tựu đạt được. Trong đó, tập trung vào nội dung trọng tâm là vấn đề Đảng lãnh đạo thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, quản lý ruộng đất, giải

phóng sức lao động, phát huy sự năng động, sáng tạo của người nông dân...

- Nguyễn Thị Tố Quyên, trong cuốn sách "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011 - 2020" đề cập đến vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam trước những bối cảnh, cơ hội và thách thức trong mô hình tăng trưởng kinh tế. Trong đó, lý thuyết về nông nghiệp, nông thôn đã được phân tích qua ba trường phái chính đó là:

+ Thứ nhất, đề cao vai trò của nông nghiệp, coi nông nghiệp là cơ sở hay tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa;

+ Thứ hai, với quan điểm tiến thẳng vào công nghiệp hóa, đô thị hóa;

+ Thứ ba, với tư tưởng kết hợp hài hòa giữa nông nghiệp và công nghiệp, nông thôn và đô thị trong quá trình phát triển.

+ Ngoài ra, cuốn sách còn phân tích thực trạng một số điểm nổi bật về nông nghiệp, nông thôn, nông dân từ năm 2000 đến nay trên các mặt thành công và những vấn đề tồn tại chủ yếu của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay.

- Võ Chí Công, “Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta” đã làm rõ những vấn đề: đổi mới quản lý xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, thực trạng quản lý kinh tế và yêu cầu của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp... và một số vấn đề xây dựng nông thôn mới XHCN trong mối quan hệ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Tác giả nhấn mạnh, xây dựng NTM XHCN là sự nghiệp trọng đại, có nhiều khó khăn và đang là vấn đề đòi hỏi cấp bách; giải quyết vấn đề này phải đồng bộ trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Việc đổi mới quản lý, phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn bó với việc giải quyết đúng đắn các vấn đề xã hội và xây dựng NTM XHCN bằng những việc làm thiết thực: tổ chức làm tốt, có chất lượng việc xây dựng quy hoạch tổng thể KT - XH của từng huyện, từng xã thể hiện sự thống nhất hài hòa giữa quy hoạch phát triển sản xuất nông - công nghiệp, quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng..., phải có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM XHCN, phải thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa đi đôi với đề cao kỷ luật và pháp luật trong quản lý kinh tế...

- Phạm Xuân Nam, với công trình “Phát triển nông thôn” là một công trình

nghiên cứu chuyên sâu về phát triển nông thôn. Tác giả đã phân tích khá sâu sắc một số nội dung về phát triển KT - XH nông thôn nước ta như: dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, vấn đề sử dụng và quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, vấn đề phân tầng xã hội và xóa đói giảm nghèo. Khi phân tích những thành tựu, yếu kém, thách thức đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, tác giả đã chỉ ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách và cách thức chỉ đạo của Nhà nước trong quá trình vận động của nông thôn.

3. Mục tiêu nghiên cứu.

3.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu, đánh giá đúng đắn, khách quan có cơ sở khoa học và thực tiễn tình hình thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3.2. Mục tiêu riêng

- Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới và chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

- Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới với trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đề xuất các giải pháp nâng chất xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đến 2025.

4. Đối tượng nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo 19 tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

5. Phạm vi nghiên cứu.

+ Không gian: Nghiên cứu trên địa bàn xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

+ Thời gian: Nghiên cứu về thực hiện xây dựng nông thôn mới ở xã Vĩnh Châu trong thời gian 2010 – 2018, đề xuất giải pháp thực hiện.

6. Phương pháp nghiên cứu.

Các phương pháp được sử dụng trong đề tài bao gồm:

Thứ nhất, phương pháp phân tích và tổng hợp. Đề tài tiến hành phân tích tổng hợp các tài liệu tham khảo và các nghiên cứu trước đó về cơ sở pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về chương trình xây dựng nông thôn mới như các văn bản, quyết định, báo cáo kết quả có liên quan đến công tác quản lý nhà nước.

Thứ hai, phương pháp quan sát khoa học và tổng kết kinh nghiệm để thu thập các số liệu có liên quan đến quản lý nhà nước và chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, các số liệu, tài liệu từ các nghiên cứu liên quan đến đề tài nhằm đưa ra thực trạng của vấn đề nghiên cứu.

Thứ ba, phương pháp thu thập số liệu và phân tích xử lý số liệu được sử dụng để thống kê mô tả, thống kê so sánh, đối chiếu, phân tích tương quan các số liệu thu thập để phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm thấy rõ những thuận lợi, khó khăn, những bất cập và những nguyên nhân gây ra hạn chế trong quản lý nhà nước. Đây là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn nghiên cứu.

7. Đóng góp của luận văn.

- Hệ thống hóa, làm rõ hơn một số cơ sở khoa học về nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương cấp tỉnh; trên cơ sở đó làm rõ những nội dung, xu hướng xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh An Giang.

- Đánh giá thực trạng và nhận diện những vấn đề đặt ra đối với xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh An Giang.

- Đề xuất giải pháp chủ yếu nâng chất xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang giai đoạn 2018 đến năm 2025

Ý nghĩa lý luận của luận văn

Luận văn đã hệ thống hóa lý luận, trình bày rõ, đúng vai trò, nội dung, vị trí quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới và ảnh hưởng của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước, tỉnh An Giang nói chung, ở Vĩnh Châu,

thành phố Châu Đốc nói riêng.

Đề tài có thể dùng làm tài liệu tham khảo nghiên cứu và học tập trong lĩnh vực nông thôn mới. Các khuyến nghị và dự báo có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý hoạch định chính sách tại địa phương.

Ý nghĩa thực Tiễn của luận văn

Luận văn đánh giá đúng thực trạng, những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và tác động của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đưa ra những kiến nghị phương hướng, giải pháp cơ bản nhằm xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

8. Kết cấu của luận văn.

Luận văn gồm: Phần mở đầu; Phần nội dung có 3 chương, và Phần Kết luận; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Cấu trúc chung của Luận văn gồm các phần chính sau:

1. Phần mở đầu
2. Phần nội dung
 - Chương 1: Cơ sở lý luận về nông thôn mới
 - Chương 2: Tình hình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
 - Chương 3: Giải pháp duy trì nâng chất các tiêu chí nông thôn mới và Hoàn thành tiêu chí nâng cao của trung ương
3. Phần Kết luận
4. Tài liệu tham khảo
5. Phụ lục

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.1. Cơ sở lý luận và thực Tiễn xây dựng nông thôn mới

1.1.1. Quan niệm và sự cần thiết xây dựng nông thôn mới nước ta

1.1.1.1. Quan niệm về nông thôn, nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới Thứ nhất, quan niệm về nông thôn

Nông thôn được coi như là khu vực địa lý nơi đó sinh kế cộng đồng gắn bó, có quan hệ trực tiếp đến khai thác, sử dụng, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hiện nay vẫn chưa có khái niệm chuẩn xác về nông thôn và còn có nhiều quan điểm khác nhau. Khi khái niệm về nông thôn người ta thường so sánh nông thôn với đô thị. Có ý kiến cho rằng, khi xem xét nông thôn dùng chỉ tiêu mật độ dân số, số lượng dân cư ở nông thôn thấp hơn so với thành thị.

Có quan điểm lại cho rằng dựa vào chỉ tiêu trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng, có nghĩa là vùng nông thôn có cơ sở hạ tầng không phát triển bằng thành thị. Một quan điểm khác lại cho rằng, vùng nông thôn là vùng có dân cư làm nông nghiệp là chủ yếu, tức là nguồn sinh kế chính của cư dân nông thôn trong vùng là từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Những ý kiến này chỉ đúng trong từng khía cạnh cụ thể và từng nước nhất định, phụ thuộc vào trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế, cơ chế áp dụng cho từng nền kinh tế. Như vậy, khái niệm nông thôn chỉ có tính chất tương đối, nó có thể thay đổi theo thời gian và theo tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam chúng ta có thể hiểu: “*Nông thôn là vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân. Tập hợp cư dân này tham gia vào các hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường trong một thể chế chính trị nhất định và chịu ảnh hưởng của các tổ chức khác*”. (Giáo trình phát triển nông thôn trường ĐHNN Hà Nội, trang 11, 2005)

Đến nay, theo Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/08/2009 của theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khái niệm nông thôn được thống nhất là: *“Nông thôn là phân lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã”*.

Thứ hai, nông thôn mới

Khái niệm nông thôn mới trước tiên phải là nông thôn chứ không phải là Thị tứ; Thứ hai, là nông thôn mới chứ không phải nông thôn truyền thống. Nếu so sánh giữa nông thôn mới và nông thôn truyền thống, thì nông thôn mới phải bao hàm cơ cấu và chức năng mới.

- Là nông thôn mà trong đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông dân được đào tạo, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới.

- Nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch, gắn kết hợp lý giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ. Sức mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Khái niệm mô hình nông thôn mới mang đặc trưng của mỗi vùng nông thôn khác nhau. Nhìn chung, mô hình nông thôn mới là mô hình cấp xã, thôn được phát triển toàn diện theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá và văn minh hoá.

Sự hình dung chung của các nhà nghiên cứu về mô hình nông thôn mới là những kiểu mẫu cộng đồng theo tiêu chí mới, tiếp thu những bài học khoa học - kỹ thuật hiện đại, song vẫn giữ được nét đặc trưng, tính cách Việt Nam trong cuộc sống văn hoá, tinh thần.

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Trung ương xác định: *Nông thôn mới là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội*

nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, nông thôn mới là một trạng thái phát triển cao, toàn diện của xã hội nông thôn, kết hợp được đầy đủ các mặt từ kinh tế tới phát triển văn hoá, giáo dục, môi trường, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, hệ thống chính trị.

Thứ ba, xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới không phải là việc biến làng xã thành các Thị tứ hay cố định nông dân tại nông thôn. Đô thị hoá và phi nông hoá nông dân chính là nguồn động lực quan trọng để xây dựng nông thôn mới. Xây dựng nông thôn mới phải đặt trong bối cảnh đô thị hoá. Trong khi đó, chuyển dịch lao động nông thôn chính là nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng nông thôn mới với chủ thể là các tổ chức nông dân. Các tổ chức hợp tác khu xã nông dân kiểu mới đóng một vai trò đặc biệt trong sự nghiệp này.

Xây dựng NTM là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hóa, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

Xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. NTM không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp.

Xây dựng NTM giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 26 Hội nghị Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn là: *xây dựng, tổ chức cuộc sống của dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái gắn với phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ.*

1.1.1.2. Sự cần thiết xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay

Sau 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên nhìn chung còn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế như: Nông nghiệp phát triển kém bền vững, sức cạnh tranh còn thấp, sự chuyển giao khoa học – công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế. Xây dựng nông thôn mới là cần thiết trong quá trình đổi mới và phát triển của đất nước, thể hiện ở các vấn đề sau:

Kết cấu hạ tầng nội thôn (điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi, còn nhiều yếu kém, vừa thiếu, vừa không đồng bộ); nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp, tỷ lệ giao thông nông thôn được cứng hoá thấp; giao thông nội đồng ít được quan tâm đầu tư; hệ thống thủy lợi cần được đầu tư nâng cấp; chất lượng lưới điện nông thôn chưa thực sự an toàn; cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hoá còn rất hạn chế, mạng lưới chợ nông thôn chưa được đầu tư đồng bộ, trụ sở xã nhiều nơi xuống cấp. Mặt bằng để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn đạt chuẩn quốc gia rất khó khăn, dân cư phân bố rải rác, kinh tế hộ kém phát triển.

Sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, bảo quản chế biến còn hạn chế, chưa gắn chế biến với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chất lượng nông sản chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp còn chậm, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp còn thấp; cơ giới hoá chưa đồng bộ.

Thu nhập của nông dân thấp; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; sự liên kết giữa người sản xuất và các thành phần kinh tế khác ở khu vực nông thôn chưa chặt chẽ. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại, hợp tác xã còn nhiều yếu kém. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn cao, cơ hội có việc làm mới tại địa phương không nhiều, tỷ lệ lao động nông lâm nghiệp qua đào tạo thấp; tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Đời sống tinh thần của nhân dân còn hạn chế, nhiều nét văn hoá truyền thống đang có nguy cơ mai một (tiếng nói, phong tục, trang phục...); nhà ở dân cư nông thôn vẫn còn nhiều nhà tạm, dột nát. Hiện nay, kinh tế – xã hội khu vực nông thôn chủ yếu phát triển tự phát, chưa theo quy hoạch.

Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, cần 3 yếu tố

chính: đất đai, vốn và lao động kỹ thuật. Qua việc xây dựng nông thôn mới sẽ triển khai quy hoạch tổng thể, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa.

Mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Vì vậy, một nước công nghiệp không thể để nông nghiệp, nông thôn lạc hậu, nông dân nghèo khó.

1.1.2. Đặc trưng của nông thôn mới và các nhân tố tác động đến xây dựng nông thôn mới

Theo cuốn “Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới” (Nhà xuất bản Lao động 2010), đặc trưng của Nông thôn mới thời kỳ CNH - HĐH, giai đoạn 2010 -2020, bao gồm:

- Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao.
- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có kế cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ.
- Dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy.
- An ninh tốt, quản lý dân chủ.
- Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao....

1.1.3. Kinh nghiệm thực Tiễn xây dựng nông thôn mới trên thế giới, Việt Nam

1.1.3.1. Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc

Vào những năm đầu 60 Hàn Quốc vẫn là nước chậm phát triển, nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính với khoảng 2/3 dân số sống ở khu vực nông thôn, nông dân quen sống trong cảnh nghèo nàn, an phận, thiếu tinh thần trách nhiệm. Do vậy nhiều chính sách mới về phát triển nông thôn ra đời nhằm khắc phục tình trạng trên.

Năm 1971, Hàn Quốc triển khai phát triển nông thôn từ phong trào Saemaul Undong (SU- xây dựng làng nông thôn mới của Hàn Quốc), trong đó tập trung các chương trình khởi động tin thần Saemaul và thực hiện các dự án cải thiện môi trường cơ bản, qua đó để hình thành nền tảng hợp tác và tự lực cho người dân xây dựng nông thôn mới. Từ phong trào này đã góp phần nâng cao thu nhập cho các

nông dân thông qua việc trồng trọt các loại cây chuyên biệt, chăn nuôi, cải thiện phúc lợi và môi trường.

Quỹ toàn cầu hóa nông thôn mới (SGF) do tỉnh Gyeongsangbuk, Hàn Quốc thành lập năm 2013, là tổ chức phi lợi nhuận, vì lợi ích cộng đồng, đóng góp công sức vào việc phát triển nông thôn, đẩy lùi đói nghèo ở các nước đang phát triển, thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm thành công từ phong trào Saemaul.

Bài học của Hàn Quốc về phát triển nông thôn đáng để nhiều nước quan tâm và suy ngẫm. Cùng với nhiều biện pháp quan trọng khác, Hàn Quốc đã đặt mục tiêu là làm thay đổi suy nghĩ thụ động và tư tưởng ỷ lại của phần lớn người dân nông thôn. Từ đó sẽ làm cho nông dân có niềm tin và tích cực với sự nghiệp phát triển nông thôn, làm việc chăm chỉ, độc lập và có tính cộng đồng cao.

Tổ chức phát triển nông thôn được thành lập chặt chẽ từ trung ương đến cơ sở. Mỗi làng bầu ra "Ủy ban Phát triển Làng mới" gồm từ 5 đến 10 người để vạch kế hoạch và tiến hành dự án phát triển nông thôn.

Nguyên tắc cơ bản của phong trào làng mới: Nhà nước hỗ trợ vật tư, nhân dân đóng góp công của. Nhân dân quyết định loại công trình nào ưu tiên xây dựng và chịu trách nhiệm quyết định toàn bộ thiết kế, chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình. Sự giúp đỡ của Nhà nước trong những năm đầu chiếm tỷ lệ cao, dần dần các năm sau, tỷ lệ hỗ trợ của Nhà nước giảm trong khi quy mô địa phương và nhân dân tham gia tăng dần. Nội dung thực hiện của chương trình:

+ Thứ nhất là, phát huy nội lực của nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Bao gồm: Cải thiện cơ sở hạ tầng cho từng hộ dân như ngói hoá nhà ở, lắp điện thoại, nâng cấp hàng rào quanh nhà... và kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của nông dân.

+ Thứ hai là, thực hiện các dự án nhằm tăng thu nhập cho nông dân như tăng năng suất cây trồng, xây dựng vùng chuyên canh, thúc đẩy hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phát triển chăn nuôi, trồng rừng, đa canh.

+ Kết quả đạt được, 12 loại dự án mở rộng đường nông thôn, thay mái lá cho nhà ở, lắp đặt cống và máy bơm, xây dựng các trạm giặt công cộng cho làng và sân chơi cho trẻ em đã bắt đầu được tiến hành. Sau 8 năm, đến năm 1978, toàn bộ nhà

nông thôn đã được ngôi hoá (năm 1970 có gần 80% nhà ở nông thôn lợp lá), hệ thống giao thông nông thôn đã được xây dựng hoàn chỉnh. Sau 20 năm, đã có đến 84% rừng được trồng trong thời gian phát động phong trào làng mới. Sau 6 năm thực hiện, thu nhập trung bình của nông hộ tăng lên 3 lần từ 1025 USD năm 1972 lên 2061 USD năm 1977 và thu nhập bình quân của các hộ nông thôn trở nên cao tương đương thu nhập bình quân của các hộ thành phố. Đây là một điều khó có thể thực hiện được ở bất cứ một nước nào trên thế giới.

Thông qua phong trào nông thôn mới, Hàn Quốc đã phổ cập được hạ tầng cơ sở ở nông thôn, thu nhỏ khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, nâng cao trình độ tổ chức của nông dân, chấn hưng tinh thần quốc dân, cuộc sống của người nông dân cũng đạt đến mức khá giả, nông thôn đã bắt kịp tiến trình hiện đại hóa của cả Hàn Quốc, đồng thời đưa thu nhập quốc dân Hàn Quốc đạt đến tiêu chí của một quốc gia phát triển.

Những kinh nghiệm từ chính sách được áp dụng cho phong trào đổi mới nông thôn của Hàn Quốc:

Thứ nhất, phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Trong chương trình xây dựng NTM của Hàn Quốc, Nhà nước chủ yếu đầu tư vật tư như: xi măng, sắt thép, nhân dân đóng góp công sức, đất đai, tiền của. Sự giúp đỡ của nhà nước trong những năm đầu chiếm tỷ lệ cao, giảm dần vào các năm sau đó khi qui mô địa phương và nhân dân tham gia tăng dần.

Chương trình bắt đầu bằng các công trình xây dựng cho từng hộ nông dân như ngôi nhà ở, lắp đặt điện thoại, nâng cấp hàng rào quanh nhà... làng nào làm tốt bước cơ bản mới được chuyển sang xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của cộng đồng như đường làng, đường nhánh nông thôn, cầu cống, kè, hệ thống cấp thoát nước, điện, hội trường, nhà tắm công cộng, sân chơi trẻ em, trồng cây và hoa...

Bước đầu, 16.000 làng được lựa chọn, không phân biệt đặc điểm, làng giàu, làng nghèo. Xi măng sản xuất ứ thừa của các nhà máy được Chính phủ mua rẻ, phân phối hỗ trợ mỗi làng 300 bao làm chương trình. Tổng số hỗ trợ cho mỗi làng từ năm 1971 đến 1978 là 84 tấn xi măng và 2,6 tấn sắt thép. Tổng giá trị xi măng, sắt thép

tương đương với 2.000 USD/làng theo tỷ giá năm 1974

Trợ giúp vật chất khiêm tốn này được coi như chất xúc tác thúc đẩy phong trào đi lên cùng với chính sách đúng đắn, Nhà nước khơi dậy được nguồn lực từ nhân dân cho phong trào đổi mới nông thôn. Sau 8 năm, năm 1978, các dự án phát triển hạ tầng nông thôn cơ bản hoàn thành. Từ 80% nhà lá, toàn bộ nhà nông thôn được ngói hóa, từ 27% tới 98% gia đình có điện, 70.000 cầu, 24.000 hồ chứa, 42.220 km đường làng được nâng cấp và xây dựng .

Thứ hai, phát triển sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân.

Những làng hoàn thành tốt các dự án kết cấu hạ tầng sẽ được triển khai các dự án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập như: khuyến nông, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, xây dựng vùng chuyên canh, xây dựng hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, trồng rừng, kinh doanh... Hỗ trợ của nhà nước chuyển sang bằng tiền dưới hai dạng cho vay và cho không. Khoảng 750 ngàn nông hộ ở 137 vùng đã được hỗ trợ, khuyến khích sản xuất, chế biến, kinh doanh 21 mặt hàng bao gồm: gia cầm, thịt bò, sữa bò, dâu tằm, hoa màu, cây ăn quả, cá, nấm...

Đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, hầu hết các làng ở nông thôn Hàn Quốc đều tham gia vào các dự án nâng cao thu nhập cho nông dân. Trong vòng 6 năm, thu nhập bình quân các nông trại tăng gần 3 lần, từ 1.025 USD năm 1972 lên 2.961 USD năm 1977, quan trọng nhất là thu nhập gia đình nông thôn tương đương thu nhập bình quân của các hộ ở thành phố .

Mục tiêu quan trọng nhất của chương trình là biến đổi nông thôn đã thành công. Trong những năm 70, Chương trình Saemaul một mặt giữ chân, tạo thu nhập cho đông đảo lao động đi ra từ sản xuất nông nghiệp, mặt khác đã giúp nâng cao tay nghề và khả năng quản lý, ý thức công nghiệp cho lực lượng lao động nông thôn. Khi ra thành phố kiếm việc làm họ dễ dàng bắt kịp kỹ năng và tác phong hiện đại. Do có đủ phẩm chất, khả năng đáp ứng với nhu cầu công việc cao hơn ở lĩnh vực công nghiệp, tổng số người làm nghề nông đã giảm 50%.

Thứ ba, phát huy dân chủ của nhân dân trong phong trào đổi mới nông thôn.

Dân chủ ở nông thôn thực sự được phát huy thông qua vai trò tự quản lý của nhân dân. Nhà nước chuyển toàn bộ quyền tự quản lý vật tư cho nhân dân. Nhân dân chủ động bầu ra Ủy ban phát triển nông thôn nhằm đại diện quản lý, đồng thời

bàn bạc, thảo luận công trình nào cần ưu tiên và tự chịu trách nhiệm toàn bộ việc thiết kế, chỉ đạo, thi công, nghiệm thu công trình.

Thứ tư, trong phong trào đổi mới nông thôn do nguồn lực hạn hẹp, Hàn Quốc thực hiện phương châm làm từng bước, từ thấp đến cao, từ thí điểm trên diện hẹp đưa ra toàn quốc, từ xây dựng lan sang sản xuất, từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp để nông dân có đủ thời gian chuyển đổi cách nghĩ, cách làm, có đủ thời gian để chọn lựa, đào tạo cán bộ cơ sở, nông hộ có thời gian để tự tích lũy tái sản xuất mở rộng, chương trình tiến hành trong nhiều năm theo các bước từ thấp đến cao.

Chính sách đúng trong phong trào Saemaul thập kỷ 1970 là một mũi tên trúng nhiều đích: cứu cho sản xuất công nghiệp tình trạng dư thừa sản phẩm, giúp hệ thống ngân hàng quay vòng vốn nhanh, đổi thay bộ mặt nông thôn và sản xuất nông nghiệp tăng trưởng. Vào năm 1980, bộ mặt nông thôn Hàn Quốc đó hoàn toàn thay đổi với đầy đủ điện, đường, nước sạch, công trình văn hóa... “Saemaulundong” từ một phong trào ở nông thôn đó lan ra thành một phong trào đổi mới toàn xã hội Hàn Quốc, KT - XH nông thôn đã thay đổi toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn ngày càng cao.

1.1.3.2. Xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc

Trung Quốc có 38.000 xã thì có gần 10.000 xã và 300.000 thôn không có đường nhựa và bê tông liên thông nhau. Khoảng 20 triệu hộ nông dân không có điện dùng. Tỷ lệ đóng góp của khoa học công nghệ cho nông nghiệp chỉ đạt 40% (tỷ lệ này ở các nước phát triển là 75-80%). Trong khi đó, qua khảo sát trên diện rộng, các nhà nghiên cứu thấy rằng, phổ biến là các nhà lãnh đạo, giới truyền thông, các học giả thì rất nhiệt huyết với phong trào, nhưng ở cơ sở thì nông dân tỏ ra bàng quan. khu vực kém phát triển thì tính tích cực của người dân càng ít. Điều đó một phần do hạn chế về kinh tế nhưng chủ yếu do trình độ văn hóa và nhận thức của người dân.

Từ khi khởi xướng chương trình “Tam nông”, Chính phủ Trung Quốc đã ngày càng tăng đầu tư và bảo hộ cho phát triển nông thôn - nông nghiệp. Nếu năm 2000 mức chi là 123,1 tỷ nhân dân tệ thì năm 2006 là 339,7 tỷ nhân dân tệ (tăng 2,75 lần). Nhưng nhiều nơi sử dụng nguồn kinh phí này không đúng mục đích.

Nhiều nơi còn kê khống mà thực chất là chi cho việc khác. Tình trạng trên đã dẫn đến kết quả là: Hiệu quả của chương trình “Tam nông” bị hạn chế.

Trước tình hình đó, Trung Quốc đã có những điều chỉnh tích cực bằng nhiều giải pháp và chính sách. Tôi chỉ xin nêu tóm lược 2 giải pháp lớn được coi là thiết thực, hữu hiệu trong phát triển nông nghiệp - nông thôn ở Trung Quốc những năm vừa qua. Đây cũng là những bài học mà chúng ta có thể tham khảo.

Xây dựng NTM hình thành mô hình Nông thôn Văn minh

Từ đầu năm 2000, Trung Quốc chỉ đạo xây dựng 10 làng mẫu, những làng đầu tiên có thiết kế kiến trúc “thô cứng”: Đường thẳng tắp, dân cư chia thành các ô bàn cờ vuông vức, kiến trúc các nhà dân theo một số kiểu giống nhau, ít cây xanh và không gian cảnh quan công cộng xen kẽ. Do đó nó giống phố hơn làng. Những làng xây dựng về sau có tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp nên quy hoạch kiến trúc cảnh quan giống resort hơn.



Ở Trung Quốc, nhiều người là lao động làm thuê cho doanh nghiệp.

Bất kể làng mới nào cũng có điểm nổi bật là: Hạ tầng công cộng rất đầy đủ và hiện đại, nhất là đường sá, trụ sở, khu thể thao, khu vui chơi giải trí, dịch vụ. Nhà dân có khuôn viên rộng khoảng 300-500 m² đều xây dựng nhà 2-3 tầng kiến trúc hiện đại, tiện nghi sinh hoạt của các gia đình đều đầy đủ, nhiều nhà có ô tô du lịch và máy móc cơ khí cho sản xuất nông nghiệp. Đồng ruộng được cải tạo lại, sản xuất chuyên canh. Mỗi làng đều có doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất hoặc chế biến nông sản. Nông dân có thể nhượng đất hoặc cho doanh nghiệp thuê đất. Hầu hết lao động

ở nông thôn đều có việc làm, nhiều người làm dịch vụ môi trường, thương mại, sửa chữa thiết bị máy móc. Nhiều người là lao động làm thuê cho doanh nghiệp (hình thành lớp công nhân nông nghiệp ở nông thôn).

Vai trò nhà nước thể hiện ở chỗ chỉ đạo xây dựng chương trình quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch: tập trung dân cư vào khu vực có phong thủy tốt, hỗ trợ đầu tư hạ tầng công cộng; nhà nước cấp đất để dân xây dựng nhà ở, chi phí xây dựng do người dân tự lo nhưng phải xây dựng theo quy hoạch, kiến trúc; mỗi hương, xã đều có ít nhất 2-3 kỹ sư xây dựng và kiến trúc sư của Nhà nước ở tại đó đã hướng dẫn và giám sát xây dựng. Do đó các làng mới đều rất đẹp, không chỉ hiện đại, văn minh mà vẫn mang đầy đủ bản sắc nông thôn. Các làng mẫu của Trung Quốc đã đón hàng chục triệu khách trong nước và quốc tế đến tham quan học tập. Hình ảnh những làng mới như vậy đối nghịch rất nhiều với những làng “cũ” chưa làm NTM.

Chính quyền Trung Quốc cho biết: Họ xây dựng mô hình làng mới đó để thay đổi tư duy cho người Trung Quốc, rằng: NTM là phải như thế và có thể làm được. Nơi có điều kiện, cán bộ giỏi thì có thể hoàn thành trong 5-7 năm. Nơi kém thì có thể sau 50 năm cũng không sao cả. Tuy nhiên đến nay đã hình thành hàng chục ngàn làng mới và rất nhiều làng còn đẹp hơn các làng mẫu ban đầu.

Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn

Chính phủ Trung Quốc xác định: Xây dựng NTM là công trình thế kỷ, liên quan đến lợi ích của gần 1 tỷ nông dân, phạm vi xây dựng rộng, nội dung thực hiện lớn, lại tiến hành trong tình hình nguồn tài chính quốc gia trợ cấp không thể đủ nên việc phải làm thế nào để các tầng lớp xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp công - thương thấy được lợi ích từ phong trào này mà tham gia đầu tư, tài trợ mạnh mẽ, thì khi đó xây dựng NTM mới có thể thành công.

Mặt khác một trong những nhiệm vụ quan trọng của xây dựng NTM là phải phát triển, hiện đại hóa nông nghiệp. Ngoài việc hiện đại hóa hạ tầng sản xuất như: thủy lợi, đường sá, thông tin, chế biến, xử lý ô nhiễm môi trường...thì cần phải chuyên môn hóa, thâm canh cho các sản phẩm chủ lực của địa phương, gắn kết được thị trường trong nước và quốc tế...thì mới có điều kiện tăng sức cạnh tranh

của nông sản và tăng thu nhập cho khu vực nông thôn. Chính vì vậy mà việc đưa doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ vào khu vực này là có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Chính phủ Trung Quốc đã có một loạt các chính sách để thúc đẩy thu hút doanh nghiệp đầu tư. Trong đó phải kể đến một số giải pháp như:

+ Truyền thông rộng rãi cho các tầng lớp và giới doanh nghiệp công thương thấy rõ cơ hội và lợi ích khi tham gia đầu tư vào nông nghiệp và xây dựng NTM. Từ định hướng đó, với các chính sách cụ thể kèm theo đã giúp các doanh nghiệp tính toán xác định lĩnh vực, ngành nghề đầu tư trên cơ sở tính toán chi phí cơ hội và lợi thế.

+ Thực hiện chủ trương “sản nghiệp hóa nông nghiệp”. “Sản nghiệp hóa nông nghiệp” được giải thích là: Lấy thị trường trong và ngoài nước làm hướng đi, lấy nông hộ làm cơ sở, lấy doanh nghiệp đầu tư làm chỗ dựa, lấy hiệu quả kinh tế làm trung tâm. Trong thực tế là chuyển dịch đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Tập trung chuyên môn hóa vào các nghề trụ cột và sản phẩm chủ đạo của nông nghiệp địa phương. Thực hiện nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với thị trường bằng sản xuất theo chuỗi giá trị: Từ sản xuất - cung ứng - tiêu thụ... các khâu trước - trong và sau của quá trình sản xuất trở thành một hệ thống kết nối chặt chẽ. Chính phủ cũng thực hiện giao đất cho nông dân (năm 2010) và nông dân có quyền được nhượng lại hoặc cho doanh nghiệp thuê sản xuất, giá cả do Nhà nước quy định sẵn. Nông dân sau khi nhượng hoặc cho doanh nghiệp thuê vẫn có thể trở thành lao động làm thuê cho doanh nghiệp.

+ Dùng lợi ích thiết thực để khuyến khích thu hút các doanh nghiệp công thương và cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, xây dựng NTM. Trước hết là chính sách thuế: Chính phủ vẫn thực hiện tăng thu thuế nói chung đối với doanh nghiệp nhưng lại giảm rất lớn cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và xây dựng nông thôn. Ví dụ, thuế thu năm 2005 tăng so với 2004 là 20% nhưng 99% số thuế thu được là do các doanh nghiệp phi nông nghiệp đóng góp. Chính phủ miễn giảm thuế VAT cho doanh nghiệp chuyên sản xuất ra thuốc trừ sâu sinh học, phân hữu cơ. Các doanh nghiệp hợp tác với nông dân, hợp tác xã chế biến hàng nông sản được miễn thuế thu nhập. Về các chính sách hỗ trợ, các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp

tùy theo chính sách ngành nghề sẽ được hỗ trợ đầu tư hạ tầng thích hợp. Nhiều nơi mức hỗ trợ cải tạo đồng ruộng, xây dựng giao thông nội đồng, hệ thống tưới tiêu, nhà lưới, nhà kính, xử lý ô nhiễm môi trường tới 20-25% tổng chi phí. Ngoài ra những doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực nghèo, khó khăn, xa đô thị mà ở đó hệ thống hạ tầng như giao thông, thông tin liên lạc còn thiếu thốn thì còn được hưởng mức hỗ trợ lớn hơn. Chính phủ có chính sách mua sản phẩm của các doanh nghiệp nông nghiệp (tất nhiên là có tỷ lệ quy định với từng loại doanh nghiệp, loại sản phẩm và các vùng khác nhau), giải pháp này chủ yếu là áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, để tạo chỗ dựa cho họ đứng vững hơn trước những rủi ro của thiên tai và thị trường.

+ Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xây dựng NTM được truyền thông quảng cáo miễn một phần hoặc toàn bộ chi phí, coi đó như một khoản để đầu tư trở lại cho nông nghiệp nông thôn. Đây là 1 khoản chi phí không nhỏ trong điều kiện cạnh tranh (doanh nghiệp buộc phải quảng cáo sản phẩm và thương hiệu của mình). Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được hưởng nhiều chính sách ưu tiên, nhưng trong một số trường hợp vẫn phải thực hiện “đấu thầu”. Các địa phương đều thực hiện ưu tiên hơn cho các doanh nghiệp có nhiều lợi thế về mặt kỹ thuật, tài chính, thị trường, có phương án kinh doanh tốt (gọi là ưu tiên doanh nghiệp đầu rông). Đồng thời chính phủ cũng đưa ra điều kiện bắt buộc: nếu doanh nghiệp muốn tham gia vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng NTM thì phải đầu tư vào thị trường chứng khoán để đảm bảo nguồn huy động vốn của doanh nghiệp.

Với các chính sách như vậy, nông nghiệp nông thôn Trung Quốc đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư. Đó là yếu tố quyết định làm thay đổi lớn năng lực cạnh tranh quốc tế của nhiều mặt hàng nông sản, đồng thời là yếu tố quan trọng tác động làm thay đổi diện mạo nông thôn Trung Quốc.

Một số kinh nghiệm rút ra từ quá trình thực hiện cải cách nông thôn và xây dựng NTM XHCN ở Trung Quốc:

Thứ nhất, luôn kiên trì với mục tiêu cơ bản đảm bảo lợi ích kinh tế của nông dân. Con đường cải cách nông thôn Trung Quốc lấy việc giải quyết những vấn đề

mà nông dân quan tâm, trực tiếp, gắn trực tiếp với đời sống của người dân, do đó đã phát huy, khơi dậy được tính tích cực của đông đảo nông dân, nhờ đó công cuộc cải cách NTM đã giành được những kết quả to lớn.

Thứ hai, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của quần chúng nông dân. Trung Quốc thực hiện kiện toàn cơ chế tự quản lý của nông dân, chế độ bàn bạc công khai, dân chủ trong các công việc của nông thôn để quần chúng nông dân thực sự có quyền được biết, quyền tham dự, quyền quản lý, quyền giám sát trong quá trình xây dựng NTM XHCN.

Thứ ba, xử lý tốt mối quan hệ giữa cải cách, phát triển, ổn định, kiên trì thực hiện thúc đẩy cải cách có tính toán tổng thể thành thị và nông thôn một cách khoa học căn cứ vào điều kiện thực tế.

Thứ tư, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho người dân thông qua các chương trình phổ cập giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, xây dựng và kiện toàn cơ chế đảm bảo kinh phí giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn, mở rộng trên quy mô lớn việc bồi dưỡng kỹ năng cho lao động nông thôn.

1.1.3.3. Xây dựng nông thôn mới ở Thái Lan

Là một nước nông nghiệp truyền thống, dân số nông thôn chiếm khoảng 80%, Thái Lan đã áp dụng một số chiến lược để phát triển nông nghiệp, nông thôn như: Tăng cường vai trò của cá nhân và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ của từng cá nhân và tập thể bằng cách mở các lớp học và các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; tăng cường công tác bảo hiểm xã hội cho nông dân, giải quyết tốt vấn đề nợ trong nông nghiệp; giảm nguy cơ rủi ro và thiết lập hệ thống bảo hiểm rủi ro cho nông dân.

Nhà nước đã hỗ trợ để tăng sức cạnh tranh với các hình thức, như tổ chức hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp, đẩy mạnh công tác tiếp thị; phân bổ khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách khoa học và hợp lý, ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi và kịp thời phục hồi những khu vực mà tài nguyên đã bị suy thoái; giải quyết những mâu thuẫn có liên quan đến việc sử dụng tài nguyên lâm, thủy hải sản, đất đai, đa dạng sinh học, phân bổ đất canh tác. Trong xây dựng kết cấu hạ tầng, Nhà nước đã có chiến lược xây dựng và phân bổ hợp lý các công trình thủy lợi

lớn phục vụ cho nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới tiêu cho hầu hết đất canh tác trên toàn quốc, góp phần nâng cao năng suất lúa và các loại cây trồng khác trong sản xuất nông nghiệp. Chương trình điện khí hóa nông thôn với việc xây dựng các trạm thủy điện vừa và nhỏ được triển khai rộng khắp cả nước...

Trong công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chính phủ đã tập trung vào các nội dung: Cơ cấu lại ngành nghề phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn, đồng thời cũng xem xét đến các nguồn tài nguyên, những kỹ năng truyền thống, nội lực, tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất và tiếp thị song song với việc cân đối nhu cầu tiêu dùng trong nước và nhập khẩu. Tập trung phát triển các ngành mũi nhọn như sản xuất hàng nông nghiệp, thủy, hải sản phục vụ xuất khẩu, thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp chế biến nông sản cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nhất là các nước công nghiệp phát triển.

Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Thái Lan phát triển rất mạnh nhờ một số chính sách sau: 1) Chính sách phát triển nông nghiệp, kế hoạch cơ cấu lại mặt hàng nông sản của Bộ Nông nghiệp Thái Lan, nhằm mục đích nâng cao chất lượng và sản lượng của 12 mặt hàng nông sản, trong đó có các mặt hàng: gạo, dưa, tôm, gà và cà phê. Nhiều sáng kiến làm gia tăng giá trị cho nông sản được khuyến khích trong chương trình Mỗi làng một sản phẩm và chương trình Quỹ làng; 2) Chính sách bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, thường xuyên thực hiện chương trình quảng bá vệ sinh an toàn thực phẩm. Năm 2004, Thái Lan phát động chương trình “Năm an toàn thực phẩm và Thái Lan là bếp ăn của thế giới” với mục đích khuyến khích các nhà chế biến và nông dân có hành động kiểm soát chất lượng vệ sinh thực phẩm để bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chính phủ thường xuyên hỗ trợ cho doanh nghiệp cải thiện chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngày nay, thực phẩm chế biến của Thái Lan được người tiêu dùng ở các thị trường khó tính, như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU, chấp nhận; 3) Mở cửa thị trường khi thích hợp, tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút mạnh các nhà đầu tư nước ngoài vào liên doanh với các nhà sản xuất trong nước để phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, thông qua việc mở cửa cho các quốc gia dù lớn hay nhỏ vào đầu tư kinh doanh. Trong tiếp cận thị trường xuất khẩu, Chính phủ là người đại

diện thương lượng với chính phủ các nước để các doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh trong xuất khẩu thực phẩm chế biến. Đồng thời, Chính phủ có chính sách trợ cấp ban đầu cho các nhà máy chế biến và đầu tư trực tiếp vào kết cấu hạ tầng như: Cảng kho lạnh, sàn đấu giá và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; xúc tiến công nghiệp và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã, cùng với Cục Xúc tiến nông nghiệp, Cục Hợp tác xã giúp nông dân xây dựng hợp tác xã để thực hiện các hoạt động, trong đó có chế biến thực phẩm; Cục Thủy sản giúp đỡ nông dân từ nuôi trồng, đánh bắt đến chế biến thủy sản. Cơ quan Tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp xúc tiến tiêu chuẩn hoá và hệ thống chất lượng; Cơ quan Phát triển công nghệ và khoa học quốc gia xúc tiến việc áp dụng khoa học và công nghệ cho chế biến; Bộ Đầu tư xúc tiến đầu tư vào vùng nông thôn. (Tuấn anh, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/nong-nghiep-nong-thon/2012/14689/Kinh-nghiem-xay-dung-nong-thon-moi-o-mot-so-nuoc-tren.aspx>)

1.1.3.4. Xây dựng nông thôn mới ở xã Châu Đốc, Phù Ninh, Phú Thọ

Năm 2016, xã Châu Đốc chính thức được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); đây là xã đầu tiên cán đích NTM của huyện Phù Ninh sau 6 năm triển khai xây dựng NTM trên địa bàn. Có thể khẳng định rằng, những cách làm sáng tạo, kinh nghiệm của Châu Đốc sẽ là tiền đề quan trọng để huyện thực hiện tốt kế hoạch xây dựng NTM trong thời gian tiếp theo.

Khi bắt tay vào xây dựng NTM, Châu Đốc gặp không ít khó khăn, bởi chỉ có 7/19 tiêu chí đạt chuẩn theo bộ tiêu chí. Tuy nhiên, cấp ủy, chính quyền xã đã khẩn trương xác định những thuận lợi, khó khăn, đồng thời tranh thủ sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, Đảng ủy, chính quyền xã đã tập trung vào việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng dân cư về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của chương trình xây dựng NTM, từ đó đã tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao của nhân dân trên địa bàn trong việc góp công, góp sức thực hiện các tiêu chí NTM. Cũng giống nhiều địa phương khác của tỉnh, cuộc sống của người dân Châu Đốc chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp, vì vậy xuất phát điểm để xây dựng chương trình của xã rất thấp. Sau khi chương trình xây dựng NTM được triển khai, nhiều phong

trào mới như việc phấn đấu nâng cao mức sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo; chỉnh trang nhà ở; làm đường giao thông nông thôn; vệ sinh đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp; thu gom, xử lý rác thải... bắt đầu được tổ chức thực hiện và dần đi vào nề nếp, vừa tạo khí thế phấn khởi cho nhân dân, vừa nuôi dưỡng sức dân và được lòng dân. Từ đó đã khơi dậy và phát huy tốt vai trò chủ thể của nhân dân là nhân tố quyết định thành công của chương trình.

Nhờ có các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú của xã nên đông đảo các cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện trước, dần dần bà con nhân dân đã nhận thức, hiểu ra vấn đề rồi làm theo... Đến nay, cả xã hiện có 100% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa; 88% số nhà đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng; chợ nông thôn được nâng cấp đạt chuẩn tiêu chí chợ NTM, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, giao thương buôn bán của nhân dân. Đặc biệt, các công trình giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng được đầu tư xây dựng đã tạo điều kiện cho bà con nông dân phát triển sản xuất, năng suất lúa hằng năm đạt cao, đồng thời tạo thuận lợi cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động và phát triển, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của nhân dân địa phương. Nhờ đó, thu nhập bình quân đầu người của xã đã không ngừng tăng lên, đến nay đạt 37,1 triệu đồng/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 4,6%...

Làng nghề truyền thống đem lại những lợi thế không nhỏ trong tiến trình xây dựng NTM ở nhiều địa phương. Năm 2009, làng nghề hoa làng Thượng thuộc khu 6, xã Châu Đốc được công nhận là làng nghề duy nhất của huyện Phù Ninh, nghề trồng hoa được xem là một cứu cánh trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, đem lại cuộc sống sung túc, ấm no cho người dân ở đây. Gặp ông Nguyễn Văn Viễn, một trong những hộ trồng hoa lớn nhất khu 6 đang tất bật trong vườn hoa cúc để chăm sóc những luống hoa đến kỳ thu hoạch, chúng tôi được biết: Gia đình ông trồng hơn 2 sào hoa cúc các loại, tương đương với hơn 30.000 gốc, ngoài ra gia đình còn trồng thêm hoa lay ơn, hoa hồng. Mỗi năm, nghề trồng hoa đem lại thu nhập cho gia đình ông khoảng 30 - 50 triệu đồng. Trước đó, chỉ có một số ít hộ trồng hoa trên đất vườn, đất ruộng thay cho trồng rau màu, nhờ hiệu quả kinh tế cao nên giờ đây nhiều người dân đã chuyển sang trồng chuyên canh hoa.

Đạt được thành công trong xây dựng NTM, trước hết, đó là nhờ công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú để nhân dân hiểu xây dựng NTM là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là chương trình của dân, do dân và vì dân, nhân dân là chủ thể và là đối tượng trực tiếp được thụ hưởng. Qua đó nhận được sự ủng hộ kịp thời và tích cực của nhân dân, khơi dậy tinh thần tự lực, làm chủ của người dân để chung tay, chung sức xây dựng NTM. Bên cạnh đó, phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể; nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phong trào xây dựng NTM, từ đó thu hút sự đồng tình, ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

1.1.3.5. Xây dựng nông thôn mới ở một xã nghèo Xuân Thủy, Xuân Trường, Nam Định

Xuân Thủy là một xã thuần nông, có diện đất tự nhiên nhỏ nhất nhưng lại là “lá cờ đầu” trong thâm canh sản xuất lúa của huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, xã Xuân Thủy đồng thời cũng là điển hình của tỉnh Nam Định trong khắc phục khó khăn, đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới...

Quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xã Xuân Thủy luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường và sự quan tâm giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và huyện. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền được duy trì thường xuyên trên hệ thống phát thanh nội bộ của xã để cán bộ và nhân dân nắm chắc Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Đại hội Đảng bộ xã Xuân Thủy giai đoạn 2010 - 2015 xác định mục tiêu đến năm 2020 hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Quá trình xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ và chính quyền xã đã xác định từng mục tiêu phù hợp với mỗi giai đoạn cụ thể; trong đó, giai đoạn 2010 - 2015 tập trung vào nhiệm vụ chính là phát triển nông nghiệp. Đến năm 2012, khi có chủ trương dồn điền đổi thửa, xã Xuân Thủy đã chủ động kiên cố hóa toàn bộ nội đồng, hệ thống kênh mương, phát triển giao thông đi lại, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, sản xuất hàng

hóa. Đánh giá về hiệu quả của quá trình dồn điền đổi thửa mang lại, đồng chí Đặng Kim Thuyết, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Xuân Thủy cho biết: Trước năm 2012, bình quân mỗi hộ trong xã có đến 05 thửa ruộng; sau khi tiến hành dồn điền đổi thửa, bình quân chỉ còn 03 thửa/1 hộ. Với chính sách dồn điền đổi thửa, người nông dân có điều kiện áp dụng khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất cây trồng phát triển nông nghiệp làm mũi nhọn. Ngoài sản xuất nông nghiệp, Xuân Thủy có đến 50% số lao động có sức khỏe đi làm ăn xa địa phương. Năm 2018, bình quân thu nhập người dân trong xã đã đạt 33,2 triệu/người/năm.

Với quan điểm xây dựng nông thôn mới toàn diện, hiệu quả, trong giai đoạn 2015 - 2017, xã Xuân Thủy đã đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa, phát triển giáo dục đảm bảo đủ tiêu chí mỗi nhà trường có ít nhất 08 phòng học. Cùng với đó, các ban ngành đoàn thể trong xã như: Hội nông dân xã đã vận động các hội viên xây dựng gia đình nông dân văn hóa; hội Phụ nữ đẩy mạnh phong trào “5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, vận động cán bộ, hội viên tích cực học tập, lao động, xây dựng gia đình hạnh phúc, tham gia bảo vệ môi trường. Hội cựu chiến binh với các mô hình trồng cây xanh, xây dựng các tuyến đường tự quản, gương mẫu trong trong lời nói và việc làm để con cháu noi theo. Đoàn Thanh niên phối hợp với các trường học tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường... Ghi nhận những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân xã Xuân Thủy, UBND tỉnh Nam Định đã công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2017.

Một kinh nghiệm quan trọng rút ra trong xây dựng nông thôn mới ở xã Xuân Thủy đó là Đảng bộ và nhân dân đã thường xuyên thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Đến nay, hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn xã Xuân Thủy cơ bản đã được bê tông hóa và trồng hoa hai bên lề đường. Các công trình phục vụ dân sinh như: trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, xóm được xã hỗ trợ xây dựng, tu sửa nâng cấp khang trang đúng theo tiêu chuẩn. Nếu như trước đây, Xuân Thủy được biết đến như là một xã nghèo của huyện Xuân Trường, thì giờ đây Chương trình xây dựng nông thôn mới với nhiều giải pháp tích cực, hiệu quả đã và đang thực sự góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn mới nơi đây. Năm 2018, các trường tiểu học trong xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia; riêng các

trường mầm non phấn đấu đạt chuẩn vào tháng 6/2019. Toàn xã Xuân Thủy hiện có 70% các xóm đạt chuẩn văn hóa; 85 % các hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Xuân Thủy luôn xác định mục tiêu cao nhất và cốt lõi của việc xây dựng nông thôn mới là nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cả về vật chất và tinh thần cho người dân. Vì vậy, bên cạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, Xuân Thủy đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế gắn với tiềm năng thế mạnh của địa phương như đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng; nuôi tôm, chăn nuôi lợn, bò theo mô hình liên kết, phát triển kinh tế vườn.

Sau 7 năm thực hiện, vượt qua những khó khăn về kinh tế - xã hội, Đảng bộ và chính quyền xã Xuân Thủy, các ban ngành, đoàn thể trong xã đã quán triệt và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh về đích trước xây dựng nông thôn mới. Diện mạo nông thôn được đổi mới ngày càng khang trang, sạch đẹp, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên, các thiết chế văn hóa được củng cố, sản xuất nông nghiệp phát triển, an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

(Đặng Xuân Khu, <http://dangcongsan.vn/xa-hoi/kinh-nghiem-xay-dung-nong-thon-moi-o-mot-xa-ngheo-524132.html>)

1.1.3.6. Một số bài học kinh nghiệm rút ra từ thực Tiễn xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới và một số xã ở Việt Nam

Một là, xây dựng nông thôn thực chất là thực hiện các nội dung cụ thể để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phải gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hai là, phải thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. do cộng đồng dân cư làm chủ, trong đó người dân là chủ thể; huy động nội lực từ xã hội hoá là chính, Nhà nước chỉ đóng vai trò hỗ trợ thì công cuộc xây dựng NTM mới thành công bền vững. Từ đó sẽ khắc phục được tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Ba là, Công tác tuyên truyền, vận động người dân nông thôn tham gia là giải pháp quan trọng hàng đầu. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công của Chương trình.

Bốn là, phải có cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, địa phương thông qua lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách. Có phương thức huy động các nguồn lực phù hợp.

Năm là, lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực đa dạng; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ không gượng ép quá sức dân.

1.2. Vai trò của xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế, xã hội:

* **Về kinh tế:** Nông thôn có nền sản xuất hàng hoá mở, hướng đến thị trường và giao lưu, hội nhập. Để đạt được điều đó, kết cấu hạ tầng của nông thôn phải hiện đại, tạo điều kiện cho mở rộng sản xuất giao lưu buôn bán.

- Thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển nhanh, khuyến khích mọi người tham gia vào thị trường, hạn chế rủi ro cho nông dân, điều chỉnh, giảm bớt sự phân hoá giàu nghèo, chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị.

- Hình thức sở hữu đa dạng, trong đó chú ý xây dựng mới các hợp tác xã theo mô hình kinh doanh đa ngành. Hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với các phương án sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề ở nông thôn.

- Sản xuất hàng hoá có chất lượng cao, mang nét độc đáo, đặc sắc của từng vùng, địa phương. Tập trung đầu tư vào những trang thiết bị, công nghệ sản xuất, chế biến bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch.

* **Về chính trị:** Phát huy dân chủ với tinh thần thượng tôn pháp luật, gắn lệ làng, hương ước với pháp luật để điều chỉnh hành vi con người, đảm bảo tính pháp lý, tôn trọng kỷ cương phép nước, phát huy tính tự chủ của làng xã.

Phát huy tối đa quy chế dân chủ ở cơ sở, tôn trọng hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức hiệp hội vì lợi ích cộng đồng, nhằm huy động tổng lực vào xây

dựng nông thôn mới.

* **Về văn hoá xã hội:** Xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, giúp nhau xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

* **Về con người**

Xây dựng hình mẫu người nông dân sản xuất hàng hoá khá giả, giàu có, kết tinh các tư cách: Công dân, thể nhân, dân của làng, người con của các dòng họ, gia đình.

* **Về môi trường:** Xây dựng, củng cố, bảo vệ môi trường, sinh thái. Bảo vệ rừng đầu nguồn, chống ô nhiễm nguồn nước, môi trường không khí và chất thải từ các khu công nghiệp để nông thôn phát triển bền vững.

Các nội dung trên trong cấu trúc mô hình nông thôn mới có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng đề án, cơ chế, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, tạo điều kiện, động viên tinh thần. Nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi chính sách. Trên tinh thần đó, các chính sách kinh tế - xã hội sẽ tạo hiệu ứng tổng thể nhằm xây dựng mô hình nông thôn mới.

1.3. Chủ trương xây dựng nông thôn mới với trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay

1.3.1. Chủ trương về xây dựng nông thôn mới

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” nhằm “*không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn*”, bảo đảm hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng *nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại*, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. *Xây dựng nông thôn mới* có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị

theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”(Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, 2008).

Thực hiện Nghị quyết trên, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương khóa X đã ban hành các Kết luận về một số nội dung trong Nghị quyết, bao gồm *Đề án An ninh lương thực quốc gia*, *Đề án Chương trình Xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới cấp xã*, *Đề án về Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam* trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28-10-2008, xác định “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 gồm 11 nội dung, với 19 tiêu chí.

Thực hiện chủ trương, nghị quyết trên, ngày 19/10/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có Quyết định số 1958/QĐ-UBND về việc ban hành bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới với 20 tiêu chí và căn cứ để đánh giá thực trạng, mức độ đạt được của từng tiêu chí, lập Đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã, huyện tỉnh giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020, Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc có Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 03/11/2010 về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và phân công trách nhiệm triển khai thực hiện và hướng dẫn, theo dõi từng tiêu chí; Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã giai đoạn 2012-2014.

Đại hội XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: “Quy hoạch phát triển nông thôn gắn với đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai

chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động...” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2011).

Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: “Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hoá một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn – đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị”. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, 2016).

Thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, ngày 16-8-2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng được triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc. Chương trình giao cho các bộ, ngành, chính quyền địa phương những nhiệm vụ cụ thể trong việc hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện và hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới. Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai. Đồng thời, huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và huy động các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân.

Ngày 05/6/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg về tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020. Theo đó, xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm: sản xuất – thu nhập – hộ nghèo, giáo dục – y tế - văn hoá, môi trường, 3 liên tục được công nhận xã nông thôn mới.

Ngày 08/05/2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 1005/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai

đoạn 2018-2020. Đồng thời, phấn đấu đến năm 2020, có 50% số xã trên địa bàn Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. Có thể nói để thực hiện mục tiêu này, cần sự nỗ lực rất lớn của các cấp chính quyền trong Tỉnh, cũng như sự đồng lòng của người dân.

1.3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28-10-2008, xác định “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 với mục tiêu, nội dung và các tiêu chí.

1.2.2.1. Mục tiêu

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu cụ thể:

1. Đến năm 2015: 20% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).
2. Đến năm 2020: 50% số xã đạt tiêu chuẩn Nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

1.2.2.2. Nội dung:

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới;
2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội;
3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập;
4. Giảm nghèo và an sinh xã hội;
5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn;
6. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn;
7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn;

8. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn;
9. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn;
11. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

1.2.2.3. Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2010-2020

** Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2010-2015*

Xây dựng xã nông thôn mới, huyện nông thôn mới được thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và một số tiêu chí được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ tiêu chí quốc gia NTM được ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định (sửa đổi) 342/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gồm 5 nhóm tiêu chí, cụ thể như sau:

Tiêu chí “Xã nông thôn mới”: Gồm 19 tiêu chí trên 5 lĩnh vực được quy định tại Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm nhóm bao gồm:

- + Nhóm 1: Quy hoạch (gồm 1 tiêu chí)
- + Nhóm 2: Hạ tầng kinh tế xã hội (gồm 8 tiêu chí)
- + Nhóm 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất (gồm 4 tiêu chí)
- + Nhóm 4: Văn hóa - xã hội - môi trường (gồm 4 tiêu chí)
- + Nhóm 5: Hệ thống chính trị (gồm 2 tiêu chí)

19 tiêu chí là: 1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất văn hóa, 7: Chợ, 8: Bru điện, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Tỷ lệ hộ nghèo, 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, 13: Hình thức tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường, 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, 19: An ninh, trật tự xã hội. (Phụ lục 3)

Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới: Được thể hiện tại thông tư số 54/2009/TT – BNNPTNT, ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó đã thống nhất nội dung, cách hiểu, cách

tính toán và các quy chuẩn áp dụng đối với các tiêu chí nông thôn mới.

** Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2016 – 2020*

Việc xây dựng xã nông thôn mới được thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng huyện nông thôn mới thực hiện theo tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. So với giai đoạn 2010 - 2015, tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới và huyện nông thôn mới có một số điểm mới như sau:

Đối với bộ tiêu chí xã nông thôn mới

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 về cơ bản cũng có 5 nhóm, 19 tiêu chí. Tuy nhiên có nhiều thay đổi như tên, nội dung, chỉ tiêu của các tiêu chí. Bộ tiêu chí mới đã bổ sung thêm nhiều nội dung chi tiết, cụ thể hơn. Ngoài ra một số nội dung, tiêu chí của bộ tiêu chí giao cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, tình hình sản xuất, nhu cầu

* Về tên tiêu chí, có 9 tiêu chí thay đổi gồm: tiêu chí số 1 “Quy hoạch và thực hiện quy hoạch” được đổi thành “Quy hoạch”; tiêu chí số 7 “Chợ nông thôn” được đổi thành “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn”; tiêu chí số 8 “Buru điện” được đổi thành “Thông tin và truyền thông”; tiêu chí số 12 “Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên” được đổi thành “Lao động có việc làm”; tiêu chí số 13 “Hình thức tổ chức sản xuất” được đổi thành “Tổ chức sản xuất”; tiêu chí số 14 “Giáo dục” được đổi thành “Giáo dục và đào tạo”; tiêu chí số 17 “Môi trường” được đổi thành “Môi trường và an toàn thực phẩm”; tiêu chí số 18 “Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh” được đổi thành “Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật”; tiêu chí 19 “An ninh trật tự xã hội” được đổi thành “Quốc phòng và an ninh”.

* Về nội dung tiêu chí, Bộ tiêu chí mới bổ sung thêm 10 nội dung tiêu chí, nâng tổng số lên 49 nội dung, Cụ thể xem bảng so sánh (phụ lục sau):

Đối với tiêu chí huyện nông thôn mới

Theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định

số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì huyện đạt nông thôn mới khi có 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Giai đoạn 2016 - 2020 tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới được ban hành kèm theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/9/2016, huyện đạt chuẩn nông thôn mới phải đạt được hai điều kiện sau:

- Một là: Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Hai là: Đạt 09 tiêu chí: (1) Về quy hoạch: Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt; (2) Về giao thông: hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã, tỷ lệ đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch; (3) Về thủy lợi: hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; (4) Về điện: hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống; (5) Về y tế - văn hoá - giáo dục: Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng 3, Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia; Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với các xã có hiệu quả; Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn bằng hoặc lớn hơn 60%; (6) Về sản xuất: hoàn thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện; (7) Về môi trường: hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn, cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (Công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường; (8) Về an ninh, trật tự xã hội: đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội; (9) Về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới: Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

** Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2018 – 2020*

Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020. Theo đó, xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định và đáp ứng 04 tiêu chí gồm:

Về tiêu chí sản xuất - thu nhập - hộ nghèo, có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả; thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; không có hộ nghèo.

Đối với tiêu chí giáo dục - y tế - văn hóa, tỷ lệ trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 - 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên; trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên...

Về tiêu chí môi trường, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên...; có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng; 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và bảo đảm bền vững.

Ngoài ra, trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm; công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân bảo đảm có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

1.2.2.4. Nội dung đánh giá thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Một là, đánh giá sự phát triển kinh tế

- Mức độ tăng trưởng kinh tế
- Mức độ thực hiện kế hoạch đóng nguồn kinh phí
- Tổng hợp nguồn kinh phí nhân dân đóng góp cho các hoạt động
- So sánh kết quả đạt được từ trước và sau khi thực hiện chủ trương
- Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp – phi nông nghiệp.
- Cơ cấu ngành nông nghiệp: trồng trọt - chăn nuôi.
- Cơ cấu ngành phi nông nghiệp: Tiểu thủ CN & Xây dựng, thương mại-dịch vụ và ngành khác.

- Một số chỉ tiêu bình quân: Tổng GTSX/hộ, tổng GTSX/lao động, tổng GTSX/ha đất NN, GTSX/lao động nông nghiệp.

Hai là, đánh giá về mặt xã hội

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp so với tổng số lao động
- Chênh lệch thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo
- Mức độ tăng, giảm tỷ lệ hộ giàu và hộ nghèo
- Mức cải thiện về đời sống và điều kiện sinh hoạt
- Lương thực bình quân đầu người, thu nhập bình quân đầu người...

Ba là, chất lượng cuộc sống

- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên. Tuổi thọ bình quân
- Số điện thoại trên 100 hộ dân

Bốn là, về tri thức hoá và vốn nhân lực

- Số sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, THCN.
- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo. Số bác sỹ trên địa bàn xã

Năm là, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng

- Giao thông: Số km đường liên thôn, liên xã được bê tông hoá
- Điện: Số trạm biến áp, số km đường dây hạ thế
- Trạm y tế: Số trạm y tế, số phòng khám, số giường bệnh
- Số trạm phát thanh, bưu điện
- Số nhà trẻ, số trường mầm non, tiểu học, THCS

- Hệ thống nước sạch

Sáu là, đánh giá mức độ bảo đảm vệ sinh môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước an toàn. Chi phí bảo vệ và cải thiện môi trường

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi xây hợp vệ sinh...

Ngoài các tiêu chí đánh giá trên, còn một số tiêu chí khác như: chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng của địa phương.

Chương 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG TỪ 2010 – 2018

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

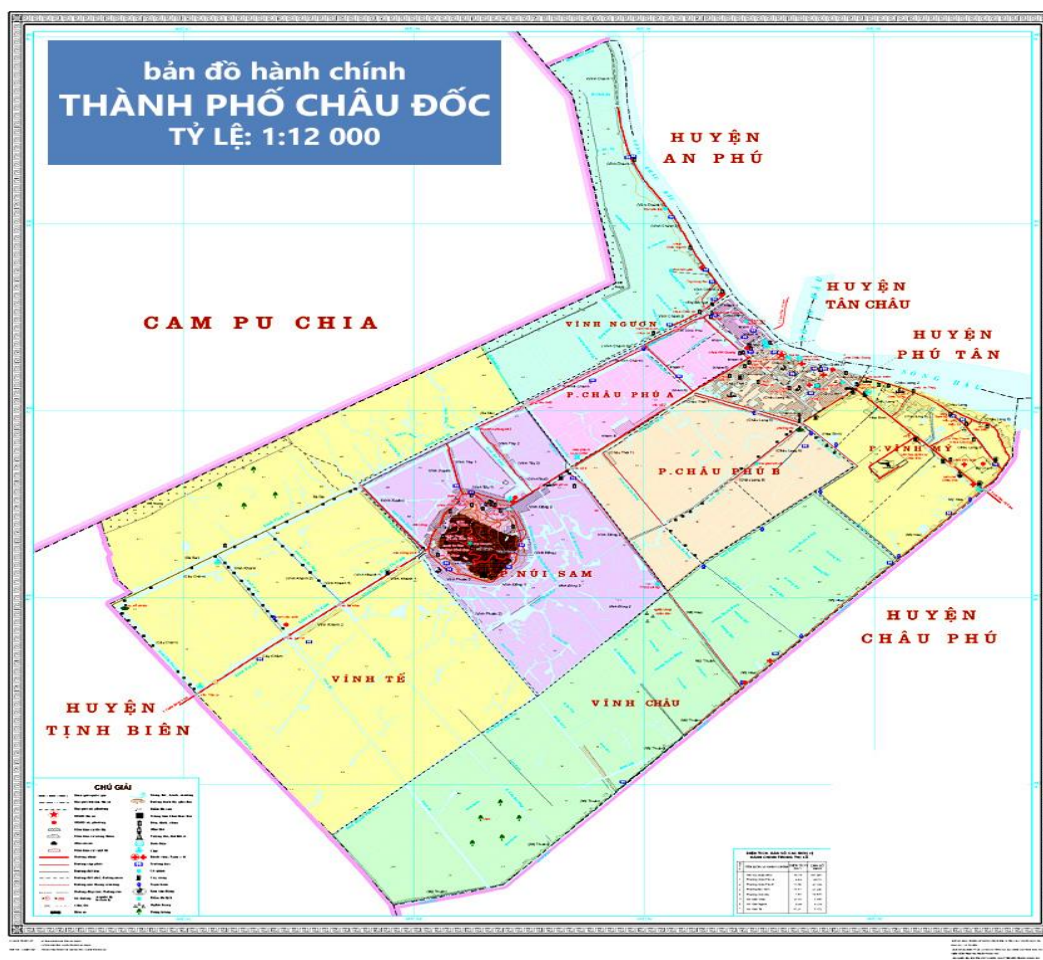
2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

** Vị trí địa lý*

Châu Đốc là thành phố trực thuộc tỉnh An Giang, sát biên giới Việt Nam với Vương quốc Campuchia, cách Thành phố Long Xuyên 54 km theo Quốc lộ 91. Đông bắc tiếp giáp huyện An Phú; Tây bắc giáp Campuchia; phía Đông giáp huyện Phú Tân; phía Nam giáp huyện Châu Phú; phía Tây giáp huyện Tịnh Biên. Châu Đốc có vị trí địa lý khá đặc biệt nằm ở ngã ba sông, nơi sông Hậu và sông Châu Đốc gặp nhau; giữa 4 cửa khẩu kinh tế là: cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên - huyện Tịnh Biên, cửa khẩu quốc gia Khánh Bình - huyện An Phú và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương - thị xã Tân Châu. Từ vị trí này, thành phố Châu Đốc được xem là cửa ngõ giao thương quan trọng của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung hàng hoá buôn bán với Vương quốc Campuchia qua cả hai đường thuỷ và đường bộ.

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Ở trung tâm có Núi Sam đột khởi lên giữa đồng bằng tạo nên cảnh quan độc đáo. Phía đông có sông Châu Đốc và sông Hậu chảy theo chiều Bắc - Nam. Phía Tây có kênh Vĩnh Tế chạy song song với biên giới Campuchia, nối liền với thị xã Hà Tiên. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.

Bản đồ hành chính Thành phố Châu Đốc



* Nguồn: <http://chaudoc.angiang.gov.vn/>

* Điều kiện tự nhiên

Thành phố Châu Đốc nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, mang những đặc tính chung của khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nóng ẩm quanh năm, nhiệt độ bình quân hàng năm $25^{\circ}\text{C} - 29^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất từ $36^{\circ}\text{C} - 38^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất hàng năm thường xuất hiện vào tháng 10, dưới 18°C . Khí hậu hàng năm chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 trùng với gió mùa Tây Nam; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau trùng với gió mùa Đông Bắc; lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1500mm. Khí hậu, thời tiết thành phố Châu Đốc có nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thích nghi với các loại cây trồng; đặc biệt là cây lúa và cây màu. Thành phố ít chịu ảnh hưởng của gió bão nhưng chịu sự tác động mạnh của chế độ thủy văn gây nên hiện tượng ngập lụt, sạt

lờ đất bờ sông...

Theo đặc điểm thổ nhưỡng, Châu Đốc có 6 nhóm đất chính; trong đó nhóm phù sa ngọt và phù sa có phèn chiếm 72% diện tích tự nhiên. Phần lớn đất đai của Châu Đốc rất màu mỡ, có độ thích nghi để canh tác, phù hợp với nhiều loại cây lương thực, cây ăn trái, một số cây công nghiệp nhiệt đới và một phần diện tích có khả năng dành cho chăn nuôi. Trữ lượng nguồn nước của thành phố khá dồi dào, có thể khai thác và phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. Rừng ở Châu Đốc đa phần là rừng đồi núi với diện tích 210ha, tập trung chủ yếu ở Núi Sam. Trong đó, rừng trồng khoảng 99ha, còn lại là rừng tự nhiên thuộc rừng ẩm nhiệt đới, đa số là cây lá rộng với 154 loài cây quý hiếm, thuộc 54 họ.

Hiện nay, Châu Đốc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông, đô thị, văn hoá, du lịch gắn với các dự án đầu tư xây dựng, chỉnh trang nâng cấp các xã nông thôn mới.

Thành phố Châu Đốc ngày nay còn là trung tâm du lịch của tỉnh An Giang và Đồng bằng sông Cửu Long, là thành phố đồng bằng đặc biệt có sông, có núi với phong cảnh tự nhiên hấp dẫn và nhiều di tích lịch sử - văn hoá được xếp hạng cấp Quốc gia và cấp địa phương (cấp Tỉnh); địa điểm du lịch phong phú đa dạng được trải đều và liên hoàn trên toàn thành phố. Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư mới, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển; thu nhập bình quân đầu người tăng, đời sống nâng cao, nhu cầu vui chơi giải trí từng bước được phát triển đã tạo điều kiện cho ngành du lịch thu hút khách đến tham quan ngày càng đông. Du khách phần lớn là viếng Miếu bà Chúa Xứ Núi Sam, hàng năm có trên 4 triệu lượt khách đến tham quan, hành hương. Ngoài ra, du khách còn có thể ngồi thuyền tham quan dòng sông Hậu, dạo quanh làng bè, khu chợ nổi trên sông và sang Cồn Tiên tham quan thánh đường Hồi Giáo, xem nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Chăm An giang và mua sắm hàng hoá, đặc sản tại chợ Châu Đốc như: mắm thái, đường thốt nốt, khô bò, khô cá tra phòng...

Thành phố Châu Đốc có 7 đơn vị hành chính trực thuộc gồm:

1. Phường Châu Phú A
2. Phường Châu Phú B
3. Phường Núi Sam
4. Phường Vĩnh Mỹ

5. Phường Vĩnh Nguon (có tài liệu ghi nhầm là Vĩnh Nguon)
6. Xã Vĩnh Châu
7. Xã Vĩnh Tế

2.1.2. Đặc điểm văn hoá, xã hội

Về dân số: Thành phố Châu Đốc có số dân là 107.261 người, bao gồm các dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm, chiếm 5,15% dân số cả Tỉnh. Dân cư thành phố Châu Đốc sinh sống tập trung ở khu vực ven sông Hậu, ven Quốc lộ 91, tại các phường trung tâm thành phố, tại các khu dân cư... với cơ cấu dân số trẻ, dân cư đô thị chiếm gần 80%.

Về tôn giáo: toàn thành phố có 67.673 tín đồ đạo Phật, 15.146 tín đồ Phật Giáo Hòa hảo, 3.259 tín đồ Cao Đài, 4.113 tín đồ Công giáo và Tin Lành và một số tín đồ đạo giáo khác như Tứ Ân Hiếu Nghĩa (73 khẩu), Hồi giáo (17 nhân khẩu).

Đặc thù của Châu Đốc là trung tâm du lịch nổi tiếng của tỉnh An Giang cũng như vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Châu Đốc có khu danh thắng Núi Sam với nhiều di tích văn hoá được xếp hạng cấp Quốc gia, trong đó có Miếu Bà Chúa Xứ nổi tiếng cả nước. Châu Đốc có chiều dài lịch sử gắn liền với những sự kiện trong công cuộc gìn giữ đất nước nhất là sự kiện Thoại Ngọc Hầu huy động sức dân đào kênh Vĩnh Tế, vừa phục vụ công tác thủy lợi, vừa có ý nghĩa về mặt quân sự và phát triển du lịch...

Về thành phần dân tộc: thiên nhiên vốn ưu đãi cho Châu Đốc với địa hình lần đồi núi, thêm vào đó sự kết hợp hài hòa nét văn hóa riêng của từng dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm tạo nên bức tranh văn hóa đa màu sắc.

+ Người Kinh vẫn giữ truyền thống trồng lúa, chế biến nông sản (các loại mắm và khô cá nước ngọt rất nổi tiếng).

+ Người Hoa giỏi buôn bán, thường xuyên đến các chùa chiền cầu an đặc biệt là chùa Huỳnh Đạo và miếu Bà Chúa Xứ.

+ Người Khmer đặc trưng với những chiếc khăn quấn trên đầu, những con bò kéo cày và những chiếc xe ngựa thò hàng ra chợ. Ẩm thực của người Khmer nổi tiếng với bánh bò làm từ trái thốt lốt, cốm dẹp làm từ loại nếp trồng trên vùng đất cát ven núi rất đặc biệt.

+ Người Chăm rất đặc trưng bởi chiếc xà rồng và nghề dệt thổ cẩm.

Chính vì vậy mỗi khi đến Châu Đốc, du khách không quên thưởng thức cá basa, bò vò viên, bún nước kèn, khô, mắm và các món liên quan đến mắm... để hiểu thêm về một vùng đất giàu bản sắc.

2.1.3. Tình hình phát triển kinh tế

Một trong những địa phương có tiềm năng lớn để phát triển du lịch theo tin thần chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ, An Giang là vùng đất có nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển kinh tế xã hội mà thiên nhiên ban tặng. Nơi đây có thế núi dáng sông mang nét đẹp riêng, hội tụ đa văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh của dân tộc Kinh, Chăm, Khmer, Hoa và các thành phần dân tộc khác, có vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Trong nhiều năm qua, Lãnh đạo UBND tỉnh An Giang đã thực hiện nhiều định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn và đạt hiệu quả cao. Thực hiện theo chương trình hành động về phát triển hạ tầng du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu ngành Du lịch An Giang sẽ “vừa thu hút, vừa giữ chân du khách” với các chỉ tiêu cụ thể như đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tỷ trọng đóng góp trực tiếp trong GDP là 8,8%; dự kiến ngành du lịch đón trên 10 triệu lượt khách (tỷ trọng khách lưu trú chiếm 20%) vào năm 2020 và có GDP đóng góp ước khoảng là 13% vào năm 2030.

Châu Đốc là một trong hai đô thị lớn của tỉnh An Giang. Sau 10 năm đổi mới, cơ cấu kinh tế đã có những đổi thay phù hợp. Dịch vụ và xây dựng tiếp tục gia tăng, đường giao thông, điện, nước tương đối hoàn chỉnh, dịch vụ bưu điện tăng mạnh (10,03 máy trên 100 dân). An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội - An ninh biên giới luôn được giữ vững. Cơ cấu nền kinh tế của thành phố Châu Đốc hiện nay là thương mại, dịch vụ du lịch (tỷ trọng 57, 33 %), Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (tỷ trọng 14, 61%), Nông nghiệp và ngư nghiệp (tỷ trọng 28,07%). Đặc biệt Châu Đốc có một số ngành nghề truyền thống, trong đó nuôi cá bè là một trong những nét đặc trưng của nền kinh tế Châu Đốc nói riêng, An Giang nói chung.

Kinh tế Châu Đốc tăng trưởng nhanh và mạnh. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố Châu Đốc đạt 17,10%, thu nhập bình quân đầu người trên 67,32 triệu đồng, tổng vốn đầu tư phát triển gần 3.720 tỷ đồng, lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch tiếp tục phát huy thế mạnh, với mức tăng trưởng đạt 18,01% và chiếm 70,47% tỷ trọng cơ cấu kinh tế địa phương năm 2018. Ngoài ra, thành phố cũng tập

trung phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường Vĩnh Mỹ, Vĩnh Châu,...

Với tiềm năng là một thành phố du lịch nên thương mại-dịch vụ của thành phố là một ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế thành phố. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, các trung tâm mua bán phân bố rộng khắp trên địa bàn thành phố. Hàng hóa phân bố rộng khắp đến các địa bàn trong thành phố. Dịch vụ nhà hàng khách sạn cũng phát triển, với một chuỗi các khách sạn, nhà hàng lớn như Victoria Châu Đốc (4,5 sao), Victoria Núi Sam (3 sao), Châu Phố (3 sao), Bến Đá (3 sao), Đông Nam (2 sao), Song Sao (2 sao), Trung Nguyễn (2 sao), Hải Châu (2 sao)...

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp không phải là một ngành trọng điểm của thành phố nhưng cũng đóng góp một phần vào sự phát triển của thành phố. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thành phố quan tâm đầu tư và phát triển đã giải quyết một phần cho lao động nhàn rỗi nông thôn.

Nông nghiệp đã hình thành và phát triển từ rất lâu đời ở thành phố. Loại hình nông nghiệp đô thị là một thế mạnh của thành phố. Các cánh đồng đã được cơ giới hóa trong công tác trước, trong và sau thu hoạch do đó năng suất không ngừng tăng và chất lượng nông phẩm cũng tăng lên.

Đặc biệt, Châu Đốc là địa phương đầu tiên của tỉnh hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến nay, Châu Đốc đã có 5/7 phường, xã không còn hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,12% (tương đương 41 hộ) và đang tiếp tục đẩy mạnh công tác này để đến cuối năm 2017, đạt mục tiêu thành phố không còn hộ nghèo đầu tiên của cả nước.

Quy hoạch giao thông Thành phố đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông nội ô, nâng cấp, mở rộng, nối dài các tuyến đường trong trung tâm thành phố. Thành phố sẽ nâng cấp Quốc lộ 91 từ 4 làn xe lên 10 làn xe. Quy hoạch tuyến N1 nối kết thành phố với các tỉnh, thành khu vực Nam Bộ. Trong tương lai gần sẽ có tuyến cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Khánh Bình đi qua thành phố.

Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa tăng bình quân 7%/năm và vận tải hành khách tăng 7,5 %/năm. Thành lập và phát triển của khẩu phụ Vĩnh Ngon để xây dựng các chợ cửa khẩu, tạo lợi thế cạnh tranh, tăng cường giao thương hàng hóa với nước bạn Campuchia, nhằm xây dựng Châu Đốc trở thành địa bàn kinh tế mở. Đẩy

mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và kêu gọi đầu tư, mở rộng biên mậu thông qua việc tổ chức các hội chợ thương mại nhằm giới thiệu các sản phẩm đặc trưng và có thể mạnh của Châu Đốc với các doanh nghiệp Campuchia và các doanh nghiệp trên địa bàn, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Phát triển đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại, trong đó có hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị để vừa đáp ứng nhu cầu cơ bản thiết yếu cho đời sống hàng ngày của người dân, vừa cung ứng các dịch vụ phân phối cao cấp. Phần đầu đến năm 2020, trên địa bàn thành phố có 1 chợ loại I, 2 chợ loại II, 9 chợ loại III và 100% chợ đô thị đạt chuẩn trật tự - vệ sinh. Doanh thu dịch vụ thông qua chợ tăng 13-14%/năm.

Trong 40 năm qua, nhất là 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, TP. Châu Đốc luôn luôn thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, thể hiện xuất sắc vai trò trung tâm du lịch, tạo động lực và sức lan tỏa cho sự phát triển chung của toàn tỉnh, đóng vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, gắn liền với bảo đảm chủ quyền, an ninh biên giới và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị tốt đẹp với nước bạn Campuchia. Các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực: dịch vụ - thương mại - du lịch, nông nghiệp, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội...

Như vậy, có thể nói Châu Đốc là thành phố giàu tiềm năng đang nghiên mình đổi mới theo xu hướng thời đại. Tận dụng những thế mạnh sẵn có, mặc khác đầu tư đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực tạo nên tiềm lực to lớn phát triển KT - VH - XH... góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân trên địa bàn Thành phố. Hơn thế nữa, Châu Đốc biết lấy những giá trị truyền thống văn hóa để thu hút khách du lịch. Văn hóa vừa là nền tảng vừa là nguồn tài nguyên phong phú để phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh đó, đây cũng là cách để lưu giữ, truyền bá nét văn hóa đẹp của dân tộc.

2.2. Khái quát về tình hình xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang 2010 - 2018

2.2.1. Quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu

Ngoài Quyết định 800 và Quyết định 491 là 2 văn bản pháp lý cơ bản định hướng xây dựng NTM thì còn có rất nhiều các chính sách của các Bộ, ngành hướng dẫn, hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi nội dung xây dựng NTM. Có thể phân chia thành

hai nhóm chính sách chủ yếu đang được thực hiện để hỗ trợ xây dựng NTM là:

Nhóm chính sách hỗ trợ trực tiếp: gồm các chính sách hướng trực tiếp vào việc hỗ trợ các xã thực hiện 19 tiêu chí NTM. Các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực nào được giao chủ trì lĩnh vực đó và đề xuất với Chính phủ ban hành quy định cụ thể về chính sách đầu tư, hỗ trợ.

Nhóm chính sách hỗ trợ gián tiếp: gồm các chính sách hỗ trợ hoạt động xây dựng NTM, gián tiếp tác động tới việc đạt được các tiêu chí NTM. Ví dụ: chính sách đào tạo nghề cho LĐNT, chính sách đưa trí thức trẻ về nông thôn, chính sách khuyến nông, chính sách tín dụng, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào NNNT...

Ngay khi được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chọn làm xã điểm của tỉnh để chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở các văn bản cấp trên, Đảng ủy ban hành Quyết định số 37-QĐ/ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TU ngày 05/8/2008 của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết số 16/NQ-ĐU ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Đảng ủy xã Vĩnh Châu về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, trong Nghị Quyết còn phân công từng đảng ủy viên phụ trách tiêu chí nông thôn mới và báo cáo từng tiêu chí mà mình phụ trách trong cuộc họp giao ban, họp Ban chấp hành Đảng ủy;

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới, gồm 9 thành viên, do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban, phân công các thành viên phụ trách theo dõi từng nhóm tiêu chí.; Ban Quản lý gồm 24 thành viên do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, thành viên Ban Quản lý có đại diện các Hội đoàn thể, ngành chuyên môn của xã, trưởng các ấp và phân công các thành viên theo dõi và thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu cho phù hợp; Thành lập Tổ giúp việc, gồm 08 thành viên do đồng chí Phó chủ tịch xã làm tổ trưởng, chịu trách nhiệm tham mưu thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch đăng ký thi đua xây dựng Nông thôn mới, đồng thời đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí, tổng hợp, báo cáo phản ánh trong quá trình thực hiện; Thành lập Ban thanh tra nhân dân và giám sát cộng đồng gồm 09 thành viên, Các ban ấp thành lập 03 tổ giám sát nhân dân gồm 15 thành viên để theo dõi,

phản ánh tiến độ, chất lượng các công trình thi công trên địa bàn. Trên cơ sở đó xã tiến hành khảo sát lập quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, thông qua HĐND xã ra Nghị quyết phê duyệt đề án để làm cơ sở pháp lý cho Ban quản lý triển khai thực hiện.

Các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã được triển khai trong toàn Đảng bộ xã và cả hệ thống chính trị Ngoài ra triển khai đến tận người dân. Qua đó nâng cao nhận thức của cán bộ và sự đồng tình của nhân dân trên địa bàn.

2.2.2. Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã Vĩnh Châu, Thành phố Châu Đốc từ 2010 - 2018

Giai đoạn 2010 – 2013 thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Vĩnh Châu được đánh giá là xã đạt các tiêu chí tương đối thấp so với các xã điểm của tỉnh. Qua thời gian tập trung chỉ đạo thực hiện, đến thời điểm này xã Vĩnh Châu đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, 50/50 chỉ tiêu theo bộ tiêu chí của UBND tỉnh (quyết định 2361/QĐ-UBND ngày 15/11/2013) và đạt 19/19 tiêu chí, 39/39 chỉ tiêu theo bộ tiêu chí Quốc gia (quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009). Kết quả thực hiện:

+ Năm 2010: Giai đoạn khảo sát, đánh giá hiện trạng tổng thể về kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng, văn hóa, y tế, giáo dục. BQL XDNTM thống kê nhận định như sau: Có **03** tiêu chí đạt 100%, **06** tiêu chí đạt từ 50% đến dưới 100%, **10** tiêu chí đạt dưới 50% so tiêu chí quy định.

+ Năm 2011 hoàn thành 03 tiêu chí, nâng tổng tiêu chí đạt là 6 tiêu chí.

+ Năm 2012 thực hiện hoàn thành 6 tiêu chí, nâng tổng tiêu chí đạt là 14 tiêu chí.

+ Năm 2013 hoàn thành 7 tiêu chí nâng tổng tiêu chí đạt là 19 tiêu chí.

Giai đoạn 2014 -2018: Duy trì nâng chất và giữ vững tiêu chí đạt chuẩn

- Tiêu chí 1 (Quy hoạch và thực hiện quy hoạch):

Yêu cầu của tiêu chí là lập Quy hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch.

Kết quả thực hiện: BQL.NTM xã hoàn thành các đề án, quy hoạch thông qua Đảng ủy, UBMMTQ xã, HĐND-UBND xã và họp dân lấy ý kiến đóng góp. Được UBND thành phố Châu Đốc thẩm định phê duyệt năm 2011 gồm: Quy hoạch khu

trung tâm hành chính xã; Đề án xây dựng Nông thôn mới (Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 26/01/2011); Quy hoạch sử dụng đất (Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 26/09/2011); Quy hoạch xây dựng xây dựng (Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2011). Trên cơ sở Quy hoạch được phê duyệt xã tiến hành công bố triển khai rộng rãi ra dân, và công khai Bản đồ qui hoạch tại trụ sở UBND xã.

2014 -2018: BQL.NTM xã chỉ đạo cán bộ phụ trách rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xã NTM đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế và các quy định về xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

Theo dõi, giám sát việc xây dựng nhà ở, xây dựng công trình sai quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Tiêu chí 2 (Giao thông):

Yêu cầu của tiêu chí là: 100% đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; 50% đường trục thôn xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; 50% đường trục chính nội đồng được cứng hóa xe cơ giới đi lại thuận tiện.

Kết quả thực hiện: Hàng năm, BQL. NTM xã đăng ký thực hiện các công trình căn cứ vào nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh, thành phố tập trung đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông đảm bảo đường được cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa. BQL. NTM xã chủ động liên hệ các ngành thành phố, nhà thầu hoàn thành các thủ tục hồ sơ, thiết kế các công trình do xã làm chủ đầu tư và trình UBND thành phố thẩm định phê duyệt sớm khởi công thực hiện. Ngoài ra, được đầu tư xây dựng các cầu sắt, cầu cơ khí và nhân dân đóng góp xây dựng các cầu treo tạo thuận lợi trong giao thông liên xã, liên ấp trên địa bàn.

Lý do đạt tiêu chí: Các Hội đoàn thể xã vận động hộ dân hiến đất, hoa màu, ngày công lao động tham gia cùng địa phương hoàn các công trình giao thông nội đồng phục vụ việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân được thuận lợi.

Qua 4 năm, toàn xã đã xây mới, sửa chữa 07 cầu giao thông và nhựa hoá hoặc bê tông hoá các tuyến đường trục xã, liên xã đạt 100% (3,56/3,56 km) các; tuyến đường ấp, liên ấp đạt 98,02% (14,87/15,17km); tuyến giao thông nội đồng được cứng hóa đạt 87,56% (14,44/16,49km).

2014-2018: Các tuyến giao thông nông thôn trên địa bàn xã từ trung tâm xã đến đường huyện, đường trục ấp, liên ấp, đường dân sinh được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa và tiếp tục đầu tư phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. (cầu Kênh 10 đến nay đạt tiến độ 80%.)

- Tiêu chí 3 (Thủy lợi)

Yêu cầu của tiêu chí là: Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh; 45% kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa; 60% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới hoặc tiêu bằng hệ thống trạm bơm điện; 90% tổng diện tích sản xuất lúa ứng dụng chương trình ”3 giảm, 03 tăng” ; 40% tổng diện tích sản xuất lúa ứng dụng chương trình ”01 phải – 5 giảm”; 5% tổng diện tích sản xuất lúa giống xác nhận.

Kết quả thực hiện: Thực hiện 14 công trình về thủy lợi gồm khép kín kết hợp lộ giao thông, bảo vệ và chủ động tưới tiêu cho diện tích 825 ha đất sản xuất (tiểu vùng K7-K12); kè đá tuyến đê; nâng cấp, xây mới các cống và nạo vét các tuyến kênh, mương nội đồng phục vụ cho sản xuất đạt tiêu chí về kiên cố hóa kênh mương đạt 93,7%. Đầu tư xây mới và nâng cấp 18 trạm bơm điện (chuyển đổi từ trạm bơm dầu của tiểu vùng kinh 7- kinh 12), nâng tổng số trạm bơm điện toàn xã lên 31 trạm phục vụ diện tích sản xuất là 2.022 ha đạt 97,7% .

Lý do đạt tiêu chí: Kết hợp các ngành thành phố, Hội đoàn thể xã mở nhiều lớp chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Qua đó, chương trình ngày càng được nhân dân đồng tình hưởng ứng, nâng dần tỷ lệ diện tích đất trồng lúa ứng dụng các chương trình như ”3 giảm, 03 tăng” đạt 98,5%, ”01 phải – 5 giảm” đạt 59,38% sản xuất lúa giống đạt 7,3%

2014-2018: Hệ thống thủy lợi được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, các tuyến kênh, mương nội đồng nạo vét đảm bảo diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu; phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân trong vùng.

Ban chỉ đạo phòng, chống thiên tai được kiện toàn theo tình hình thực tế của xã, xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai có hiệu

quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

- Tiêu chí 4 (Điện):

Yêu cầu của tiêu chí là: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; 98% hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

Kết quả thực: BQL.NTM xã kết hợp các ngành thành phố, xí nghiệp điện nước, điện lực Châu Đốc thường xuyên kiểm tra hệ thống lưới điện, cải tạo các trường hợp không đảm bảo an toàn lưới điện, phát hoang an toàn hành lang lưới điện trên địa bàn xã và thay thế các điện kế cũ không an toàn cho các hộ dân. Vận động hộ dân sửa chữa các đường dây điện câu nối trong gia đình đảm bảo an toàn.

Ngành điện đầu tư nâng cấp, kéo mới 4,2 km đường dây hạ thế, trung thế các tuyến đường trên địa bàn. Đồng thời Đảng ủy, UBND xã vận động chủ đầu tư tiểu vùng kinh 7- kinh 12 trong lúc đầu tư đường dây hạ thế cho các trạm bơm điện, đầu tư thêm đường dây hạ thế phục vụ điện sinh hoạt cho các hộ dân kinh 8, kinh 10, Tha la với tổng kinh phí đầu tư 2.700 triệu đồng. Qua các năm thực hiện đến nay, toàn xã có 1.180/1.189 hộ sử dụng điện an toàn thường xuyên đạt 99,2%, trong đó có 1.175/1.189 hộ gia đình có đồng hồ điện kế, đạt 98,8%

2014 – 2018: Hệ thống lưới điện trên địa bàn xã đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn của ngành điện, hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn xã. BQL.NTM xã phân công cán bộ chuyên môn thường xuyên kiểm tra kịp thời phát hiện trường hợp lưới điện xuống cấp đề nghị Điện lực, Xí nghiệp điện nước khảo sát lập kế hoạch đưa vào sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn của năm. Đồng thời phối hợp các Hội đoàn thể, ban áp tuyên truyền, vận động người dân kiểm tra đường dây điện sinh hoạt của hộ khắc phục khi có dấu hiệu không an toàn

- Tiêu chí 5 (Trường học):

Yêu cầu của tiêu chí là: 70% trường học các cấp (Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, Trung học cơ sở) có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia.

Kết quả thực hiện: Vĩnh Châu có 03 trường là trường Mẫu giáo, Tiểu học, THCS. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp, các trường được mở rộng diện tích, xây dựng mới, sửa chữa các phòng học ở các điểm trường. Trường Mẫu

giáo được Sở GD&ĐT công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, Trường Tiểu học đạt chuẩn về cơ sở vật chất. Riêng trường THCS đang tiến hành xây mới các phòng học tiến độ đạt 90%, hoàn thành và đưa vào hoạt động trong quý II/2014.

Lý do đạt được: Đảng ủy, UBMTTQ, UBND xã kết hợp cùng Ban giám hiệu trường vận động các mạnh thường quân trong và ngoài địa bàn hỗ trợ kinh phí cải tạo khuôn viên trường, trang bị thêm một số thiết bị, vật dụng phục vụ việc học tập với số tiền 275 triệu đồng.

2014-2018: Các trường học duy trì và thực hiện tốt các nội dung theo chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, công tác huy động xã hội hóa về cơ sở vật chất được các trường chú trọng đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa, cải tạo sân trường, hệ thống thoát nước...

- Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)

Yêu cầu của tiêu chí là: Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VHTT và Du lịch; 100% ấp có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ VHTT và Du lịch.

Kết quả thực hiện: Được sự hỗ trợ đầu tư của UBND thành phố Châu Đốc, năm 2012 Vĩnh Châu hoàn thành xây dựng trung tâm văn hóa xã có nhà Văn hóa xã (hơn 250 chỗ ngồi) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ các hoạt động hội họp, văn hóa văn nghệ gồm các phòng chức năng, sân bóng đá, bóng chuyền tổng diện tích trên 3.000 m² kinh phí 5.229 triệu đồng.

Lý do đạt được: Vận động hỗ trợ kinh phí người dân nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa liên ấp Mỹ Thuận – Mỹ Phú, các sân thể thao trong ấp, duy trì các hoạt động văn hóa văn nghệ với số tiền 350 triệu đồng. Xây dựng Phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh, các điểm sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tổ chức tại trụ sở ấp hoặc nhà dân; ngoài ra tại địa bàn các ấp đều có sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông do nhân dân tự đầu tư. Thành lập và củng cố đội đờn ca tài tử xã, đội bóng đá, bóng chuyền.

2014- 2018: Các trường học duy trì và thực hiện tốt các nội dung theo chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, công tác huy động xã hội hóa về cơ sở vật chất được các trường chú trọng đầu tư

mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa, cải tạo sân trường, hệ thống thoát nước...

- Tiêu chí 7 (Chợ nông thôn)

Yêu cầu của tiêu chí là: Chợ theo quy hoạch và đạt chuẩn theo quy định.

Kết quả thực hiện: Xã Vĩnh Châu có Chợ kênh 4 - kênh 7 được xây dựng năm 2009 và đạt chuẩn theo quy định, với 47 hộ kinh doanh mua bán, các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác nằm rải rác trên các tuyến giao thông, đảm bảo đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của người dân do đó không phải quy hoạch chợ.

2014- 2018: Tình hình hoạt động kinh doanh chợ ổn định.UBND xã đã hoàn thành phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ Vĩnh Châu.

- Tiêu chí 8 (Bưu điện):

Yêu cầu của tiêu chí là: Có điểm phục vụ Bưu chính viễn thông; 100% ấp có cơ sở hạ tầng viễn thông để người dân sử dụng và truy cập internet.

Kết quả thực hiện: BQL.NTM xã chủ động liên hệ bưu điện thành phố, trạm viễn thông khảo sát và kéo đường truyền internet trên các tuyến đường. Năm 2012 hoàn thành việc xây dựng Nhà Văn hóa xã và bố trí các phòng tại Nhà văn hóa xã là nơi đọc sách báo, thùng thư công cộng và điểm truy cập internet. Hiện nay, toàn xã đều có đường truyền internet, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc. Thu hút các em học sinh, người dân nông thôn tiếp cận được các thông tin kiến thức, giá cả thị trường thông qua mạng Internet, đến nay có 3/3 ấp đạt 100%

2014-2018: Điểm phục vụ bưu chính của xã hoạt động thường xuyên và đáp ứng tốt nhu cầu của người dân tại địa phương. Các dịch vụ viễn thông trên địa bàn xã cung cấp dịch vụ cho người sử dụng theo quy định của Sở Thông tin và truyền thông.

Hệ thống loa, đài truyền thanh cơ bản đáp ứng được yêu cầu thông tin, tuyên truyền những chủ trương, chính sách pháp luật đến với người dân nông thôn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện đảm bảo

- Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư):

Yêu cầu của tiêu chí là: Không có nhà tạm bợ, dột nát; $\geq 70\%$ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng; không còn nhà ở trên sông, kênh, rạch và nhà ở trong

vùng sạt lở phải di dời so tổng số hộ dân.

Kết quả thực hiện: Đảng ủy, UBND xã thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo (chương trình 167), chế độ gia đình chính sách và phối hợp UBMTTQ thành phố, UBMTTQ xã vận động ban từ thiện xã, các doanh nghiệp hỗ trợ cất mới, sửa chữa nhà cho các hộ dân.

Lý do đạt được: Xã được UBND thành phố đầu tư khép kín tất cả các tiểu vùng do đó trên địa bàn xã không còn hộ dân sống trong vùng lũ. Đối với các hộ cần phải di dời, BQL.NTM đề nghị xét bán nền tuyển dân cư và vận động, hỗ trợ các hộ dân di dời hoàn thành 100%. Đã xây mới, sửa chữa 120 căn cho các hộ dân (gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn) với tổng kinh phí 2.663 triệu đồng và người dân tự nâng cấp nhà ở, xây dựng mới nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng trên 70 căn ước tổng kinh 9.630 triệu đồng. Đến nay xã không còn nhà tạm, dột nát, không còn nhà ở trên sông, kênh, rạch và nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng đạt 82,51% (981/1.189 hộ).

2014-2018: Ban quản lý xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận thành phố vận động các mạnh thường quân hỗ trợ cất nhà tình thương, đại đoàn kết, nhà tình bạn,... cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn. Tiếp tục vận động nhân dân đầu tư, nâng cấp, sửa chữa nhà ở đạt chuẩn theo qui định của Bộ Xây dựng.

- Tiêu chí 10 (Thu nhập):

Yêu cầu của tiêu chí là: mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn năm 2013 đạt 23 triệu đồng/người/năm

Kết quả thực hiện: Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã tập trung chỉ đạo vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả. Tạo các điều kiện thuận lợi cho nông dân tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng đầu tư lĩnh vực nông nghiệp.

Lý do đạt được: Trong những năm gần đây, tất cả các tiểu vùng sản xuất của xã được thực hiện khép kín từ đó diện tích sản xuất lúa tăng 02 vụ lên 3 vụ/năm; các Công ty nông nghiệp triển khai thực hiện “ cánh đồng lớn”. Ngoài ra, nông dân còn áp dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, sản xuất

giống lúa chất lượng cao, thu hoạch bằng cơ giới hóa, nhân rộng các mô hình trồng rau, hoa màu, nông dân cũng mạnh dạng đầu tư phát triển các mô hình kinh tế vườn, chăn nuôi gia súc (bò vỗ béo, lợn, ếch,..) mang lại hiệu quả cao với số tiền tham gia là 1.250 triệu đồng, đồng thời sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay tín dụng trong cải thiện phát triển kinh tế hộ gia đình. Từ đó đã nâng mức thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Châu lên 23 triệu đồng/người/năm, tăng bình quân hàng năm là 16,8%.

2014-2018: Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã tập trung chỉ đạo vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả. Người dân đã mạnh dạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang rau màu sang trồng các loại cây màu (sen, bí đao, dưa leo, ớt.....) và cây ăn trái (xoài, nhãn, cam, mít, táo, sầu riêng,.....) có giá trị kinh tế, đồng thời xã đang thực hiện 1 số mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao như: mô hình vườn, vườn ao chuồng và mô hình nuôi lợn;.... Bên cạnh đó, người dân đã thực hiện gieo trồng đúng lịch thời vụ theo khuyến cáo của các ngành; ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất góp phần cải thiện năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tiêu chí 11 (Hộ nghèo):

Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 7%.

Kết quả thực hiện: Thành ủy-UBND thành phố đã chỉ đạo Đảng bộ, chính quyền xã cùng phối hợp với MTTQ, các đoàn thể và các ngành có liên quan thành phố thực hiện thành công mô hình mỗi năm một lần lãnh đạo thành phố và xã “Gặp gỡ, đối thoại với hộ nghèo” để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn của các hộ nghèo từ đó có giải pháp giúp đỡ tháo gỡ, động viên hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

Lý do đạt được: Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ học nghề, tạo việc làm. Kết hợp Ngân hàng CSXH thành phố, các hội đoàn thể xét vay vốn tín dụng với số tiền 6.146 triệu đồng hỗ trợ phát triển sản xuất giúp cho hộ nghèo có thêm việc làm tăng thu nhập bằng các mô hình chăn nuôi. Vận động mạnh thường

quân hỗ trợ cất nhà các hộ nghèo yên tâm làm kinh tế cải thiện nguồn thu cho gia đình. Vĩnh Châu còn 19/1.189 hộ nghèo đạt 1,6% (chỉ tiêu quy định: $\leq 7\%$).

2014-2018: Năm 2018 giảm 16/22 hộ nghèo đạt chỉ tiêu UBND thành phố giao. Kết hợp với Ngân hàng CSXH thành phố, các Hội Đoàn thể xét cho các hộ nghèo vay vốn từ các Chương trình MTQG để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Tiêu chí 12 (Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên)

Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động đạt từ 90% trở lên (theo Quyết định số 342/QĐ-TTg).

Kết quả thực hiện: Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã tập trung công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm với số lượng bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới 350 lao động. Theo thống kê của Thành phố xác định toàn xã có 2.885 người trong độ tuổi lao động, trong đó có việc làm thường xuyên là 2.775/ đạt 96,19%.

2014-2018: UBND xã ký hồ sơ giới thiệu việc làm trong và ngoài tỉnh cho 340 người lao động.

- Tiêu chí 13 (Hình thức tổ chức sản xuất):

Yêu cầu của tiêu chí là: Có Tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

Kết quả thực hiện: Toàn xã có 07 tổ hợp tác sản xuất, các tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả. Tổng diện tích tham gia vào tổ hợp tác 2.068,77/2.068,77 ha, đạt tỷ lệ 100%.

2014-2018: Các HTX nông nghiệp đang hoạt động theo Luật HTX 2012, có 02 Tổ hợp tác duy trì hoạt động, UBND xã phối hợp cùng Hội nông dân xã hỗ trợ giới thiệu các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản. Thực hiện mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng với diện tích 1000 m² ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với công ty trách nhiệm hữu hạn DH huyện An Phú

- Tiêu chí 14 (Giáo dục):

Yêu cầu của tiêu chí là: Đạt phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; $\geq 80\%$ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề); $\geq 40\%$ tỷ lệ lao động qua đào tạo; 30% tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

Kết quả thực hiện: Thực hiện tốt công tác khuyến học khuyến tài, vận động các mạnh thường quân trong và ngoài địa phương đóng góp nguồn quỹ khuyến học xã giúp đỡ, hỗ trợ các em học sinh nghèo, hoàn cảnh khó khăn với số tiền 320 triệu đồng; tuyên dương gia đình hiếu học; Thường xuyên tuyên truyền công tác giáo dục đến từng hộ gia đình, nâng nhận thức người dân hiểu thêm về tầm quan trọng khi cho con em đến trường. Tạo điều kiện cho sinh viên vay vốn yên tâm học tập. Phối hợp cùng hội đoàn thể xã và các ngành thành phố mở các lớp đào tạo nghề, các lớp tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động đi làm việc hoặc tự tìm việc làm, nông dân được hiểu thêm kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất nông nghiệp.

Qua các năm thực hiện, xã đã duy trì tốt chuẩn phổ cập giáo dục, năm 2013 xã có 22/25 học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục theo học các cấp đạt 88,0% và Ngân hàng CSXH thành phố hỗ trợ trên 60 sinh viên vay với số tiền 1.166 triệu đồng, nâng dân tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,26% (1.652/2.885 người) .

Lý do đạt được: Đảng Ủy, UBND xã chú trọng công tác đào tạo nghề hàng năm, đã tổ chức được 26 lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ có trên 970 người dân tham gia học đạt tỷ lệ 35,35%, tổng kinh phí mở các lớp 342 triệu đồng, nhìn chung người dân tìm được việc làm ổn định hoặc áp dụng ngay vào sản xuất để nâng cao thu nhập.

2014-2018: Các trường duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Rà soát nắm tình hình nhu cầu học nghề và phối hợp Hội Nông dân, Phụ nữ xã vận động hội viên tham gia học 02 lớp nghề có 47 người tham gia .

- Tiêu chí 15 (Y tế)

Yêu cầu của tiêu chí là: Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức BHYT đạt $\geq 70\%$ (theo Quyết định số 342/QĐ-TTg); Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia.

Kết quả thực hiện: Công tác tuyên truyền vận động được UBMTTQ và các hội đoàn thể xã được thực hiện thường xuyên từ đó nâng tầm nhận thức, hiểu biết về các chính sách ưu đãi khi mua bảo hiểm và tính tự giác tham gia bảo hiểm của người dân. Phát động mô hình tổ hùn vốn xoay vòng mua bảo hiểm y tế, mỗi tổ

gồm 10 thành viên và mỗi tuần mua cho người 1 người (60 ngàn đồng/người). Đến nay toàn xã có 3.246/4.513 người dân tham gia bảo hiểm y tế, đạt 71,93%.

Lý do đạt được: Đảng ủy, UBMTTQ, UBND và các hội đoàn thể xã vận động các mạnh thường quân trong và ngoài địa phương hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác khám bệnh tại chỗ cho trạm y tế xã với số tiền 114 triệu đồng. Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở trạm theo tiêu chuẩn quốc gia qui định của Bộ y tế với tổng kinh phí 98 triệu đồng và được Sở y tế tỉnh công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

2014-2018: Trạm y tế xã đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng. Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng trực tiếp cho phụ nữ mang thai, phụ nữ có con dưới 05 tuổi, tổ chức các buổi thực hành dinh dưỡng cho người chăm sóc trẻ dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng. Ban biên tập bản tin của xã xây dựng các bản tin nêu lên lợi ích khi tham gia bảo hiểm y tế. Đồng thời, phối hợp các Hội đoàn thể tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia mua bảo hiểm y tế. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội thành phố, cùng với áp đến từng hộ dân tuyên truyền vận động hộ gia đình tham gia BHYT; thực hiện tốt mô hình tổ hùng vốn xoay vòng mua bảo hiểm y tế. Qua đó, nâng dần số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,47% (3.303/3.776).

- Tiêu chí 16 (Văn hóa):

Yêu cầu của tiêu chí là: Xã có từ 70% ấp trở lên đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo quy định của Bộ VH,TT và Du lịch.

Kết quả thực hiện: Toàn xã có 3/3 ấp đạt danh hiệu “ Ấp văn hóa” trong đó, ấp Mỹ An, ấp Mỹ Thuận đạt từ năm 2005; ấp Mỹ Phú đạt từ năm 2009. Thực hiện xây dựng xã văn hóa gắn liền với xây dựng nông thôn mới, thời gian qua xã thường xuyên vận động nhân dân thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển tốt. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” thực hiện đạt nhiều kết quả, đến nay toàn xã đã có 1.083/1.189 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá đạt tỷ lệ 91,89 %. Năm 2013, xã Vĩnh Châu được Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”

tỉnh, thành phố công nhận xã “Đạt chuẩn văn hóa” .

2014-2018 : Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa và Quy ước văn hóa.

- Tiêu chí 17 (Môi trường)

Yêu cầu của tiêu chí là: $\geq 80\%$ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; $\geq 80\%$ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn theo qui định của Bộ Y tế; $\geq 75\%$ hộ chăn nuôi gia súc có chuồng, trại chăn nuôi hợp vệ sinh; Cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; Không xả chất thải và nước thải xuống sông, kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường và có các hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn; Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp; Chất thải trong khu dân cư, chợ, trụ sở cơ quan, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường; Nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân của xã hoặc cụm xã được xây dựng theo quy hoạch chung.

Kết quả thực hiện:

+ Chỉ tiêu 17.1: BQL.NTM xã tiến hành rà soát, lập danh mục đăng ký và thực hiện theo kế hoạch hàng năm, đối với các tuyến đường người dân sinh sống thưa thớt không đủ kinh phí đầu tư, vận động hộ dân góp vốn cùng nhà nước thực hiện. Từ các cách làm thiết thực, xã đã nâng dần tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hàng năm lên 94,02% (1.118/1.189 hộ), kinh phí thực hiện 155 triệu đồng.

+ Chỉ tiêu 17.2: Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ của UBND tỉnh về bảo vệ môi trường, các hội đoàn thể xã tuyên truyền vận động trong nhân dân xây mới nhà tiêu hợp vệ sinh. Trong 03 năm đã vận động người dân xây mới trên 200 hố xí thấm dội với tổng số tiền là 1.556 triệu đồng, người dân tự thực hiện chiếm trên 70% tổng số vốn. Hiện toàn xã có 969/1.189 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt 81,5/80% và tất cả trụ sở nhà nước đều có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn theo qui định.

+ Chỉ tiêu 17.3: UBND xã kết hợp cùng Phòng Tài nguyên môi trường thành phố và các ngành xã thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường. Các Hội đoàn thể xã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên và người dân thực hiện môi trường sinh hoạt sạch (không xây chuồng trại chăn nuôi dưới sàn nhà hoặc trên bờ

kênh), môi trường chăn nuôi không gây ô nhiễm (xây hầm bioga hoặc đào hố xử lý nước thải, chất thải). Qua đó, tỷ lệ hộ chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh đạt 77,59 % (135/174 hộ) được nâng dần lên theo năm, kinh phí thực hiện 68 triệu đồng trong đó dân tham gia là 63 triệu đồng.

+ Chỉ tiêu 17.4. 10/10 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã (thuộc diện phải thực hiện đăng ký thủ tục môi trường) đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt tiêu chí nông thôn mới (chỉ tiêu quy định: Đạt).

+ Chỉ tiêu 17.5. Xã vận động nhân dân không xả rác thải, xác chết động vật, nước thải xuống sông, mương, kênh, rạch. Xã có 5/5 điểm, khu dân cư và các đoạn sông, kênh rạch không gây ô nhiễm môi trường. Có 3/3 ấp được thu gom rác thải đến từng hộ dân hàng ngày. UBND thành phố đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Hồ xử lý nước thải của toàn thành phố, với tổng kinh phí 314 tỷ đồng

+ Chỉ tiêu 17.6. Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp

Đảng ủy, UBMTTQ, UBND xã phát động các phong trào như mô hình hàng rào cây xanh (trồng bông huỳnh anh, bông dâm bụt, cây chà duối...), hàng rào tre, hàng rào kiểu mẫu, hàng rào lưới B40, mô hình cột cờ thẳng tắp trên toàn địa bàn kết, qua đó có trên 70% tổng hộ dân tham gia thực hiện với kinh phí 822 triệu đồng. Phát quang cây che chắn tầm nhìn, vệ sinh các tuyến đường, bờ kinh, những nơi có nhà ở vận động hộ dân tự thực hiện, những khoản đất trống không người ở giao các ấp thực hiện. Các hội đoàn thể tuyên truyền vận động hội viên, hộ dân tham gia các mô hình do địa phương phát động đồng thời vệ sinh môi trường xung quanh khuôn viên nhà, vườn, không để đồ vật lấn chiếm lòng lề đường, sắp xếp vật dụng trong sân gọn gàng.

+ Chỉ tiêu 17.7. UBND xã hợp đồng với Ban công trình công cộng thành phố tổ chức xe thu gom rác trên các tuyến đường chính. Đối với hộ gia đình không có điều kiện thu gom, vận chuyển thì tuyên truyền vận động dân áp dụng các biện pháp xử lý (chôn lấp, tiêu hủy,...) để đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Chỉ tiêu 17.8. Nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân của xã hoặc cụm xã được xây dựng theo quy hoạch chung. Xã đạt tiêu chí nông thôn mới (chỉ tiêu quy định: Đạt).

2014-2018: Môi trường: Tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo quy định về bảo vệ môi trường; không xả rác thải, xác chết động vật, nước thải xuống sông, mương, kênh, rạch.

Lý do đạt được: Vận động nhân dân tham gia các mô hình làm hàng rào cây xanh, vệ sinh nhà ở và xung quanh nhà ở; sắp xếp nhà cửa, bếp gọn gàng, ngăn nắp, sạch đẹp; xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; thu gom xử lý rác thải... được 25 cuộc có 623 tham gia. Các ấp đăng ký thực hiện 01 tuyến đường xanh – sạch – đẹp (tuyến đường Lê Hồng Phong, tuyến từ UBND xã đến mương M8, tuyến dân cư Kênh 7 – Kênh 7 nối dài). Phối hợp UBND xã triển khai các kế hoạch vệ sinh môi trường và kết hợp với BCH. Quân sự thành phố thực hiện phong trào lực lượng vũ trang chung sức nâng chất xây dựng nông thôn mới, đã thực hiện vệ sinh các tuyến đường kênh 7, kinh 4, kinh 1. Thường xuyên rà soát, cập nhật những hộ chăn nuôi mới để tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi đảm bảo việc chăn nuôi hợp vệ sinh.

- An toàn thực phẩm: Kết hợp với Trung tâm Y tế thành phố tuyên truyền, giáo dục về ATTP trong các trường học, huy động giáo viên, các bậc phụ huynh và học sinh tham gia tích cực công tác đảm bảo ATTP. Vận động các hộ kinh doanh buôn bán thực phẩm, hộ sản xuất thực phẩm nông nghiệp, thủy sản tham gia các lớp tập huấn kiến thức về ATTP

- Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

Yêu cầu của tiêu chí là: 100% cán bộ xã đạt chuẩn; Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên; Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa

Kết quả thực hiện: Công tác đào tạo bồi dưỡng các bộ xã được Đảng ủy, UBND xã rất xem trọng và tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo kế hoạch hàng năm của ban tổ chức thành ủy, phòng Nội vụ thành phố, bên cạnh đó vận động các cán bộ tự học nâng cao trình độ của bản thân, đến nay tất cả các cán bộ xã đạt chuẩn theo tiêu chí.

Lý do đạt được: Xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị bao gồm: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Đối với 03 ấp có đủ tổ chức bao gồm: Chi bộ, Trưởng ấp và các phó trưởng ấp, Ban Công tác Mặt trận, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh. Đảng bộ, chính quyền xã đạt 6 năm liên tục đạt Trong sạch Vững mạnh (từ năm 2006 đến 2011) riêng năm 2012 đạt danh hiệu Trong sạch Vững mạnh xuất sắc. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt tiên tiến trở lên.

UBND, các ban ngành, đoàn thể và các ấp nghiêm túc thực hiện đúng qui chế dân chủ cơ sở. Xã bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho nhân dân thuận lợi, có công khai từng qui trình giải quyết hồ sơ và niêm yết các văn bản có liên quan để nhân dân biết. Công chức phục vụ bộ phận “một cửa” được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ, giải quyết các thủ tục hành chính cho công dân đảm bảo theo quy định. UBND thành phố hỗ trợ đầu tư trang thiết bị bộ phận “một cửa” với số tiền 180 triệu đồng

2014-2018: Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn về trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao; các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở được đảm bảo đầy đủ. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho người dân có cơ hội tiếp cận với hoạt động của các cơ quan nhà nước và sử dụng các thiết chế pháp luật. Tuyên truyền đến người dân các nội dung bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

- Tiêu chí 19 (An ninh trật tự xã hội):

Yêu cầu của tiêu chí là: An ninh, trật tự xã hội được giữ vững.

Kết quả thực hiện: Công an xã lập kế hoạch phối hợp với các đoàn thể xã tăng cường công tác tuyên truyền người dân chấp hành nghiêm chủ trương chính sách của Đảng và Pháp Luật của nhà nước, trong đó chú ý đến tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Lý do đạt được: Thành lập ban chỉ đạo mô hình tự quản về an toàn giao thông và đội tuần tra an toàn giao thông và xây dựng kế hoạch phối hợp tuần tra các tuyến đường giữa Công an, Ban chỉ huy quân sự xã đồng thời đề nghị Đội cảnh sát

giao thông thành phố đặt chốt vào các ngày lễ hội lớn trong năm nhằm hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông trên địa bàn xã. Phong trào bảo vệ ANTTQ của xã hàng năm được Công an thành phố xếp loại khá trở lên. Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội các năm qua luôn được giữ vững, đặc biệt không có các tệ nạn xã hội, các tổ dân cư tự quản giữ vững và duy trì thực hiện tốt.

UBND thành phố hỗ trợ đầu tư xây dựng mới Trụ sở Công an và Quân sự xã với kinh phí đầu tư 10.731 triệu đồng và trang bị 03 xe gắn máy phục vụ cho tuần tra, canh gác với số tiền 54 triệu đồng.

So sánh với Bộ tiêu chí của UBND tỉnh theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 15/11/2013: Đạt

2014-2018: Tuyên truyền, vận động là biện pháp cơ bản, góp phần làm giảm tội phạm, giảm vi phạm pháp luật, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, vận động về đảm bảo an ninh trật tự còn được thực hiện lồng ghép với các chương trình liên tịch với MTTQ và các đoàn thể với 09 cuộc, 278 lượt người tham dự. Qua đó đã phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề về an ninh ở nông thôn

2.3. Phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2.3.1 Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu

Nắm vững tình hình, đặc điểm của địa phương, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết 26NQ/T.Ư Hội nghị BCH T.Ư 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn của Đảng, UBND thành phố Châu Đốc định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xác định khu vực sản xuất, kết hợp xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất có hiệu quả và ổn định, đồng thời tránh lãng phí khi phát triển công nghiệp đô thị.

Quán triệt tình hình trên, xã Vĩnh Châu thực hiện quyết định của UBND thành phố Châu Đốc về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh

Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đến năm 2020. Đề án "Xây dựng nông thôn mới" nhằm giải quyết bốn nội dung cơ bản là: Phát triển kinh tế nông thôn; Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; Xây dựng thiết chế văn hóa, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở nông thôn; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn.

Về việc đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo bộ tiêu chí Quốc gia, UBND tỉnh yêu cầu các ngành cần rà soát tất cả các chính sách về đầu tư phát triển nông thôn, để xác định nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành nhằm thúc đẩy xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí đã lựa chọn.

Để thực hiện được mục tiêu phát triển nông thôn tỉnh An Giang vấn đề cốt lõi của nó là xây dựng thành công mô hình nông thôn mới làm thay đổi bộ mặt nông thôn An Giang. Do vậy, vấn đề thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đang được nhân rộng, trong đó có thành phố Châu Đốc mà cụ thể là vấn đề thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu. Vì một mục đích duy nhất là phát triển nhanh kinh tế nông nghiệp, nông thôn tại xã Vĩnh Châu. Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn, từng bước “thay da đổi thịt” bộ mặt nông thôn cũ, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

2.3.2. Các hoạt động thúc đẩy mục tiêu phát triển của xã Vĩnh Châu.

Trong tương lai người dân mong muốn có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tất cả mọi người ai cũng được hưởng những phúc lợi xã hội như nhau. Với mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện, việc nâng cao trình độ dân trí là vấn đề cấp thiết hiện nay. Khi có trình độ con người có thể tiếp cận được với các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, nền văn minh của nhân loại, cải thiện được cuộc sống của mình. Muốn vậy công tác giáo dục cần được đặc biệt quan tâm. Vấn đề chăm sóc sức khỏe cũng là một vấn đề hết sức quan trọng, cần phải chú trọng tới công tác chăm sóc sức khỏe định kỳ. Đặc biệt, cần phải có những chính sách hỗ trợ hợp lý đối với những gia đình chính sách, những người có công với cách mạng và cả những người có hoàn cảnh khó khăn để họ cũng có được một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

+ *Về phát triển tổ chức*: Cần phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Đây là một việc rất cần thiết vì đây là bộ máy lãnh đạo của nhân dân, gần gũi nhất và lắng nghe mọi ý kiến trực tiếp từ người dân. Từng bước kiện toàn các tổ chức trong thôn, xã và phối hợp với các hoạt động của các tổ chức để tạo ra sức mạnh tổng hợp góp phần thúc cho sự phát triển của xã.

+ *Phát triển kinh tế*: Xã Vĩnh Châu là một xã thuần nông, nhằm tận dụng lao động lúc nông nhàn, nâng cao thu nhập cho người dân. Xã đã khuyến khích phát triển các ngành nghề phụ tại các làng nghề như: May công nghiệp, xây dựng bậc 3/7, sửa xe gắn máy, làm hoa giấy... tạo việc làm cho hàng ngàn lao động với mức thu nhập khá. Ngoài ra cần phải đưa các giống cây, con mới có năng suất cao vào sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi hợp lý. Đồng thời áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, từng bước phát triển nền kinh tế của địa phương.

+ *Về phát triển cơ sở hạ tầng*: Đây là một trong những hoạt động được xã Vĩnh Châu rất ưu tiên thực hiện phát triển. Làm đường bê tông, kiên cố hoá kênh mương, giao thông nội đồng đang là một vấn đề cấp thiết cần phải thực hiện để phục vụ cho việc đi lại và vận chuyển được thuận tiện hơn. Việc xây dựng các nhà văn hoá cũng rất cần thiết cho việc gìn giữ các bản sắc văn hoá truyền thống riêng của từng ấp, xã. Cần xây dựng, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị để việc dạy và học được tốt hơn, khuyến khích các em học sinh học tốt hơn góp phần nuôi dưỡng, phát triển nhân tài cho thế hệ tương lai.

+ *Phát triển xã hội – môi trường*: Môi trường sinh thái có ảnh hưởng xấu đang có xu hướng gia tăng nhất là ô nhiễm đất, ô nhiễm nước bởi các nguyên nhân nước thải do công nghiệp, sử dụng quá mức phân hoá học, thuốc trừ sâu... Hiện trạng ô nhiễm môi trường đã và đang làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người. Do đó, việc gìn giữ bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước là rất cần thiết, từng thôn xóm nên thành lập các đội thu gom rác thải và có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp một cách hợp lý.

2.3.3 Quản lý kinh phí trong thực hiện mô hình nông thôn mới

Trên nguyên tắc minh bạch tài chính, thông tin về các hoạt động và tài chính cần thiết đều được cơ quan điều phối công khai, minh bạch trong báo cáo đánh giá, giám sát và được công bố trong các buổi tổng kết, mọi người dân có nhu cầu đều được tham gia tiếp cận với nguồn thông tin này.

Trong cơ cấu tài chính, việc huy động sự tham gia của cộng đồng sẽ giúp tăng cường tính bền vững của mô hình. Một khi người dân đóng góp công sức vào các hoạt động, họ sẽ có trách nhiệm hơn trong quản lý. Cụ thể cho từng hoạt động đang thi công hiện nay thì công tác quản lý tài chính đang được triển khai có hiệu quả, góp phần thúc đẩy các hoạt động diễn ra đúng tiến độ.

Trong cơ cấu tài chính, đóng góp của người dân được huy động từ một phần thu nhập của hộ, các nguồn lực tại chỗ, sẵn có như công lao động đắp bờ kênh, bao tải cọc tre, địa điểm sinh hoạt và các chi phí khác. Theo đó công lao động công ích do chính quyền địa phương trả cho những người dân tham gia lao động.

Việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động được lên kế hoạch và đưa ra thảo luận với từng nhóm đối tượng, theo đó Ban quản lý các hoạt động sẽ quyết định phân bổ kinh phí đến từng hoạt động mà không qua bất cứ một trung gian nào khác. Do vậy, vấn đề tài chính luôn được thực hiện một cách nhanh gọn, rõ ràng và các khoản chi đúng mục đích.

2.3.4. Ban quản lý dự án xây dựng nông thôn mới

Trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn trong quản lý nhà nước của cán bộ cấp cơ sở là một trong những tiêu chí quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cán bộ, trong những năm qua địa phương đã tập trung cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ giữ chức danh chủ chốt cấp xã, nhờ đó trình độ học vấn của cán bộ, công chức không ngừng được nâng lên. Cán bộ đảng viên đều đã thông qua các lớp lý luận chính trị nên có khả năng chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Nhờ tập trung chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở nên chất lượng, hiệu quả thực hiện các chủ trương của Nhà nước, phong trào nông dân... trong những năm qua đã được nâng lên đáng kể cả về nội dung, hình thức.

2.4. Phân tích nhân tố tác động đến quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Thứ nhất: Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở

Điều kiện tự nhiên của xã được xác định là yếu tố bất lợi cho công tác xây dựng NTM. Nguyên nhân là do các tuyến đườn giao thông không có đường đầu mối đầu nối vào các trục chính của thành phố cách trung tâm thành phố và trung tâm văn hóa của Tỉnh nên ảnh hưởng đến việc giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân cũng như việc trao đổi thông tin, tiếp cận thị trường. Hạ tầng cơ sở bao gồm giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ và nhà ở dân cư tại xã được xem là các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc hoàn thành tiêu chí xây dựng NTM. Hệ thống giao thông tại các xã vùng ĐBDTTS tại chỗ còn yếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Các công trình thủy lợi tại xã chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Vào mùa khô, nhiều khu vực vẫn chưa chủ động được nước tưới, một số nơi còn xảy ra hạn hán gây mất mùa.

Đây là một trong những hoạt động được xã Vĩnh Châu rất ưu tiên thực hiện phát triển. Làm đường bê tông, kiên cố hoá kênh mương, giao thông nội đồng đang là một vấn đề cấp thiết cần phải thực hiện để phục vụ cho việc đi lại và vận chuyển được thuận tiện hơn. Việc xây dựng các nhà văn hoá cũng rất cần thiết cho việc gìn giữ các bản sắc văn hoá truyền thống riêng của từng làng, xã. Cần xây dựng, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị để việc dạy và học được tốt hơn, khuyến khích các em học sinh học tốt hơn góp phần nuôi dưỡng, phát triển nhân tài cho thế hệ tương lai.

Thứ hai: Điều kiện kinh tế

Phát triển nông thôn không thể tách rời với phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Hiện tại kinh tế của xã còn thấp. Thu nhập của người dân chỉ đạt từ 27 – 40% mức bình quân của toàn tỉnh, Thu nhập của người dân thấp thì việc huy động nguồn vốn là rất khó khăn và có ảnh hưởng đến sản xuất. Kết quả thực tế

cho thấy có khoảng 70% số hộ dân tại địa phương phải vay mượn kể cả phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt hằng ngày từ bà con, hàng xóm và các đại lý nông sản tại địa phương với lãi suất cao hơn gấp hai lần. Một số hộ do không có vốn đầu tư mua phân bón nên năng suất cây trồng thấp. Điều này dẫn đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp, lại rơi vào vòng lẩn quẩn thiếu vốn, nợ nần và nghèo đói.

Xã Vĩnh Châu là một xã thuần nông, nhằm tận dụng lao động lúc nông nhàn, nâng cao thu nhập cho người dân. Xã đã khuyến khích phát triển các ngành nghề phụ tại các làng nghề như: Nè, Mộc, Đúc, Chạm, Giấy, Mành, Nón... tạo việc làm cho hàng ngàn lao động với mức thu nhập khá. Ngoài ra cần phải đưa các giống cây, con mới có năng suất cao vào sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi hợp lý. Đồng thời áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, từng bước phát triển nền kinh tế của địa phương.

Thứ ba Nhận thức và sự tham gia của người dân

Nhận thức của người dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng NTM. Một khi người dân đã nhận thức đúng đắn về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm và quyền lợi thiết thực của mỗi người dân nông thôn thì chính họ sẽ hăng hái tham gia xây dựng và phát triển nông thôn ngày càng văn minh, sạch đẹp; tăng gia sản xuất nâng cao thu nhập; tự nguyện đóng góp vào công cuộc xây dựng chung của toàn xã hội. Ngược lại, nếu người dân nhận thức chưa đầy đủ thì sẽ rất khó huy động nội lực của cộng đồng cũng như các hoạt động khác trong xây dựng NTM.

Sự tham gia trong các hoạt động trong phát triển nông thôn của người dân được thể hiện ở: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân đóng góp, dân quản lý và dân hưởng lợi. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Đảng ta là “lấy dân làm gốc”. Từ đó, người dân sẽ: là chủ thể xây dựng NTM; tham gia ban chỉ đạo xây dựng NTM cấp thôn; tham gia các hoạt động tuyên truyền; đóng góp cho các hoạt động xây dựng NTM; tham gia giám sát thực hiện các hạng mục công trình; xây dựng hệ thống chính trị – xã hội vững mạnh, bảo đảm an ninh trật tự xã hội ở cơ sở.

Hơn ai hết, chính những người dân nông thôn sẽ hiểu rõ tiềm năng, nhu cầu và lợi ích của chính cộng đồng mình. Vì vậy, phát huy sự tham gia của người dân chính là góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng thành công NTM.

Thứ tư Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị-xã hội

Các cơ quan chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển nông thôn. Các tổ chức xã hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh,... có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn xây dựng thiết chế quản lý cộng đồng. Chính quyền địa phương hiệu quả có vai trò rất quan trọng trong việc huy động nguồn lực cũng như khả năng quản lý cơ sở, cách tiếp cận nông dân, tuyên truyền, vận động, tổ chức và hành động để đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong xây dựng NMT.

Cần phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Đây là một việc rất cần thiết vì đây là bộ máy lãnh đạo của nhân dân, gần gũi nhất và lắng nghe mọi ý kiến trực tiếp từ người dân. Từng bước kiện toàn các tổ chức trong thôn, xã và phối hợp với các hoạt động của các tổ chức để tạo ra sức mạnh tổng hợp góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã.

Thứ năm Vai trò của khoa học kỹ thuật

Khoa học kỹ thuật bao gồm giống mới, kỹ thuật sản xuất mới,.. có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.

Hiện nay, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất của người dân tại xã còn hạn chế. Vì vậy, họ thường có thu nhập thấp và tỷ lệ hộ nghèo cao, ảnh hưởng đến việc hoàn thành một số tiêu chí trong xây dựng NTM, đồng thời cũng ảnh hưởng đến khả năng đóng góp của cộng đồng trong xây dựng NTM. Với truyền thống canh tác thô sơ, chủ yếu là tự cung tự cấp trong hộ gia đình từ ngàn xưa nên việc chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho người dân cần phải có sự kiên trì và những giải pháp cụ thể dựa vào những đặc điểm về phong tục tập quán của người dân địa phương..

Chính vì vậy, cần phải chú trọng đầu tư nghiên cứu và chuyển giao KHKT phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của địa phương nhằm nâng cao năng suất và

Thứ sáu Lao động, việc làm ở nông thôn

Trong quá trình xây dựng NTM, một vấn đề quan trọng là giải quyết việc làm ở nông thôn. Cần có sự mở mang các loại hình dịch vụ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở ngay trong cộng đồng để thu hút nguồn lao động tại chỗ, “ly nông bất ly hương”. Điều này đòi hỏi lực lượng lao động trẻ nông thôn phải được đào tạo, nâng cao tay nghề.

Phần lớn lao động trong các lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp (80– 85%) một lĩnh vực thường cho thu nhập thấp. Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng đã được triển khai ở xã. Tuy nhiên hiệu quả của các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho thấy chỉ có khoảng 1/3 người có hiệu quả và rất có hiệu quả. Số còn lại cho rằng chương trình này không hiệu quả

Thứ bảy Kinh phí thực hiện cho Chương trình nông thôn mới trên địa bàn Xã Vĩnh Châu

Nguồn vốn là một trong những yếu tố không thể thiếu trong quá trình xây dựng NTM. Vốn của Chương trình bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn do nhân dân đóng góp, vốn tín dụng, vốn từ doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

Tổng nguồn vốn thực hiện: Trong đó: vốn TW 180.355.550 triệu đồng, vốn tỉnh 37.988.816 triệu đồng, vốn thị xã 12.763.710 triệu đồng, vốn huy động nhân dân đóng góp 20.866.704 triệu đồng, vốn tư nhân 22.660.000 triệu đồng

2.5. Đánh giá thực trạng

2.5.1. Những kết quả, tiến bộ đạt được

Sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đến nay đời sống người dân xã Vĩnh Châu được cải thiện, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới. xã Vĩnh Châu thuộc thành phố Châu Đốc là xã đầu tiên đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” của tỉnh An Giang. Ngày 29/4, thành phố Châu Đốc đã tổ chức công bố quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang công nhận danh hiệu này đối với xã Vĩnh Châu. Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 của chủ tịch UBND tỉnh An Giang về công nhận xã Vĩnh Châu, thành phố Châu

Độc, tỉnh An Giang đạt danh hiệu “Xã Nông Thôn Mới” năm 2013.

Đến cuối năm 2018, thu nhập bình quân của người dân xã Vĩnh Châu đạt trên 42,37 triệu đồng/người/năm, tăng 28 triệu đồng so với năm 2011; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,45% giảm 4,28% so với năm 2011; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh;

Các đường giao thông nông thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế, thủy lợi; xây dựng các mô hình sản xuất và chăn nuôi hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân. Nguồn kinh phí đầu tư cho chương trình này tại xã Vĩnh Châu là hơn 164,4 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ gần 7 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh trên 34 tỷ đồng, vốn ngân sách thành phố Châu Đốc gần 54 tỷ đồng, còn lại là do nhân dân đóng góp và huy động từ doanh nghiệp.

Đến nay, xã không còn nhà tạm, nhà dột nát, không còn nhà ở trên sông, kênh rạch, có 82,51% nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đưa ra, (đạt 981 hộ trên tổng số 1.189 hộ gia đình toàn xã).

Với quyết tâm duy trì và nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, BCD.NTM xã luôn quan tâm đôn đốc, giám sát việc thực hiện một cách thường xuyên. Nâng chất 500 mét đường giao thông nội đồng (láng nhựa đường Huỳnh Văn Thu). Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống dân sinh. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 3/3 trường, đạt tỷ lệ 100%. Xã có Trung tâm Văn hóa và khu thể thao với quy mô hợp lý, phát huy hiệu quả. Trung tâm Văn hóa xã là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động hội họp, trình diễn văn nghệ, đờn ca tài tử, điểm trình diễn các mô hình sản xuất, các hội thi; Sân bóng đá, bóng chuyền phục vụ thanh thiếu niên sinh hoạt hàng ngày ... đã góp phần phục vụ tốt đời sống tinh thần cho nhân dân...



2.5.2. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

2.5.2.1. Những khó khăn, bất cập

Những khó khăn chủ yếu trong quá trình thực hiện của xã Vĩnh Châu gồm:

- Tính chủ động, sáng tạo điều hành một số ấp còn thiếu tích cực, còn trong chờ ý lại nhà nước và cấp trên, chưa phát huy chủ thể của người dân trong việc xây dựng nông thôn mới.

- Chợ nông thôn tuy đáp ứng đầy đủ điều kiện vật chất theo quy định nhưng vẫn chưa phát huy đúng vai trò của nó.

- Các Công ty Nông nghiệp (khoảng 5 Công ty) thực hiện chuỗi liên kết sản xuất trong nông nghiệp nhưng đầu ra bấp bênh. Chưa có doanh nghiệp nào mạnh dạng đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ để thu hút lao động trong địa phương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tuy đạt chỉ tiêu nhưng việc đào tạo nghề chưa thực sự gắn với việc làm tạo ra thu nhập cho người dân.

- Nhân dân ủng hộ chủ trương thực hiện nông thôn mới nhưng tình hình đời sống nhân dân trên địa bàn còn nhiều khó khăn, mức thu nhập thấp so với các địa phương khác.

- Một số ít hộ dân chưa nhận thức cao về thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền còn hạn chế gây khó khăn các hội đoàn thể xã.

Những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện của xã Vĩnh Châu là:

- Một số tiêu chí chưa thật phù hợp thực Tiển của xã. Quyết định 491/ QĐ-Ttg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ chưa thật phù hợp với tình hình thực tế, còn cứng nhắc, không sát với tình hình từng vùng miền, đặc điểm văn hóa xã hội của từng cộng đồng cư dân nông thôn. Vì thế, để đạt được đủ 19 tiêu chí hầu như là điều khó khả thi. Sự không phù hợp của các tiêu chí đánh giá thể hiện ở chỗ:

+ Các tiêu chí tập trung nhiều vào các hạng mục công trình vật chất, chủ yếu cho xây dựng mới cơ sở hạ tầng (phần cứng) hơn là đầu tư vào các mục phi vật thể (phần mềm) như các giải pháp phát triển kinh tế, phát triển tổ chức, các vấn đề xã hội, phát triển con người;

+ Một số tiêu chí đánh giá còn cứng nhắc và máy móc, Cụ thể: Tiêu chí số 6, 7 muốn được công nhận là xã nông thôn mới thì xã đó phải có Nhà Văn hóa xã và Chợ nông thôn. Có cần thiết xã nào cũng phải có Nhà văn hóa, chợ. Tiêu chí số 9- tỷ lệ nhà ở khu dân cư đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng phải là nhà đạt 4 cứng (tường cứng, cột cứng, nền cứng và mái cứng). Đối với một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng thì không phù hợp vì đa số người dân phải chung sống với lũ nhà chủ yếu trên cọc để vượt lũ. Tiêu chí này đã bỏ qua đặc điểm văn hóa, đặc trưng dân tộc của cộng đồng cư dân nông thôn, không phù hợp với quan điểm phát triển nông thôn. Tỷ lệ đạt tiêu chí này rất thấp.

+ Tiêu chí số 10. Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 1,4 lần so với mức bình quân chung của tỉnh là tiêu chí khó thực hiện. Tiêu chí này, yêu cầu các xã phải đạt một mức thu nhập như nhau, trong khi đó, điểm xuất phát và điều kiện kinh tế-tự nhiên xã hội của các xã ở trong một tỉnh lại rất khác nhau. Hơn nữa, nếu thu nhập bình quân đầu người một xã so với bình quân chung tỉnh có nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thì xã đó rất khó đạt tiêu chí này vì tỉnh công nghiệp luôn luôn có thu nhập bình quân cao hơn rất nhiều so với thu nhập của cư dân nông thôn ở tỉnh đó.

+ Tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất (Tiêu chí 13), chỉ thể hiện rằng xã đó có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã sinh hoạt có hiệu quả là chưa đủ. Thực ra hình thức tổ chức sản xuất để giúp cho cư dân nông thôn phát triển rất đa dạng bao gồm các tổ chức kinh tế-xã hội, kể cả tổ chức xã hội dân sự của cư dân nông thôn (như hiệp hội, nhóm sở thích, nhóm liên kết

- Bất cập trong cách tiếp cận khi triển khai chương trình: 1) Có sự thiên lệch đối với các xã khá và giàu khi triển khai mô hình. Những mô hình nông thôn mới như thế được gọi là điển hình tiên tiến, ít đại diện cho số đông các xã nghèo và vùng nghèo. Đó cũng là lý do mà vì sao các điển hình tiên tiến về phát triển nông thôn lại không được nhân rộng ra. Kết quả triển khai thực hiện ở các mô hình thí điểm này khó được nhân rộng vì các xã cần nhân rộng lại là những xã có điều kiện kinh tế xã hội thấp kém hơn nhiều so với các xã điểm; 2) Chất lượng quy hoạch thấp. Việc xây dựng đề án và quy hoạch của xã nông thôn mới thường được tiến hành qua các tư vấn từ các đơn vị chuyên môn làm quy hoạch. Mặt khác, quy hoạch xây dựng nông thôn mới là bao gồm quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch khu dân cư. Thế nhưng, hầu hết các đơn vị tư vấn không có kiến thức đa ngành, chưa có kinh nghiệm thực hiện quy hoạch này. Mặt khác, chủ đầu tư là Ban quản lý xã cũng không có cán bộ am hiểu về công việc này. Do đó, chất lượng của quy hoạch thấp; 3) Thiếu vốn đầu tư, chưa phát huy cao độ nội lực của địa phương và của dân. Nhu cầu của xã làm mô hình nông thôn mới thường lớn, vượt quá khả năng đầu tư của huyện và tỉnh; 4) Cán bộ cộng đồng và người dân địa phương thiếu kỹ năng quản lý và giám sát các công trình. Khi triển khai thực hiện các hoạt động trong đề án phát triển nông thôn ở xã, các cán bộ địa phương gặp nhiều khó khăn trong quản lý, giám sát các dự án phát triển nông thôn tại địa phương. xã cũng thành lập Ban quản lý để giám sát và kiểm tra. Tuy nhiên, hiệu lực và hiệu quả của ban quản lý này thấp.

2.5.2.2. Nguyên nhân của khó khăn, bất cập

Một là, Do xuất phát điểm nền kinh tế của xã còn thấp. Sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Khu vực sản xuất nông nghiệp giảm, sản xuất công nghiệp chưa có, dịch vụ phát triển chưa có đột phá, tăng trưởng chậm.

Hai là, do tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh xảy ra đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, nên kết quả sản xuất nông nghiệp giảm, năng suất ngành nông nghiệp giảm. Diễn biến bất lợi này ảnh hưởng đến phát triển KT - XH, trong đó có chương trình MTQG về xây dựng NTM.

Ba là, xây dựng NTM đòi hỏi nguồn lực lớn, trong khi nguồn kinh phí của xã nhận trợ cấp từ cấp trên. kinh phí hỗ trợ chưa kịp thời, nguồn vốn đầu tư chưa đa dạng (vốn đầu tư cho xây dựng hạ tầng nông thôn chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Nhà nước), người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động, tích cực tham gia xây dựng chương trình, do đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng NTM.

Bốn là, việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ở một số địa phương cơ sở chưa thường xuyên (nội dung, hình thức chưa phong phú, chưa ngang tầm với yêu cầu mới). Trong khi đó, công tác đào tạo cán bộ chỉ đạo chương trình xây dựng cấp xã, ấp chưa được quan tâm đúng mức. Do Trung ương chưa có bộ tài liệu chuẩn thống nhất, mới chỉ có chương trình khung, bài giảng phụ thuộc vào cán bộ kiêm chức được phân công giảng bài. Công tác chuyên môn nên nhiều cán bộ chủ chốt cấp xã chưa ý thức tham gia tập huấn. Do đó, hiệu quả thực hiện Nghị quyết còn hạn chế, chưa phát huy lợi thế, khai thác tiềm năng, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nông dân. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu, thực hiện ở cấp cơ sở đạt kết quả chưa cao, cộng đồng dân cư chưa nhận thức đầy đủ về chương trình xây dựng NTM. Chính vì thế, chưa thu hút được sự ủng hộ mạnh mẽ từ cộng đồng, chưa phát huy được vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong xây dựng NTM.

Năm là, nhận thức và trình độ, kỹ năng của cán bộ cấp xã còn nhiều hạn chế, chưa thể đáp ứng được yêu cầu của một khối lượng công việc lớn trong xây dựng NTM. Trong khi đó, công chức xã và các ấp chưa được thông suốt hiểu kỹ năng để chủ động xử lý khi có vấn đề mới nảy sinh.

Sáu là, sự phối hợp giữa xã và các phòng ban chưa chặt chẽ, đồng bộ trong công tác chỉ đạo, nắm tình hình, phản ánh, đề xuất giải pháp để thực hiện chương trình dẫn đến quá trình triển khai thực hiện còn nhiều bất cập, lúng túng.

Bảy là, Một số cơ chế chính sách chưa được triển khai, chậm hệ thống hoá, chưa được bổ sung, hoàn thiện, thực thi một cách đồng bộ. Do đó, chưa tập trung huy

động tối đa nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân và cộng đồng doanh nghiệp, để gánh nặng cho đầu tư công nên rất khó đạt được mục tiêu.

2.5.3. Một số bài học rút ra từ thực hiện xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc

Một là Đảng bộ xã đoàn kết, quyết tâm hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới; lãnh đạo cấp trên quan tâm chỉ đạo, kiểm tra giúp đỡ, tổ chức hành động quyết tâm hoàn thành mục tiêu chung, cán bộ gương mẫu trước nhân dân.

Hai là, Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động giáo dục, thuyết phục để đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức rõ và thấy được tầm quan trọng để xây dựng nông thôn mới. Phát huy tốt quy chế dân chủ công khai, minh bạch, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát, kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh, uốn nắn những lệch lạc tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân.

Ba là, Kế thừa và phát huy các bài học kinh nghiệm thành công từ các chương trình mục tiêu, các phong trào quần chúng trước đây để vận dụng vào xây dựng nông thôn mới. Trong đó có bài học xuyên suốt đó là “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân góp, dân hưởng thụ*”

Bốn là, Tập trung quyết liệt thực hiện các tiêu chí bức xúc và thiết thực của dân, nhóm tiêu chí nâng cao đời sống của dân, vừa tạo khí thế phấn khởi cho dân, vừa nuôi dưỡng sức dân, vừa được lòng dân. Từ đó mới khơi dậy và phát huy tốt vai trò chủ thể của dân.

Năm là, Xây dựng nông thôn mới là cả một quá trình dài, tổng hòa nhiều mối quan hệ. Do đó, cần tăng cường đào tạo, tập huấn để có lực lượng chuyên sâu. Trong quá trình tổ chức thực hiện không chủ quan, nóng vội, vừa làm vừa học tập kinh nghiệm, vừa đúc kết thực tiễn, vừa gắn chặt với những đặc điểm, tình cảm của người dân tại địa phương, vận dụng tốt các quy định của trên, lấy hiệu quả là mục tiêu quan trọng để đánh giá các tiêu chí.

Chương 3:

GIẢI PHÁP NÂNG CHẤT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

3.1.1. Bối cảnh kinh tế xã hội xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Thành phố Châu Đốc là đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh An Giang theo Nghị quyết 86/NQ-CP ngày 19/7/2013. Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành phố Châu Đốc đã khoác lên mình một diện mạo mới, tầm vóc mới. Hai năm sau ngày được công nhận là Thành phố, Châu Đốc lại được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh An Giang. Kết quả đạt được với những nổi bật như sau:

Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020. Quyết định số 11265/QĐ-UBND ngày 26/04/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Châu Đốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2030 đạt khoảng 10,5%, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2030 chiếm 33 - 35% GDP. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người đạt 146,2 triệu đồng (khoảng 6.560 USD); tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 73,2%, 23,0%, 3,8%; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 20 tỷ USD; thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng bình quân khoảng 12%.

+ Quy mô dân số khoảng 1,21 triệu người; giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị xuống còn 2,5%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 44,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 83%; tỷ lệ 8 bác sỹ và 26 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 13%; cơ bản không còn hộ nghèo; tuổi thọ trung bình đạt trên 80 tuổi. Hạ tầng viễn thông phát triển hiện đại, đồng bộ, mật độ thuê bao Internet đạt tối thiểu 48 - 50%.

+ Được sự hỗ trợ của tỉnh, từ nguồn vốn trung ương, vốn xã hội hóa, đã hoàn thành tuyến đường tránh Quốc lộ 91 (N1), khởi công xây dựng cầu Châu Đốc bắc qua sông Hậu, siêu thị Co.op Mart,... Năm 2016, hệ thống thoát nước của Thành phố được đưa vào hoạt động, và trở thành 01 trong 16 đô thị trên cả nước có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

+ Tính đến nay Châu Đốc là đơn vị trực thuộc tỉnh đầu tiên hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; 100% hộ dân (cả ở thành thị và nông thôn) đều được sử dụng điện và nước sạch, là đơn vị duy nhất của tỉnh đạt mục tiêu này. Đồng thời không còn nhà ở dột nát, được xây dựng kiên cố, có niên hạn sử dụng 15 năm trở lên; Đường và hẻm toàn thành phố đã có điện chiếu sáng về đêm góp phần bảo đảm an ninh trật tự, tạo thuận lợi cho sinh hoạt của nhân dân. Đây cũng là mô hình đầu tiên của các đô thị trong tỉnh thực hiện đạt mục tiêu này.

Thực hiện kế hoạch “Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2020”, đến nay đã công nhận 23/35 điểm trường, cuối năm 2017 nâng số trường đạt chuẩn quốc gia 27/35 trường là đơn vị dẫn đầu của tỉnh An Giang về xây dựng trường chuẩn quốc gia; Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế xã, đến nay 100% xã, phường có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

+ Các phường, xã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình, Internet; tổ chức và duy trì bản sắc văn hóa các lễ hội truyền thống, đặc biệt Lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam được công nhận di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, và đã được tâm quản lý, thực hiện đúng lộ trình nâng cấp Khu du lịch cấp Quốc gia. Qua đó, hàng năm thu hút du khách đến tham quan.

+ Việc chăm lo cho hộ nghèo được Đảng bộ thành phố quan tâm thực hiện, những giải pháp rất thiết thực như ngoài những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thành phố vận động hỗ trợ nhà ở ổn định 30-40 triệu đồng/căn, hỗ trợ vốn sản xuất buôn bán, học nghề để có việc làm, thu nhập, đời sống nâng lên.

Song song với đó, nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuận lợi vào đầu tư tại địa phương, Thành phố đã thành lập Tổ công tác xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư, qua đó tranh thủ được nguồn vốn Ngân sách tỉnh và trung ương đầu tư các dự án

hạ tầng du lịch (nâng cấp, cải tạo đường lên đỉnh Núi Sam, tuyến đường đoạn từ đường tránh Quốc lộ 91 đến chợ Vĩnh Đông,...).

Châu Đốc được biết đến là thành phố du lịch tâm linh, với nhiều di tích văn hóa – lịch sử nổi tiếng, như: Miếu Bà Chúa Xứ, chùa Tây An, lăng Thoại Ngọc Hầu, chùa Phước Điền (còn gọi chùa Hang)... Năm 2015, Lễ hội vía Bà Chúa Xứ núi Sam được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Với những điều kiện thuận lợi, TP. Châu Đốc từng bước trở thành một trong những địa phương thu hút nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu và đầu tư nhiều dự án phục vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái...

+ Đến thời điểm này, có nhiều nhà đầu tư triển khai hoặc đăng ký các dự án phát triển du lịch. Điển hình, dự án khu văn hóa tâm linh cáp treo núi Sam, hiện, dự án đang tiến hành giai đoạn I (xây dựng ga đi, khu tái định cư, san lấp mặt bằng, đường dẫn vào nhà ga) và tiếp tục hoàn thành các thủ tục để triển khai giai đoạn II (với quy mô 28 ha). Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai An Giang đã đăng ký đầu tư xây dựng khách sạn quốc tế tiêu chuẩn 5 sao và khu sinh thái nghỉ dưỡng, với vốn đầu tư trên 600 tỷ đồng.

+ Ngoài ra, dự án KDL sinh thái của Công ty TNHH Nguyên Phương với quy mô 12,3 ha, vốn đầu tư dự kiến 178 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV Vạn Bình An đăng ký đầu tư KDL lòng hồ Trương Gia Mô và dự án hoa viên núi Sam, với vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng. Ngoài các dự án ở KDL núi Sam, các nhà đầu tư còn đăng ký đầu tư tại các điểm khác trong thành phố, như: Khu sinh thái 100 ha, tại khu đất rừng tràm ở Vĩnh Tế; khu sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ; khu trung tâm đặc sản vùng, miền của doanh nghiệp Tứ Sơn... “Nhìn chung, tình hình đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn TP. Châu Đốc diễn ra sôi động và có triển vọng phát triển tốt.

Đối với xã Vĩnh Châu.

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã lần thứ III nhiệm kỳ 2015-2020 diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Nhưng được sự quan tâm của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và các ngành chức năng quan tâm hỗ trợ kinh tế - xã hội của địa phương ngày một phát triển. Đồng thời, Đảng bộ và nhân dân xã phát huy truyền thống đoàn kết, vận dụng sáng tạo các chủ trương,

chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương, đời sống nhân dân tiếp tục được nâng lên, tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được giữ vững, công tác xây dựng Đảng được tăng cường, củng cố, thực hiện cơ bản các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã. Đến nay xã đạt được một số kết quả:

Về Kinh tế: Nông nghiệp phát triển ở mức khá; tổng diện tích gieo trồng là 16.815/27.665 ha (so với Nghị quyết đạt 60,78%), năng suất trung bình 6.75 tấn/ha, ước tổng sản lượng đạt 114.534/200.000 tấn (so với Nghị quyết đạt 57,27%), ước giá trị sản xuất trồng trọt đạt 127.800.000đ/ha (so với Nghị quyết Đảng bộ đạt $127.000.000/95.000.000 = 134\%$) đất trồng trọt. Trình độ sản xuất của nông dân được nâng cao, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng năng suất; cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất như điện, hệ thống giao thông, thủy lợi, trạm bơm tưới tiêu... đã được đầu tư kịp thời và thường xuyên thực hiện cải tạo, nâng cấp. Các mô hình trồng màu, trồng vườn mang lại hiệu quả cao hơn so với sản xuất lúa nhưng diện tích và giá trị sản xuất màu chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu nông nghiệp. Hoạt động nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường xuất khẩu. Thành lập được 02 hợp tác xã nông nghiệp (HTX kênh 1 – kênh 4, kênh 4 – kênh 7).

+ Thu, chi ngân sách: Tổng thu ngân sách đạt 23.340 triệu đồng (so với Nghị quyết đạt $23.340/31.100=75,05\%$); trong đó, thu điều tiết đạt 524 triệu đồng, chiếm 2,25%, thu trợ cấp từ ngân sách thành phố 15.032, chiếm 65,56%. Tổng chi ngân sách đạt 21.880 triệu đồng (so với Nghị quyết đạt $21.880/31.100=70,35\%$); chủ yếu là chi thường xuyên; các khoản chi đầu tư phát triển, xây dựng công trình cơ sở hạ tầng từ nguồn ngân sách thành phố.

+ Đầu tư xây dựng phát triển nông thôn: láng nhựa hai bên lề đường, lát gạch vỉa hè đoạn UBND xã đến nương M8, mái che chợ Vĩnh Châu, lát đan khu dân cư kênh 4 – kênh 7, xây dựng kho lưu trữ cơ quan.

+ Về giao thông, thủy lợi: láng nhựa đường Huỳnh Văn Thu (đoạn kênh 1 – kênh 7), công trình cán đá cấp phối đường đê bao kênh 3, cán đá cấp phối bờ Tây kênh 10, đường cộ bờ Đông kênh Xuất khẩu; cải tạo các tuyến giao thông nội đồng, nạo vét các nương phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật được quy

hoạch phát triển trong quy hoạch chung của xã giai đoạn 2015-2020. Xây dựng 07 cây cầu (cầu Kênh 1, Kênh 3, Kênh 4, Kênh 7, Kênh 10, Cầu Thuận An và Cầu Huỳnh Liên) với tổng số tiền trên 05 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: Hằng năm, Ủy ban nhân dân đều xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch duy trì, nâng chất các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới. Đặc biệt, xã tập trung duy trì, nâng chất các tiêu chí “động” như:

+ Thu nhập bình quân đầu người: Kết hợp Ngân hàng CSXH thành phố, các hội đoàn thể xét vay vốn tín dụng, hỗ trợ phát triển sản xuất giúp cho hộ dân có thêm việc làm tăng thu nhập bằng các mô hình chăn nuôi. Nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả như trồng vườn, nuôi lợn... từ đó nâng dần thu nhập bình quân đầu người hằng năm. Đến nay, thu nhập bình quân của xã năm 2017 đạt 37.030.000 đồng, so với năm 2015 tăng 1,27 lần (tăng 7.830.000 đồng); đạt yêu cầu về tiêu chí xây dựng nông thôn mới về chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người.

+ Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp: BQL.NTM chỉ đạo Tổ tuyên truyền hằng năm xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phong trào xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, UBND xã đăng ký thực hiện các tuyến đường xanh – sạch – đẹp về Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, cuối năm sơ kết đánh giá kết quả thực hiện; vận động hộ gia đình chỉnh trang hàng rào, làm vệ sinh nhà ở và xung quanh nhà; sắp xếp nhà cửa, bếp gọn gàng, ngăn nắp, sạch đẹp; xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; thu gom xử lý rác thải...

Về văn hóa xã hội: Công tác giáo dục tiếp tục phát triển về quy mô lẫn chất lượng, tạo chuyển biến nâng cao dân trí. Công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục đạt kết quả khả quan; liên tiếp duy trì đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục từ năm 2006 đến năm nay. Công tác khuyến học, khuyến tài và xã hội hoá trong giáo dục được quan tâm. Duy trì 03/03 trường đạt chuẩn quốc gia; cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học được đầu tư khang trang, kiên cố và hiện đại đáp ứng nhu cầu dạy và học; tỷ lệ học sinh ra lớp hằng năm đạt từ 90% trở lên.

Về Y tế: Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn đảm bảo, cơ sở vật chất

y tế được quan tâm đầu tư, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Bên cạnh đó, xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trong hội nghị, họp nhóm, đi vận động từng nhà hộ dân, trên đài truyền thanh xã và đặc biệt là thực hiện tốt mô hình tổ góp vốn xoay vòng mua BHYT. Tính đến cuối năm 2017 là 88,78%.

Tiếp tục duy trì các tiêu chí chuẩn quốc gia y tế xã và y học cổ truyền tiên tiến; triển khai đạt kết quả các chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng, hạn chế số ca bệnh sốt xuất huyết; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 14% còn 13%, chưa đạt so với Nghị quyết (13%/10%). Duy trì 100% hộ sử dụng nước sạch; nâng tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh từ 85,55% lên 96,48%, so với Nghị quyết đạt 100,5% (96,48/96); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn trên 1% chưa đạt so với Nghị quyết (<1%); tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân từ 71,37% nâng lên 88,78%, so với Nghị quyết đạt 98,74% (88,78%/90%).

Văn hoá thông tin – thể dục thể thao: các phong trào về văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao từng bước phát triển gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, đến nay toàn xã đã có 1074/1119 hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 96%, chưa đạt so với Nghị quyết (>98); duy trì 3/3 ấp đạt chuẩn ấp văn hoá. Phong trào TDTT trong đội ngũ CB - CC và trong Nhân dân phát triển. Thực hiện tốt công tác truyền thanh, tiếp âm các chương trình của Đài tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh tỉnh, thành phố và bản tin của địa phương.

Như vậy với những tiềm năng thế mạnh của TP Châu Đốc nói chung và thành quả đạt được của xã Vĩnh Châu nói riêng thì việc Toàn hệ thống chính trị xã Vĩnh Châu phải thực hiện tốt hơn nữa việc phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới cho xứng tầm và kịp với tốc độ phát triển của thành phố Châu Đốc

3.1.2. Cơ sở pháp lý

Văn bản của Trung ương

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định : “Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại”.

- Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn xác định nhiệm vụ: “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.

- Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính Phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 về việc Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới.

- Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

- Thông tư số 07/2010/TT-BNN&PPTNT ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thông tư 09/2010/TT-BXD ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ xây dựng quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa - Thể thao xã.

- Quyết định 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ văn hóa-Thể thao và du lịch về việc quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm văn hóa-Thể thao xã.

- Thông tư Liên tịch 26/2011/TTLT-BNN&PTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Kế hoạch đầu tư; Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Văn bản của tỉnh An Giang:

Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 19/10/2010 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Hướng dẫn số 23/HD-BCĐNTM của BCĐ.NTM tỉnh An Giang ngày 30/12/2013 về việc hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí nông thôn mới.

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Khóa XIII về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020. Theo đó, xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định và đáp ứng 04 tiêu chí gồm:

Văn bản thành phố Châu Đốc:

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ X, nhiệm kỳ 2010-2015; Quyết định số 605/KH-UBND ngày 18/04/2012 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai và cả giai đoạn 2011-2015 về Chương trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 26/09/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu;

Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng xã Vĩnh Châu;

Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 03/11/2010 của UBND thị xã Châu Đốc về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và phân công trách nhiệm triển khai thực hiện và hướng dẫn, theo dõi từng tiêu chí;

Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 27/11/2013 của UBND thành phố Châu Đốc về việc phân công trách nhiệm triển khai thực hiện và theo dõi Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh; Trên 50 các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố và công văn của các ngành thành phố.

Văn bản xã Vĩnh Châu:

Quyết định số 37-QĐ/ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TU ngày 05/8/2008 của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Nghị quyết số 16/NQ-ĐU ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Đảng ủy xã Vĩnh Châu về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015,

Nghị quyết số 12-NQ/ĐU ngày 23/12/2010 về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2011;

Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 21/06/2011 về việc thông qua nội dung quy hoạch sử dụng đất, cơ sở hạ tầng xã Vĩnh Châu;

Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 21/06/2011 về việc thông qua nội dung Đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Ngoài ra, BCD tỉnh, thành phố tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm tạo điều kiện cho xã học tập cách làm hay của các xã xây dựng nông thôn mới như: xã Thái Thị huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình; xã Vĩnh Thanh huyện Phước Long - tỉnh Bạc Liêu; xã Tân Hiệp A huyện Tân Hiệp tỉnh Kiên Giang; xã Trí Phải huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau; xã Tân Thông Hội huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ nâng chất thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đến 2025

3.1.3.1. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu.

Xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang có

kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện có chất lượng cao Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới bao gồm 11 nội dung, được cụ thể hóa trên 19 tiêu chí; 11 chương trình mục tiêu quốc gia và 13 chương trình có tính chất mục tiêu đang diễn ra tại nông thôn. Làm thay đổi toàn diện về kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường; tạo ra những “con người mới” có văn hoá trong môi trường nông thôn mới.

Mục tiêu cụ thể:

- Nâng chất kết quả thực hiện các tiêu chí về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo; phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, bảo vệ môi trường.
- Được công nhận xã nông thôn kiểu mẫu liên tục từ 2019 – 2020 và đến 2015.

3.1.2.2. Nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để cho nhân dân nâng cao nhận thức về trách nhiệm của nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.
- Tiếp tục vận động nhân dân phát huy nội lực tham gia hiến đất, hiến cây để mở rộng đường làng ngõ xóm; góp vốn xây dựng một số công trình hạng mục không có từ vốn ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, thường xuyên triển khai công tác làm vệ sinh môi trường, xây dựng thôn xóm văn minh, xanh sạch đẹp, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh để nâng cao cuộc sống.
- Tập trung cho đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tăng thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
- Thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội góp xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.
- Tăng cường sự lãnh đạo của các chi bộ, phát huy tốt vai trò vận động, giám

sát và phản biện của mặt trận các đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.2. Giải pháp nâng chất xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Chân, thành phố Châu Đốc.

3.2.1. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về nông thôn mới gắn với tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nghị quyết số 26 là một chủ trương đúng có tầm chiến lược, mang tính đột phá cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân, làm thay đổi căn bản cục diện sản xuất nông nghiệp, bộ mặt nông thôn Việt Nam. Nghị quyết có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, những địa phương có tiềm năng lợi thế nói riêng..

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26 các cấp ủy đảng, chính quyền xã, các đoàn thể và MTTQ tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện tốt hơn nữa những việc cụ thể như:

+ Tập trung thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Tăng cường phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. khuyến khích nhân dân tự ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản, sản xuất theo chuỗi sản phẩm.

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trong việc giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng chính đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong xã hội thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Công tác tuyên truyền tập trung làm rõ phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", xác định mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân trong thực hiện mục tiêu xây dựng NTM trên địa bàn xã. Quán triệt và đề cao vai trò của các xóm, làng, đoàn thể và người dân, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại nhà nước. Rút kinh nghiệm giai đoạn đầu triển khai ở một số đơn vị, công tác tuyên truyền rầm rộ nhưng chưa đúng tinh thần chủ trương, làm dân hiểu sai: NTM mới là do nhà nước lo nên xuất hiện tư tưởng trông chờ, ỷ lại, hoặc tham gia miễn cưỡng, hời hợt, thụ động.

Kịp thời biểu dương, động viên những tập thể, cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp, khắc phục tư tưởng trông chờ vào nhà nước hoặc doanh nghiệp cũng như nguồn ngoại lực. Tập trung vận động, tuyên truyền vào những vấn đề chưa thống nhất, những hộ dân còn lừng chừ, những đối tượng có thái độ tiêu cực.

Ngoài ra xã phải đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các trang mạng xã hội, nhằm triển khai sâu rộng và thiết thực. Phong trào thi đua “Xã Vĩnh Châu chung sức xây dựng nông thôn mới” và phản ánh kịp thời những phát sinh ngoài thực tiễn xây dựng nông thôn mới của xã, trong đó, tiếp tục phối hợp với Đài Truyền phát thanh truyền hình thành phố Châu Đốc triển khai hiệu quả và nâng cao thời lượng chuyên mục “phát triển nông thôn ngày nay”

3.2.2. Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào đời sống, sản xuất.

Nhạy bén nắm bắt và ứng dụng các tiến bộ về sinh học, về quy trình sản

xuất, tạo ra bước phát triển mới về năng suất, chất lượng, chủng loại, sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản để tạo được lượng sản phẩm hàng hóa lớn, có chất lượng tốt và sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Trong những năm tới tập trung đảm bảo có được giống lúa, mô hình trồng cây trong nhà lưới, cây trồng và vật nuôi ở cấp độ tiên tiến. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, xác định và ứng dụng quy trình sản xuất hợp lý để đảm bảo phát triển ổn định và có hiệu quả vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ, bảo đảm môi trường sinh thái và điều kiện của xã.

Ứng dụng rộng rãi tin học trong các ngành kinh tế kỹ thuật, trong hoạt động quản lý xã hội, hoạt động của giáo dục đào tạo, các đơn vị Hợp tác xã và Hội nông dân.

Thực hiện đồng bộ những giải pháp như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò nền tảng, động lực, giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của KH&CN. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của ủy ban và tham gia của toàn xã hội về phát triển KH&CN.

Nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN gắn với các ngành sản xuất quan trọng của xã phù hợp với quy hoạch vùng của tỉnh. Xác định nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có tính khả thi cao, có khả năng ứng dụng, nhân rộng thành công, đặc biệt ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của địa phương, hoặc tạo ra ngành nghề, lĩnh vực mới.

Cùng với thành phố và tỉnh thực hiện Dự án nâng cao năng suất chất lượng tại địa phương giai đoạn 2016-2020 thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”.

Ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.3. Tập trung phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Phối hợp chặt chẽ với trường Trung cấp nghề của thành phố, các trung tâm dạy nghề để đào tạo, nâng cao kỹ năng lao động đối với những ngành nghề trong

phương hướng phát triển của địa phương và những ngành nghề mà thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và nước ngoài đang có nhu cầu.

Công tác quy hoạch và đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong các ngành, các lĩnh vực. Tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đặt ra, chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tập thể.

Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương như:

+ Bồi dưỡng kiến thức cơ bản cho hầu hết lao động trực tiếp sản xuất trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

+ Phát triển mạnh số lượng đội ngũ thợ theo yêu cầu của thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động với các ngành nghề, mộc, cơ khí, thêu, may công nghiệp.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà giáo, nhà khoa học có tài năng và kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh thậm chí nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào quá trình nghiên cứu khoa học, công nghệ tại địa phương để có thể ứng dụng vào thực tế

3.2.4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Xác định đúng phương hướng phát triển của từng tiểu vùng mà vận động và tạo điều kiện cho mỗi gia đình, mỗi tổ chức kinh tế tích cực đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, thi đua làm giàu từ nội lực của mình. Trong đó thực hiện tốt đề án của thành phố Châu Đốc về chuyển dịch cơ cấu, chuyển đổi cây trồng tiểu vùng Kênh 1 – kênh 4 với tổng diện tích là 450 ha.

Tăng cường bồi dưỡng và khai thác tối đa mọi nguồn thu trên địa bàn, huy động nguồn lực đóng góp từ các Hợp tác xã, các Doanh nghiệp, trong nhân dân, thực hiện cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Nâng cao năng lực hoạt động và phát huy vai trò của các Dự án tín dụng trong việc đáp ứng yêu cầu nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của các doanh nghiệp và nhân dân.

Tranh thủ nguồn đầu tư của cấp trên qua các chương trình mục tiêu và xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

3.2.5. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền và tổ chức tập hợp vận động quần chúng của Mặt trận và các đoàn thể trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ chính trị

Tiếp nhận và giải quyết tốt các thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa.

Giải quyết chính xác và kịp thời các yêu cầu của nhân dân, của tổ chức và các thành phần kinh tế, tạo môi trường thông thoáng, khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Quản lý chặt chẽ và tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, không ngừng củng cố và tăng cường quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực, xây dựng ý thức “Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật” trong đời sống xã hội.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã trong thời gian tới đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là: Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác vận động quần chúng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, làm cho tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân hiểu biết về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, trước hết là Đảng lãnh đạo và từng cán bộ đảng viên về đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò, vị trí, ý nghĩa quan trọng của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Hai là: Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tổng kết thực tiễn, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp với từng đối tượng quần chúng.

Ba là: Mặt trận phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để phản ánh những ý kiến kiến nghị đến cấp ủy, các cơ quan chức

năng kịp thời giải quyết; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; tập hợp động viên nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, cơ sở.

Bốn là: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tập trung cho cơ sở, củng cố kiện toàn, xây dựng tổ chức thực sự vững mạnh; đa dạng hoá các hình thức tập hợp ở khu dân cư, thôn, tổ dân phố, vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số và trong các doanh nghiệp, phát triển và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên và đội ngũ cốt cán.

3.2.6. Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết

Toàn Đảng bộ phải cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội thành chương trình hành động cụ thể từng năm, từng tháng. Nâng cao vai trò lãnh đạo của tập thể, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò cá nhân phụ trách trong tổ chức thực hiện. Động viên tối đa khả năng của quần chúng nhân dân đồng thời tập trung sức chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt một số việc cơ bản sau:

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện Chương trình Nông thôn mới. Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới muốn thành công đòi hỏi sự lãnh đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, sự vào cuộc tích cực và phối hợp tốt giữa chính quyền, mặt trận đoàn thể và nhân dân. Để thực hiện tốt Chương trình xây dựng NTM giai đoạn từ đến 2020

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững. Xác định rõ Xây dựng NTM là thay đổi cuộc sống của người dân ở nông thôn theo hướng tích cực hơn, là hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Lãnh đạo tăng cường phát huy nội lực gắn với tranh thủ hiệu quả các yếu tố ngoại lực thuận lợi để huy động, tập trung nguồn lực cho các mục tiêu cụ thể của xã về nông thôn mới. Yếu tố quyết định dẫn đến những thành công bước đầu của xã Vĩnh Châu là biết lãnh đạo phát huy nội lực đồng thời tranh thủ cao độ những nguồn ngoại lực. Trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả cả hai yếu tố này, trong đó nội lực là yếu tố quyết định và ngoại lực đóng vai trò quan trọng.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng bộ, cấp ủy địa phương đối với xây dựng nông thôn mới. phải đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo;

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giúp đỡ của Huyện ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể cấp thành phố và tỉnh, đối với xã Vĩnh Châu về xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nông thôn mới, thành ủy, UBND thành phố và các ban ngành cần tăng cường chỉ đạo, tạo ra sự kết hợp giữa các cơ quan trong công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình nông thôn mới.

3.3. Kiến nghị

Xây dựng nông thôn mới là quá trình lâu dài và liên tục. Để đảm bảo tính thống nhất, cần thiết phải xây dựng một kế hoạch phát triển tổng thể có định hướng dài hạn. Tuy nhiên, muốn gì vẫn phải đảm bảo yếu tố hài hoà giữa yêu cầu tính thống nhất trong phát triển với năng lực hiện tại của cộng đồng. Để đem đến sự thay đổi mạnh mẽ, có hiệu quả thì công tác phát triển nông thôn cấp cơ sở phải được thực hiện liên tục. Cần tạo ra một phong trào với sự vào cuộc của người dân địa phương và các cấp chính quyền liên quan. Muốn vậy, mô hình phát triển nông thôn mới phải sát với điều kiện thực tế và có khả năng nhân rộng.

Với sự hỗ trợ chủ chương và chính sách của Đảng, Nhà nước cùng với sự hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài về cả mặt tài chính và kỹ thuật thì việc triển khai xây dựng mô hình nông thôn mới sẽ đáp ứng tiến độ và kết quả như mong muốn. Qua việc thực hiện tình hình thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, tôi đưa ra một số kiến nghị như sau:

3.3.1. Đối với cấp Trung ương

Quản lý vĩ mô tốt hơn việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho Chương trình NTM, sử dụng nguồn vốn hợp lý, đúng trọng điểm, có lộ trình thực hiện rõ ràng, theo thứ tự ưu tiên, quy định việc đánh giá hiệu quả của mỗi dự án trong Chương trình NTM.

Đổi mới những cơ chế quản lý làm phát sinh tư tưởng cục bộ trong quy hoạch của các địa phương, khuyến khích các địa phương liên kết, hợp tác, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Đưa ra những văn bản, quy định cụ thể về chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của người dân để người dân ý thức rõ được vai trò của mình, tránh tình trạng ỷ lại, trông chờ vào cán bộ, cấp trên.

3.3.2. Đối với Tỉnh

Công tác kế hoạch hóa phải được thực sự được xây dựng từ cơ sở và thực hiện theo quy chế dân chủ, hàng năm UBND tỉnh thông báo sớm các chỉ tiêu kế hoạch, ban quản lý Chương trình NTM đưa ra kế hoạch tổng quát giao cho cấp huyện, thành phố, xã tiến hành điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Đưa ra những quy định, văn bản pháp luật cụ thể hơn nữa để nâng cao vai trò của người dân trong thực hiện Chương trình. Các chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, đồng thời, tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm này.

Bố trí ngân sách phù hợp để địa phương thực hiện theo đúng lộ trình, theo đó có chính sách hỗ trợ phù hợp cho xã để hoàn thành các tiêu chí nâng cao vào năm 2020. Xây dựng quy định về huy động vốn, cơ chế lồng ghép, quản lý các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới chung cho cả tỉnh. Có cơ chế cụ thể, đơn giản hơn trong thủ tục xây dựng, giải ngân và quyết toán phần vốn nhà nước hỗ trợ đối với những công trình kỹ thuật đơn giản do cộng đồng dân cư tự thực hiện.

3.3.3. Đối với huyện, thành phố.

Cần có kế hoạch điều tra, báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình hàng tháng. Đưa cán bộ đi tham quan một số mô hình tiêu biểu của các xã có đặc điểm tương tự xã nhà.

Có chính sách biểu dương, khích lệ địa phương hoàn thành xuất sắc tiêu chí, Chương trình NTM, từ đó làm mô hình mẫu, đưa cán bộ tham quan, học tập kinh nghiệm với các huyện khác.

Cần tập trung chỉ đạo quyết liệt, tăng cường kiểm tra, động viên khích lệ làm cho các thành viên Ban chỉ đạo, cán bộ cấp dưới phải thực sự vào cuộc; thực hiện phân công rõ ràng, cụ thể và gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; mỗi thành viên Ban chỉ đạo của thành phố, đại diện cho phòng chuyên môn của thành phố phải chủ trì chịu trách nhiệm triển khai tiêu chí có liên quan đến ngành mình trong toàn thành phố.

3.3.4. Đối với cấp xã.

Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Đưa nội dung xây dựng nông thôn mới vào các cuộc họp giao ban định kỳ để đánh giá những việc đã làm được, những khó khăn, tồn tại nhằm giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành được hiệu quả hơn.

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, để họ dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện; làm sao để người dân thấy rằng phát triển sản xuất tạo sinh kế cho người dân là ưu tiên hàng đầu trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

Huy động tối đa các nguồn lực, trong đó chú trọng vận động đóng góp ngày công, hiến đất xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới" và phong trào "Chung tay xây dựng nông thôn mới".

Quan tâm thực hiện các tiêu chí liên quan đến giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, môi trường và đảm bảo an ninh nông thôn. Chú trọng việc triển khai kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo định hướng thị trường trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của địa phương để nâng cao thu nhập cho người dân.

Chọn một số sản phẩm hoặc nghề là thế mạnh của địa phương để tập trung chỉ đạo, hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng và hiệu quả. Quan tâm chất lượng đào tạo nghề (nông nghiệp, phi nông nghiệp) cho nông dân

theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức vận động người dân tham gia vào phong trào thi đua giữa các ấp, các hộ tập trung cải tạo sân vườn, chỉnh trang công hàng rào để có cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Quyết đoán, dứt khoát hơn nữa trong việc đưa ra chủ trương chính sách, tạo mọi điều kiện để người dân phát huy tối đa nguồn lực của mình.

3.3.4. Đối với từng ấp:

Nâng cao trình độ quản lý, các hoạt động phát triển ấp cần khuyến khích người dân tham gia cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đảm bảo tính dân chủ của người dân.

Khích lệ tinh thần thi đua xây dựng nông thôn mới giữa các tổ, xóm và giữa các hộ gia đình. Duy trì các tiêu chí đã đạt được, tiếp tục phấn đấu hoàn thành các tiêu chí còn lại theo nguyên tắc "tiêu chí nào triển khai thuận lợi, cần ít tiền thì triển khai trước; việc gì các tổ làm được thì ban ấp xem xét ưu tiên cho làm trước".

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế tăng thu nhập, giảm nghèo.

Thường xuyên tuyên truyền để người dân hiểu được mục đích, ý nghĩa, nội dung của việc xây dựng nông thôn mới. Những chính sách hỗ trợ của nhà nước để họ có thể lựa chọn việc nào làm trước, việc nào làm sau.

3.3.5. Đối với người dân

Cần phải tham gia tích cực hơn nữa vào công cuộc xây dựng xóm ấp giàu đẹp. Mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học vào ứng dụng để tìm ra phương thức sản xuất phù hợp với điều kiện của từng hộ để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm sản xuất để có thể hướng tới sự chuyên môn hóa cùng nhau xây dựng địa phương theo mô hình NTM.

Luôn học hỏi, trau dồi các kỹ năng và kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Học hỏi lẫn nhau từ các hộ gia đình tiêu biểu, các cán bộ khuyến nông, sách báo, tivi,...

Hợp tác với các cơ quan quản lý để thực hiện các dự án, chính sách áp dụng cho địa phương để đạt hiệu quả tốt nhất (sự kết hợp từ hai phía).

Mạnh dạn vay vốn đầu tư sản xuất. Luôn cập nhật và tìm hiểu về xây dựng mô hình NTM.

PHẦN KẾT LUẬN

Chương trình NTM đang là một trong những chương trình được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân hiện nay. Xây dựng nông thôn mới cũng là công trình do nông dân tự chủ xây dựng. Nhưng do hiện nay, mức thu nhập của người nông dân còn thấp, không thể tự mình hoàn thành công tác xây dựng mà cần phải có sự trợ giúp về tài chính của chính phủ, thậm chí ở những vùng có kinh tế kém phát triển phải hoàn toàn dựa vào chính phủ đầu tư. Trong đó, luận văn đã tiếp cận, làm rõ một số nội dung sau:

1. Luận văn đã tổng hợp được những cơ sở lý luận cơ bản, các đặc trưng, nguyên tắc, nội dung, căn cứ pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn về Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, phân tích được các đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã để đánh giá được những tiềm năng lợi thế của xã khi thực hiện Chương trình.

2. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: cảnh quan xã thay đổi theo chiều hướng tích cực, quy hoạch xã hợp lý, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, người dân tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn, các dịch vụ y tế, giáo dục cũng ngày càng được hoàn thiện, hệ thống hạ tầng giao thông, kênh mương tưới tiêu nội đồng hoàn chỉnh hoàn chỉnh, tiêu chí về điện, bưu điện, xóa đói giảm nghèo, nhà ở hay hệ thống chính trị ở cơ sở và an ninh trật tự xã hội ở nông thôn. tiêu chí về điện, bưu điện, xóa đói giảm nghèo, nhà ở hay hệ thống chính trị ở cơ sở và an ninh trật tự xã hội ở nông thôn. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số tồn tại bất cập như tình trạng lãng phí nguồn lực, sự xuống cấp của một số công trình giao thông, nhận thức của một bộ phận cán bộ và người dân về Chương trình còn hạn chế, người dân chưa phát huy được hết vai trò của mình,... Chính vì vậy trong thời gian tới, các cấp chính quyền và người dân cần có những biện pháp thích hợp để Chương trình được thực hiện hiệu quả hơn trên địa bàn xã.

3. Để tiếp tục nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2018 - 2020, xã tập trung chỉ đạo và thực hiện các tiêu chí và xây dựng nông thôn mới

nâng cao. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn/xóm nông thôn mới kiểu mẫu. Xã Vĩnh Châu lựa chọn ấp Mỹ Thuận xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến hết năm 2020 toàn huyện có 100% ấp đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Huy động mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, từ những người con quê hương trên mọi miền đất nước cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là động viên nhân dân tích cực tham gia và đóng góp xây dựng NTM.

4. Quá trình xây dựng NTM ở nước ta được bắt đầu từ khá lâu. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên chương trình MTQG về xây dựng NTM được đặt ra một cách toàn diện. Để có thể xây dựng được NTM với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đòi hỏi phải có những giải pháp tổng thể mang tính chiến lược lâu dài; đồng thời, phải có sự chung tay, nỗ lực của các ngành, các cấp, các chủ thể, đặc biệt là vai trò của người dân để chương trình đạt hiệu quả, có ý nghĩa thực sự với cuộc sống của người dân nông thôn.

Tóm lại, nhiệm vụ xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài, thường xuyên và liên tục, không có điểm dừng, UBND xã các Hội đoàn thể chính trị phối kết hợp chặt chẽ, tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng NTM, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động thiết thực có hiệu quả để chương trình xây dựng NTM nâng cao, xây dựng NTM kiểu mẫu trở thành phong trào thi đua sâu rộng và toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Frans Elltis (1994), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội;
2. Benedict J. Kerrkvliet, Jamesscott (2000), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nguyễn Ngọc và Đỗ Đức Định sưu tầm và giới thiệu, Nxb Hà Nội, Hà Nội;;
3. Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
4. Lê Thế Cương (2013), *Thực tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, Học viện Kinh tế chính trị, Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, ngày 11/3/2013;
5. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
6. Chu Hữu Quý (1996), *Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn, nông nghiệp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
7. Đặng Kim Sơn (2008). *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*. NXB Chính trị quốc gia;
8. Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội;
9. Nguyễn Thị Tố Quyên (2012), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
10. Võ Chí Công (1987), *Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội;
11. Phạm Xuân Nam (1997), *Phát triển nông thôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
12. Phong trào đổi mới nông thôn ở Hàn Quốc (2013), http://www.tapchicongsan.org.vn, ngày 11/3/2013;
13. Cục Thống kê An Giang, Niên giám thống kê An Giang năm 2014;
14. Chi cục Thống kê Châu Đốc, Niên giám thống kê Châu Đốc năm 2014;

15. Cục Thống kê An Giang , Niên giám thống kê An Giang năm 2018;
16. Chi cục Thống kê Châu Đốc, Niên giám thống kê Châu Đốc năm 2018;
17. Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;
18. Quyết định số 11265/QĐ-UBND ngày 26/04/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Châu Đốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
19. Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;
20. Báo cáo số 37/BC-BQL.NTM xã Vĩnh Châu ngày 17/03/2014 của Ban Quản Lý Nông thôn mới xã Vĩnh Châu về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An giang giai đoạn 2010 – 2014;
21. Các báo cáo của Ban Quản Lý Nông thôn mới xã Vĩnh Châu các năm 2015; 2016; 2017; 2018 về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An giang;
23. Giáo trình Phát triển nông thôn, trường ĐHNN Hà Nội, trang 11, 2005;
24. Website:
 - a. angiang.gov.vn
 - b. nongthonmoi.gov.vn
 - c. chaudoc.gov.vn
25. Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 125-126;
26. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 197-198;
27. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, VPTW, Hà Nội, 2016, tr 93;
28. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 “Về nông nghiệp, nông dân,

nông thôn”;

29. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ngày 28-10-2008, xác định “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”;

30. Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

31. Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16-8-2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

32. Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

33. Bổ sung thêm các quyết định của UBND tỉnh, UBND TP Châu Đốc có liên quan.

35. Ngọc Kiên, <https://www.phutho.gov.vn/giotohungvuong2018/Pages/TinTuc/195930/Kinhnghiem-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-Tien-Du.html>;

36. Đặng Xuân Khu, <http://dangcongsan.vn/xa-hoi/kinh-nghiem-xay-dung-nong-thon-moi-o-mot-xa-ngheo-524132.html>);

PHỤ LỤC

BẢNG SO SÁNH BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

* Về nội dung tiêu chí, Bộ tiêu chí mới bổ sung thêm 10 nội dung tiêu chí, nâng tổng số lên 49 nội dung,:

I. QUY HOẠCH

TT	Theo QĐ 491/QĐ-TTg và 342/QĐ-TTg			Theo QĐ 1980/QĐ-TTg			So sánh
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ 1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường theo chuẩn mới 1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Tên và nội dung tiêu chí thay đổi; chỉ còn lại 2 nội dung tiêu chí

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Theo QĐ 491/QĐ-TTg và 342/QĐ-TTg			Theo QĐ 1980/QĐ-TTg			So sánh
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn	Đối với tiêu chí này các chỉ tiêu của từng nội dung tiêu chí do UBND cấp tỉnh quy định.
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100% (cứng hóa)		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa		
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		

3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững	Vẫn còn 2 nội dung nhưng nội dung tiêu chí thay đổi
		3.2. Tỷ lệ km trên nương do xã quản lý được kiên cố hóa	85%		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Không đổi
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	99%		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	100%	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥100%	Nội dung tiêu chí có bổ sung thêm thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc

							gia.
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc	Tăng 1 nội dung tiêu chí. Trong đó, các chỉ tiêu 6.2 do UBND tỉnh quy định cụ thể.
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		
					6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc	Tên tiêu chí thay đổi.
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã	Tên tiêu chí thay đổi; nội dung tiêu chí tăng thêm 2 nội dung.
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		
					8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		
					8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		

9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không đổi
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	90%	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Theo QĐ 491/QĐ-TTg và 342/QĐ-TTg			Theo QĐ 1980/QĐ-TTg			So sánh
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	Đến năm 2020 đạt 49 triệu đồng/người	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥50 triệu đồng/người	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1 triệu đồng.
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	3%	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%	Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn dưới 2%
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	90%	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	Tên tiêu chí thay đổi
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Tên và nội dung tiêu chí thay đổi; tăng 1 nội dung tiêu chí
					13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Theo QĐ 491/QĐ-TTg và 342/QĐ-TTg			Theo QĐ 1980/QĐ-TTg			So sánh
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên tiêu chí	Tên tiêu chí	Chỉ tiêu	
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học	Đạt	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Tên tiêu chí thay đổi; nội dung tiêu chí 14.1 thay đổi và chỉ tiêu 14.3 đạt trên 45%; chỉ tiêu 14.2 giảm xuống $\geq 80\%$
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	90%		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 80\%$	
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$> 40\%$		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 45\%$	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	70%	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	Tăng 01 nội dung tiêu chí 15.3; chỉ tiêu 15.1 tăng lên trên 85%.
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
					15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 13,9\%$	
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	Không đổi
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	90%	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 98\%$ ($\geq 65\%$ nước sạch)	Tên tiêu chí thay đổi; tăng 3 nội dung tiêu chí; Nội dung tiêu chí 17.2, 17.4 thay đổi; chỉ
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng	100%	

			nghe đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		tiêu 17.1, 17.2 thay đổi.
	17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	
	17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc	
	17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	
			17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	
			17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	
			17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Theo QĐ 491/QĐ-TTg và 342/QĐ-TTg			Theo QĐ 1980/QĐ-TTg			So sánh
	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Tên tiêu chí thay đổi; tăng 01 nội dung tiêu chí.
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	
					18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	
				18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Tên và nội dung tiêu chí thay đổi; tăng 1 nội dung tiêu chí
					19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ VĨNH CHÂU
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC TỈNH AN GIANG**

**EVALUATION OF THE IMPLEMENTATION OF A NEW RURAL
DEVELOPMENT POLICY IN VINH CHAU COMMUNE
CHAU DONG CITY OF AN GIANG PROVINCE**

Huỳnh Hữu Thuận

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

TÓM TẮT

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến nay, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Vĩnh Châu đã không ngừng nỗ lực, tích cực chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Nhờ đó, Chương trình xây dựng nông thôn mới của xã đã đạt một số kết quả đáng ghi nhận, kinh tế - xã hội của xã đã có bước phát triển khá, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc. Đến hết cuối năm 2013, xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và duy trì cho đến nay. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm ở các địa phương khác, kết hợp với việc pháp phân tích và tổng hợp thực hiện nông thôn mới, tác giả nêu bật thực trạng chủ trương nhà nước về nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, TP Châu Đốc từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực, phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển về kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống dân dân tại địa phương..

Từ khóa: *Chủ trương chính sách của nhà nước, nông thôn mới, Châu Đốc.*

SUMMARY

Implementing the National Target Program on building a new countryside from 2010 up to now, Vinh Chau Party Committee, authorities and people have continuously endeavored, actively directed and mobilized all resources to implement. New rural criteria. As a result, the commune's new rural construction program has achieved some remarkable results, the socio-economic situation of the commune has been developing well, the material and spiritual life of the people has been increasingly improved. tall, rural appearance has many flourishes. By the end of 2013, the commune was recognized as meeting new rural standards and maintained up to now. However, there are still some limitations and shortcomings. Based on the study of experiences in other localities, combined with the method of analyzing and synthesizing the implementation of new rural areas, the author highlights the state of state policy on new rural areas in Vinh Chau commune, Chau city. Since then, Doc has proposed practical and appropriate solutions to promote socio-economic development and improve the lives of local people.

Keywords: *State policy and new countryside, Chau Doc.*

1. Đặt vấn đề.

Xã Vĩnh Châu rất vinh dự được UBND tỉnh chọn là một trong các xã điểm thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân xã xác định đây mục tiêu, nhiệm vụ rất quan trọng phải thực hiện và quyết tâm hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015. Sau gần 03 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND cùng các Sở, ngành tỉnh; đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Thành ủy, UBND, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới của thành phố. Từ đó, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới được triển khai kịp thời từ trong nội bộ Đảng đến quần chúng, tạo sự đồng thuận cao và người dân có ý thức mình là vai trò chủ thể cùng với Đảng bộ, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới. Vĩnh Châu được công nhận danh hiệu “Xã Nông Thông Mới” năm 2013.

Song song với những thuận lợi, xã cũng gặp một số khó khăn như: Chưa có sẵn mô hình xã nông thôn mới để xã học tập và làm theo, do đó trong quá trình xây dựng xã phải vừa làm, vừa tự rút kinh nghiệm. Bên

2. Nội dung

2.1. Thực trạng về điều kiện tự nhiên và kinh tế thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Châu Đốc là thành phố trực thuộc tỉnh An Giang, sát biên giới Việt Nam với Vương quốc Campuchia, cách Thành phố Long Xuyên 54 km theo Quốc lộ 91. Đông bắc tiếp giáp huyện An Phú; Tây bắc giáp Campuchia; phía Đông giáp huyện Phú Tân; phía Nam giáp huyện Châu Phú; phía Tây giáp huyện Tịnh Biên. Châu Đốc có vị trí địa lý khá đặc biệt nằm ở ngã ba sông, nơi sông Hậu và sông Châu Đốc gặp nhau; giữa 4 cửa khẩu kinh tế là: cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên - huyện Tịnh Biên, cửa khẩu quốc gia Khánh Bình - huyện An Phú và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương - thị xã Tân Châu. Từ vị trí này, thành phố Châu Đốc được xem là cửa ngõ giao thương quan trọng của tỉnh An Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung hàng hoá buôn bán với Vương quốc Campuchia qua cả hai đường thủy và đường

canh đó, một số chủ trương, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới khi đi vào thực tế không phù hợp phải kiến nghị thay đổi, điều chỉnh. Trong quá trình xây dựng xã nông thôn mới vào thời điểm cắt giảm đầu tư công, nên việc đầu tư từ ngân sách gặp nhiều khó khăn. Các nguồn lực hỗ trợ đầu tư từ các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp không nhiều, nguồn vốn trong dân chưa đủ khả năng đáp ứng nhu cầu.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân hầu hết đều đồng thuận cao cùng với Đảng, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới, nhưng vẫn còn một bộ phận người dân nhận thức chưa cao còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, cho đây là những việc Nhà nước phải thực hiện. Công tác chỉ đạo điều hành phối hợp trong Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã đôi lúc chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực cán bộ xã trẻ còn hạn chế kinh nghiệm thực tiễn nên việc vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả chưa cao.

Với những thành tựu đạt được, những hạn chế trong quá trình thực hiện cũng như tìm ra giải pháp khắc phục những hạn chế đó để Chương trình đạt chất lượng, hiệu quả hơn xứng đáng là xã điểm của tỉnh An Giang.

bộ.

Thành phố Châu Đốc thuộc vùng đồng bằng của tỉnh An Giang do phù sa sông Hậu bồi đắp. Địa hình thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Ở trung tâm có Núi Sam đột khởi lên giữa đồng bằng tạo nên cảnh quan độc đáo. Phía đông có sông Châu Đốc và sông Hậu chảy theo chiều Bắc - Nam. Phía Tây có kênh Vĩnh Tế chạy song song với biên giới Campuchia, nối liền với thị xã Hà Tiên. Địa hình chia cắt bởi các kênh rạch ngang dọc. Với địa hình đa dạng, Châu Đốc có điều kiện phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp.

Hiện nay, Châu Đốc tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông, đô thị, văn hoá, du lịch gắn với các dự án đầu tư xây dựng, chỉnh trang nâng cấp các xã nông thôn mới.

Thành phố Châu Đốc có số dân là 107.261 người, bao gồm các dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm, chiếm 5,15% dân số cả Tỉnh. Dân cư thành phố Châu Đốc sinh sống tập trung ở khu vực ven sông Hậu, ven Quốc lộ 91, tại các phường trung tâm thành phố, tại

các khu dân cư... với cơ cấu dân số trẻ, dân cư đô thị chiếm gần 80%. Toàn thành phố có 67.673 tín đồ đạo Phật, 15.146 tín đồ Phật Giáo Hòa hảo, 3.259 tín đồ Cao Đài, 4.113 tín đồ Công giáo và Tin Lành và một số tín đồ đạo giáo khác như Tứ Ân Hiếu Nghĩa (73 khẩu), Hồi giáo (17 nhân khẩu).

Thiên nhiên vốn ưu đãi cho Châu Đốc với địa hình lẫn đồi núi, thêm vào đó sự kết hợp hài hòa nét văn hóa riêng của từng dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm tạo nên bức tranh văn hóa đa màu sắc.

+ Người Kinh vẫn giữ truyền thống trồng lúa, chế biến nông sản (các loại mắm và khô cá nước ngọt rất nổi tiếng).

+ Người Hoa giỏi buôn bán, thường xuyên đến các chùa chiền cầu an đặc biệt là chùa Huỳnh Đạo và miếu Bà Chúa Xứ.

+ Người Khmer đặc trưng với những chiếc khăn quấn trên đầu, những con bò kéo cày và những chiếc xe ngựa thồ hàng ra chợ. Âm thực của người Khmer nổi tiếng với bánh bò làm từ trái thốt lốt, cốm dẹp làm từ loại nếp trồng trên vùng đất cát ven núi rất đặc biệt.

+ Người Chăm rất đặc trưng bởi chiếc xà rồng và nghề dệt thổ cẩm.

Chính vì vậy mỗi khi đến Châu Đốc, du khách không quên thưởng thức cá basa, bò vò viên, bún nước kèn, khô, mắm và các món liên quan đến mắm...đề hiểu thêm về một vùng đất giàu bản sắc.

2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế

Một trong những địa phương có tiềm năng lớn để phát triển du lịch theo tin thần chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ, An Giang là vùng đất có nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển kinh tế xã hội mà thiên nhiên ban tặng. Nơi đây có thế núi dáng sông mang nét đẹp riêng, hội tụ đa văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh của dân tộc Kinh, Chăm, Khmer, Hoa và các thành phần dân tộc khác, có vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Trong nhiều năm qua, Lãnh đạo UBND tỉnh An Giang đã thực hiện nhiều định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn và đạt hiệu quả cao. Thực hiện theo chương

trình hành động về phát triển hạ tầng du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu ngành Du lịch An Giang sẽ “vừa thu hút, vừa giữ chân du khách” với các chỉ tiêu cụ thể như đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, tỷ trọng đóng góp trực tiếp trong GDP là 8,8%; dự kiến ngành du lịch đón trên 10 triệu lượt khách (tỷ trọng khách lưu trú chiếm 20%) vào năm 2020 và có GDP đóng góp ước khoảng là 13% vào năm 2030.

Châu Đốc là một trong hai đô thị lớn của tỉnh An Giang. Sau 10 năm đổi mới, cơ cấu kinh tế đã có những đổi thay phù hợp. Dịch vụ và xây dựng tiếp tục gia tăng, đường giao thông, điện, nước tương đối hoàn chỉnh, dịch vụ bưu điện tăng mạnh (10,03 máy trên 100 dân). An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội - An ninh biên giới luôn được giữ vững. Cơ cấu nền kinh tế của thành phố Châu Đốc hiện nay là thương mại, dịch vụ du lịch (tỷ trọng 57, 33 %), Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (tỷ trọng 14, 61%), Nông nghiệp và ngư nghiệp (tỷ trọng 28,07%. Đặc biệt Châu Đốc có một số ngành nghề truyền thống, trong đó nuôi cá bè là một trong những nét đặc trưng của nền kinh tế Châu Đốc nói riêng, An Giang nói chung.

Kinh tế Châu Đốc tăng trưởng nhanh và mạnh. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố Châu Đốc đạt 17,10%, thu nhập bình quân đầu người trên 67,32 triệu đồng, tổng vốn đầu tư phát triển gần 3.720 tỷ đồng, lĩnh vực thương mại - dịch vụ - du lịch tiếp tục phát huy thế mạnh, với mức tăng trưởng đạt 18,01% và chiếm 70,47% tỷ trọng cơ cấu kinh tế địa phương năm 2018. Ngoài ra, thành phố cũng tập trung phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường Vĩnh Mỹ, Vĩnh Châu,...

Với tiềm năng là một thành phố du lịch nên thương mại-dịch vụ của thành phố là một ngành mũi nhọn trong phát triển kinh tế thành phố. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, các trung tâm mua bán phân bố rộng khắp trên địa bàn thành phố. Hàng hóa phân bố rộng khắp đến các địa bàn trong thành phố. Dịch vụ nhà hàng khách sạn cũng

phát triển, với một chuỗi các khách sạn, nhà hàng lớn như Victoria Châu Đốc (4,5 sao), Victoria Núi Sam (3 sao), Châu Phố (3 sao), Bến Đá (3 sao), Đông Nam (2 sao), Song Sao (2 sao), Trung Nguyễn (2 sao), Hải Châu (2 sao)...

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp không phải là một ngành trọng điểm của thành phố nhưng cũng đóng góp một phần vào sự phát triển của thành phố. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thành phố quan tâm đầu tư và phát triển đã giải quyết một phần cho lao động nhân rỗi nông thôn.

Nông nghiệp đã hình thành và phát triển từ rất lâu đời ở thành phố. Loại hình nông nghiệp đô thị là một thế mạnh của thành phố. Các cánh đồng đã được cơ giới hóa trong công tác trước, trong và sau thu hoạch do đó năng suất không ngừng tăng và chất lượng nông phẩm cũng tăng lên.

Đặc biệt, Châu Đốc là địa phương đầu tiên của tỉnh hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến nay, Châu Đốc đã có 5/7 phường, xã không còn hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,12% (tương đương 41 hộ) và đang tiếp tục đẩy mạnh công tác này để đến cuối năm 2017, đạt mục tiêu thành phố không còn hộ nghèo đầu tiên của cả nước.

Quy hoạch giao thông Thành phố đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông nội ô, nâng cấp, mở rộng, nối dài các tuyến đường trong trung tâm thành phố. Thành phố sẽ nâng cấp Quốc lộ 91 từ 4 làn xe lên 10 làn xe. Quy hoạch tuyến N1 nối kết thành phố với các tỉnh, thành khu vực Nam Bộ. Trong tương lai gần sẽ có tuyến cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Khánh Bình đi qua thành phố.

Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa tăng bình quân 7%/năm và vận tải hành khách tăng 7,5 %/năm. Thành lập và phát triển của khâu phụ Vĩnh Ngươn để xây dựng các chợ cửa khẩu, tạo lợi thế cạnh tranh, tăng cường giao thương hàng hóa với nước bạn Campuchia, nhằm xây dựng Châu Đốc trở thành địa bàn kinh tế mở. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và kêu gọi đầu tư, mở rộng biên mạng thông qua việc tổ chức các

hội chợ thương mại nhằm giới thiệu các sản phẩm đặc trưng và có thế mạnh của Châu Đốc với các doanh nghiệp Campuchia và các doanh nghiệp trên địa bàn, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Phát triển đồng bộ mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại, trong đó có hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị để vừa đáp ứng nhu cầu cơ bản thiết yếu cho đời sống hàng ngày của người dân, vừa cung ứng các dịch vụ phân phối cao cấp. Phần đầu đến năm 2020, trên địa bàn thành phố có 1 chợ loại I, 2 chợ loại II, 9 chợ loại III và 100% chợ đô thị đạt chuẩn trật tự - vệ sinh. Doanh thu dịch vụ thông qua chợ tăng 13-14%/năm.

Trong 40 năm qua, nhất là 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, TP. Châu Đốc luôn luôn thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, thể hiện xuất sắc vai trò trung tâm du lịch, tạo động lực và sức lan tỏa cho sự phát triển chung của toàn tỉnh, đóng vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, gắn liền với bảo đảm chủ quyền, an ninh biên giới và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị tốt đẹp với nước bạn Campuchia. Các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực: dịch vụ - thương mại - du lịch, nông nghiệp, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội...

2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang 2010 – 2018

2.2.1 Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu

Nắm vững tình hình, đặc điểm của địa phương, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết 26NQ/T.Ư Hội nghị BCH T.Ư 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn của Đảng, UBND thành phố Châu Đốc định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng đô thị, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xác định khu vực sản xuất, kết hợp xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất có

hiệu quả và ổn định, đồng thời tránh lãng phí khi phát triển công nghiệp đô thị.

Quán triệt tình hình trên, xã Vĩnh Châu thực hiện quyết định của UBND thành phố Châu Đốc về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đến năm 2020. Đề án "Xây dựng nông thôn mới" nhằm giải quyết bốn nội dung cơ bản là: Phát triển kinh tế nông thôn; Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; Xây dựng thiết chế văn hóa, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở nông thôn; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn.

Về việc đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo bộ tiêu chí Quốc gia, UBND tỉnh yêu cầu các ngành cần rà soát tất cả các chính sách về đầu tư phát triển nông thôn, để xác định nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành nhằm thúc đẩy xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chí đã lựa chọn.

Để thực hiện được mục tiêu phát triển nông thôn tỉnh An Giang vấn đề cốt lõi của nó là xây dựng thành công mô hình nông thôn mới làm thay đổi bộ mặt nông thôn An Giang. Do vậy, vấn đề thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đang được nhân rộng, trong đó có thành phố Châu Đốc mà cụ thể là vấn đề thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu. Vì một mục đích duy nhất là phát triển nhanh kinh tế nông nghiệp, nông thôn tại xã Vĩnh Châu. Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn, từng bước "thay da đổi thịt" bộ mặt nông thôn cũ, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

2.2.2. Các hoạt động thúc đẩy mục tiêu phát triển của xã Vĩnh Châu.

Với mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện, việc nâng cao trình độ dân trí là vấn đề cấp thiết hiện nay. Vấn đề chăm sóc sức khỏe cũng là một vấn đề hết sức quan trọng, cần phải chú trọng tới công tác chăm sóc sức khỏe định kỳ. Đặc biệt, cần phải có những chính sách hỗ trợ hợp lý đối

với những gia đình chính sách, những người có công với cách mạng và cả những người có hoàn cảnh khó khăn để họ cũng có được một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

+ *Về phát triển tổ chức*: Cần phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

+ *Phát triển kinh tế*: Xã Vĩnh Châu là một xã thuần nông, nhằm tận dụng lao động lúc nông nhàn, nâng cao thu nhập cho người dân. Xã đã khuyến khích phát triển các ngành nghề phụ tại các làng nghề như: May công nghiệp, xây dựng bậc 3/7, sửa xe gắn máy, làm hoa giấy... tạo việc làm cho hàng ngàn lao động với mức thu nhập khá. Ngoài ra cần phải đưa các giống cây, con mới có năng suất cao vào sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi hợp lý. Đồng thời áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, từng bước phát triển nền kinh tế của địa phương.

+ *Về phát triển cơ sở hạ tầng*: Làm đường bê tông, kiên cố hoá kênh mương, giao thông nội đồng. đang là một vấn đề cấp thiết cần phải thực hiện để phục vụ cho việc đi lại và vận chuyển được thuận tiện hơn. Việc xây dựng các nhà văn hoá cũng rất cần thiết cho việc gìn giữ các bản sắc văn hoá truyền thống riêng của từng ấp, xã. Cần xây dựng, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị để việc dạy và học được tốt hơn, khuyến khích các em học sinh học tốt hơn góp phần nuôi dưỡng, phát triển nhân tài cho thế hệ tương lai.

+ *Phát triển xã hội – môi trường*: Hiện trạng ô nhiễm môi trường đã và đang làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người.

2.2.3 Quản lý kinh phí trong thực hiện mô hình nông thôn mới

Trên nguyên tắc minh bạch tài chính, thông tin về các hoạt động và tài chính cần thiết đều được cơ quan điều phối công khai, minh bạch trong báo cáo đánh giá, giám sát và được công bố trong các buổi tổng kết, mọi người dân có nhu cầu đều được tham gia tiếp cận với nguồn thông tin này.

Trong cơ cấu tài chính, việc huy động sự tham gia của cộng đồng sẽ giúp tăng

cường tính bền vững của mô hình. Một khi người dân đóng góp công sức vào các hoạt động, họ sẽ có trách nhiệm hơn trong quản lý. Cụ thể cho từng hoạt động đang thi công hiện nay thì công tác quản lý tài chính đang được triển khai có hiệu quả, góp phần thúc đẩy các hoạt động diễn ra đúng tiến độ.

Trong cơ cấu tài chính, đóng góp của người dân được huy động từ một phần thu nhập của hộ, các nguồn lực tại chỗ, sẵn có như công lao động đắp bờ kênh, bao tải cọc tre, địa điểm sinh hoạt và các chi phí khác. Theo đó công lao động công ích do chính quyền địa phương trả cho những người dân tham gia lao động.

Việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động được lên kế hoạch và đưa ra thảo luận với từng nhóm đối tượng, theo đó Ban quản lý các hoạt động sẽ quyết định phân bổ kinh phí đến từng hoạt động mà không qua bất cứ một trung gian nào khác. Do vậy, vấn đề tài chính luôn được thực hiện một cách nhanh gọn, rõ ràng và các khoản chi đúng mục đích.

2.2.4. Ban quản lý dự án xây dựng nông thôn mới

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cán bộ, trong những năm qua địa phương đã tập trung cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ giữ chức danh chủ chốt cấp xã, nhờ đó trình độ học vấn của cán bộ, công chức không ngừng được nâng lên. Cán bộ đảng viên đều đã thông qua các lớp lý luận chính trị nên có khả năng chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Nhờ tập trung chỉ đạo trong những năm qua đã được nâng lên đáng kể cả về nội dung, hình thức.

2.3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang 2010 - 2018

Ngay khi được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chọn làm xã điểm của tỉnh để chỉ đạo xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở các văn bản cấp trên, Đảng ủy ban hành Quyết định số 37-QĐ/ĐU ngày 21 tháng 12 năm 2011 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TU ngày 05/8/2008 của

Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị quyết số 16/NQ-ĐU ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Đảng ủy xã Vĩnh Châu về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, trong Nghị Quyết còn phân công từng đảng ủy viên phụ trách tiêu chí nông thôn mới và báo cáo từng tiêu chí mà mình phụ trách trong cuộc họp giao ban, họp Ban chấp hành Đảng ủy;

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới, gồm 9 thành viên, do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban, phân công các thành viên phụ trách theo dõi từng nhóm tiêu chí.; Ban Quản lý gồm 24 thành viên do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, thành viên Ban Quản lý có đại diện các Hội đoàn thể, ngành chuyên môn của xã, trưởng các ấp và phân công các thành viên theo dõi và thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu cho phù hợp; Thành lập Tổ giúp việc, gồm 08 thành viên do đồng chí Phó chủ tịch xã làm tổ trưởng, chịu trách nhiệm tham mưu thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch đăng ký thi đua xây dựng Nông thôn mới, đồng thời đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí, tổng hợp, báo cáo phản ánh trong quá trình thực hiện; Thành lập Ban thanh tra nhân dân và giám sát cộng đồng gồm 09 thành viên, Các ban ấp thành lập 03 tổ giám sát nhân dân gồm 15 thành viên để theo dõi, phản ánh tiến độ, chất lượng các công trình thi công trên địa bàn. Trên cơ sở đó xã tiến hành khảo sát lập quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, thông qua HĐND xã ra Nghị quyết phê duyệt đề án để làm cơ sở pháp lý cho Ban quản lý triển khai thực hiện.

Các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã được triển khai trong toàn Đảng bộ xã và cả hệ thống chính trị Ngoài ra triển khai đến tận người dân. Qua đó nâng cao nhận thức của cán bộ và sự đồng tình của nhân dân trên địa bàn.

Sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đến nay đời sống người dân xã Vĩnh Châu được cải thiện, bộ mặt nông thôn từng bước

được đổi mới. xã Vĩnh Châu thuộc thành phố Châu Đốc là xã đầu tiên đã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới” của tỉnh An Giang. Ngày 29/4, thành phố Châu Đốc đã tổ chức công bố quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang công nhận danh hiệu này đối với xã Vĩnh Châu. Quyết định số: 592/QĐ-UBND ngày 22/04/2014 của chủ tịch UBND tỉnh An Giang về công nhận xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đạt danh hiệu “Xã Nông Thôn Mới” năm 2013.

Đến cuối năm 2018, thu nhập bình quân của người dân xã Vĩnh Châu đạt trên 42,37 triệu đồng/người/năm, tăng 28 triệu đồng so với năm 2011; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,45% giảm 4,28% so với năm 2011; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, xây dựng, nâng cấp hoàn chỉnh;

Các đường giao thông nông thôn; xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế, thủy lợi; xây dựng các mô hình sản xuất và chăn nuôi hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân. Nguồn kinh phí đầu tư cho chương trình này tại xã Vĩnh Châu là hơn 164,4 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ gần 7 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh trên 34 tỷ đồng, vốn ngân sách thành phố Châu Đốc gần 54 tỷ đồng, còn lại là do nhân dân đóng góp và huy động từ doanh nghiệp.

Đến nay, xã không còn nhà tạm, nhà dột nát, không còn nhà ở trên sông, kênh rạch, có 82,51% nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đưa ra, (đạt 981 hộ trên tổng số 1.189 hộ gia đình toàn xã).

Với quyết tâm duy trì và nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, BCĐ.NTM xã luôn quan tâm đôn đốc, giám sát việc thực hiện một cách thường xuyên. Nâng chất 500 mét đường giao thông nội đồng (láng nhựa đường Huỳnh Văn Thu). Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống dân sinh. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 3/3 trường, đạt tỷ lệ 100%. Xã có Trung tâm Văn hóa và khu thể thao với quy mô hợp lý, phát huy hiệu quả. Trung tâm Văn hóa xã là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động hội họp, trình diễn văn nghệ, đờn ca tài tử, diễu hành

diễn các mô hình sản xuất, các hội thi; Sân bóng đá, bóng chuyền phục vụ thanh thiếu niên sinh hoạt hàng ngày ... đã góp phần phục vụ tốt đời sống tinh thần cho nhân dân...

2.4. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Những khó khăn chủ yếu trong quá trình thực hiện của xã Vĩnh Châu gồm:

- Tỉnh chủ động, sáng tạo điều hành một số áp còn thiếu tích cực, còn trong chờ ý lại nhà nước và cấp trên, chưa phát huy chủ thể của người dân trong việc xây dựng nông thôn mới.

- Chợ nông thôn tuy đáp ứng đầy đủ điều kiện vật chất theo quy định nhưng vẫn chưa phát huy đúng vai trò của nó.

- Các Công ty Nông nghiệp (khoản 5 Công ty) thực hiện chuỗi liên kết sản xuất trong nông nghiệp nhưng đầu ra bấp bênh. Chưa có doanh nghiệp nào mạnh dạng đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ để thu hút lao động trong địa phương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tuy đạt chỉ tiêu nhưng việc đào tạo nghề chưa thực sự gắn với việc làm tạo ra thu nhập cho người dân.

- Nhân dân ủng hộ chủ trương thực hiện nông thôn mới nhưng tình hình đời sống nhân dân trên địa bàn còn nhiều khó khăn, mức thu nhập thấp so với các địa phương khác.

- Một số ít hộ dân chưa nhận thức cao về thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền còn hạn chế gây khó khăn các hội đoàn thể xã.

Những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện của xã Vĩnh Châu là:

- Quyết định 491/QĐ-Ttg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ chưa thật phù hợp với tình hình thực tế, còn cứng nhắc, không sát với tình hình từng vùng miền, đặc điểm văn hóa xã hội của từng cộng đồng cư dân nông thôn. Sự không phù hợp của các tiêu chí đánh giá thể hiện ở chỗ:

+ Các tiêu chí tập trung nhiều vào các hạng mục công trình vật chất, chủ yếu cho xây dựng mới cơ sở hạ tầng (phần cứng) hơn là đầu tư vào các mục phi vật thể (phần mềm) như các giải pháp phát triển kinh tế, phát triển tổ chức, các vấn đề xã hội, phát triển con người;

+ Một số tiêu chí đánh giá còn cứng nhắc và máy móc, Cụ thể: Tiêu chí số 6, 7 muốn được công nhận là xã nông thôn mới thì xã đó phải có Nhà Văn hóa xã và Chợ nông thôn. Có cần thiết xã nào cũng phải có Nhà văn hóa, chợ. Tiêu chí số 9- tỷ lệ nhà ở khu dân cư đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng phải là nhà đạt 4 cứng (tường cứng, cột cứng, nền cứng và mái cứng). Đối với một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh An Giang nói riêng thì không phù hợp vì đa số người dân phải chung sống với lũ nhà chủ yếu trên cọc để vượt lũ. Tiêu chí này đã bỏ qua đặc điểm văn hóa, đặc trưng dân tộc của cộng đồng cư dân nông thôn, không phù hợp với quan điểm phát triển nông thôn. Tỷ lệ đạt tiêu chí này rất thấp.

+ Tiêu chí số 10. Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 1,4 lần so với mức bình quân chung của tỉnh là tiêu chí khó thực hiện. Tiêu chí này, yêu cầu các xã phải đạt một mức thu nhập như nhau, trong khi đó, điểm xuất phát và điều kiện kinh tế-tự nhiên xã hội của các xã ở trong một tỉnh lại rất khác nhau. Hơn nữa, nếu thu nhập bình quân đầu người một xã so với bình quân chung tỉnh có nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thì xã đó rất khó đạt tiêu chí này vì tỉnh công nghiệp luôn luôn có thu nhập bình quân cao hơn rất nhiều so với thu nhập của cư dân nông thôn ở tỉnh đó.

+ Tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất (Tiêu chí 13), chỉ thể hiện rằng xã đó có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã sinh hoạt có hiệu quả là chưa đủ. Thực ra hình thức tổ chức sản xuất để giúp cho cư dân nông thôn phát triển rất đa dạng bao gồm các tổ chức kinh tế-xã hội, kể cả tổ chức xã hội dân sự của cư dân nông thôn (như hiệp hội, nhóm sở thích, nhóm liên kết

+ Có sự thiên lệch đối với các xã khá

và giàu khi triển khai mô hình. Những mô hình nông thôn mới như thế được gọi là điển hình tiên tiến, ít đại diện cho số đông các xã nghèo và vùng nghèo. Đó cũng là lý do mà vì sao các điển hình tiên tiến về phát triển nông thôn lại không được nhân rộng ra. Kết quả triển khai thực hiện ở các mô hình thí điểm này khó được nhân rộng vì các xã cần nhân rộng lại là những xã có điều kiện kinh tế xã hội thấp kém hơn nhiều so với các xã điển;

+ Chất lượng quy hoạch thấp. Việc xây dựng đề án và quy hoạch của xã nông thôn mới thường được tiến hành qua các tư vấn từ các đơn vị chuyên môn làm quy hoạch. Mặt khác, chủ đầu tư là Ban quản lý xã cũng không có cán bộ am hiểu về công việc này. Do đó, chất lượng của quy hoạch thấp;

+ Thiếu vốn đầu tư, chưa phát huy cao độ nội lực của địa phương và của dân. Nhu cầu của xã làm mô hình nông thôn mới thường lớn, vượt quá khả năng đầu tư của huyện và tỉnh;

+ Cán bộ cộng đồng và người dân địa phương thiếu kỹ năng quản lý và giám sát các công trình. Khi triển khai thực hiện các hoạt động trong đề án phát triển nông thôn ở xã, các cán bộ địa phương gặp nhiều khó khăn trong quản lý, giám sát các dự án phát triển nông thôn tại địa phương. xã cũng thành lập Ban quản lý để giám sát và kiểm tra. Tuy nhiên, hiệu lực và hiệu quả của ban quản lý này thấp.

2.5. Giải pháp nâng chất xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Chân, thành phố Châu Đốc.

2.5.1. *Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về nông thôn mới gắn với tuyên truyền kết quả thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26 các cấp ủy đảng, chính quyền xã, các đoàn thể và MTTQ tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện tốt hơn nữa những việc cụ thể như:

+ Tập trung thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới,

chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Tăng cường phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Khuyến khích nhân dân tự ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và chế biến nông sản, sản xuất theo chuỗi sản phẩm.

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trong việc giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong xã hội thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Công tác tuyên truyền tập trung làm rõ phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", xác định mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân trong thực hiện mục tiêu xây dựng NTM trên địa bàn xã. Quán triệt và đề cao vai trò của các xóm, làng, đoàn thể và người dân, đẩy lùi tư tưởng trông chờ, ỷ lại nhà nước. Rút kinh nghiệm giai đoạn đầu triển khai ở một số đơn vị, công tác truyền truyền rầm rộ nhưng chưa đúng tinh thần chủ trương, làm dân hiểu sai: NTM mới là do nhà nước lo nên xuất hiện tư tưởng trông chờ, ỷ

lại, hoặc tham gia miễn cưỡng, hời hợt, thụ động.

Kịp thời biểu dương, động viên những tập thể, cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp, khắc phục tư tưởng trông chờ vào nhà nước hoặc doanh nghiệp cũng như nguồn ngoại lực. Tập trung vận động, tuyên truyền vào những vấn đề chưa thống nhất, những hộ dân còn lúng túng, những đối tượng có thái độ tiêu cực.

Ngoài ra xã phải đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên các trang mạng xã hội, nhằm triển khai sâu rộng và thiết thực. Phong trào thi đua "Xã Vĩnh Châu chung sức xây dựng nông thôn mới" và phản ánh kịp thời những phát sinh ngoài thực tiễn xây dựng nông thôn mới của xã, trong đó, tiếp tục phối hợp với Đài Truyền phát thanh truyền hình thành phố Châu Đốc triển khai hiệu quả và nâng cao thời lượng chuyên mục "phát triển nông thôn ngày nay"

2.5.2. Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào đời sống, sản xuất.

Nhạy bén nắm bắt và ứng dụng các tiến bộ về sinh học, về quy trình sản xuất, tạo ra bước phát triển mới về năng suất, chất lượng, chủng loại, sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản để tạo được lượng sản phẩm hàng hóa lớn, có chất lượng tốt và sức cạnh tranh cao trên thị trường.

Trong những năm tới tập trung đảm bảo có được giống lúa, mô hình trồng cây trong nhà lưới. cây trồng và vật nuôi ở cấp độ tiên tiến. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, xác định và ứng dụng quy trình sản xuất hợp lý để đảm bảo phát triển ổn định và có hiệu quả vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ, bảo đảm môi trường sinh thái và điều kiện của xã.

Ứng dụng rộng rãi tin học trong các ngành kinh tế kỹ thuật, trong hoạt động quản lý xã hội, hoạt động của giáo dục đào tạo, các đơn vị Hợp tác xã và Hội nông dân.

Nghiên cứu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN gắn với các ngành sản xuất quan trọng của xã phù hợp với quy hoạch vùng của

tỉnh. Xác định nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên các nhiệm vụ KH&CN có tính khả thi cao, có khả năng ứng dụng, nhân rộng thành công, đặc biệt ứng dụng công nghệ cao vào phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có thể mạnh của địa phương, hoặc tạo ra ngành nghề, lĩnh vực mới.

Ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.5.3. Tập trung phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Phối hợp chặt chẽ với trường Trung cấp nghề của thành phố, các trung tâm dạy nghề để đào tạo, nâng cao kỹ năng lao động đối với những ngành nghề trong phương hướng phát triển của địa phương và những ngành nghề mà thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và nước ngoài đang có nhu cầu.

Công tác quy hoạch và đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong các ngành, các lĩnh vực. Tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đặt ra, chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tập thể.

Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương như:

+ Bồi dưỡng kiến thức cơ bản cho hầu hết lao động trực tiếp sản xuất trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

+ Phát triển mạnh số lượng đội ngũ thợ theo yêu cầu của thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động với các ngành nghề, mộc, cơ khí, thêu, may công nghiệp.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà giáo, nhà khoa học có tài năng và kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh thậm chí nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào quá trình nghiên cứu khoa học, công nghệ tại địa phương để có thể ứng dụng vào thực tế

2.5.4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Thực hiện tốt đề án của thành phố Châu Đốc về chuyển dịch cơ cấu, chuyển đổi cây trồng tiểu vùng Kênh 1 – kênh 4 với tổng diện tích là 450 ha.

Tăng cường bồi dưỡng và khai thác tối đa mọi nguồn thu trên địa bàn, huy động nguồn lực đóng góp từ các Hợp tác xã, các Doanh nghiệp, trong nhân dân, thực hiện cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Nâng cao năng lực hoạt động và phát huy vai trò của các Dự án tín dụng trong việc đáp ứng yêu cầu nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của các doanh nghiệp và nhân dân.

Tranh thủ nguồn đầu tư của cấp trên qua các chương trình mục tiêu và xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.

2.5.5. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền và tổ chức tập hợp vận động quần chúng của Mặt trận và các đoàn thể trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ chính trị

Tiếp nhận và giải quyết tốt các thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa.

Giải quyết chính xác và kịp thời các yêu cầu của nhân dân, của tổ chức và các thành phần kinh tế, tạo môi trường thông thoáng, khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Quản lý chặt chẽ và tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, không ngừng củng cố và tăng cường quản lý Nhà nước trên mọi lĩnh vực, xây dựng ý thức “Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật” trong đời sống xã hội.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã trong thời gian tới đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là: Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng, quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác vận động quần chúng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân,

làm cho tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân hiểu biết về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, trước hết là Đảng lãnh đạo và từng cán bộ đảng viên về đại đoàn kết toàn dân tộc và vai trò, vị trí, ý nghĩa quan trọng của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Hai là: Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tổng kết thực tiễn, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp với từng đối tượng quần chúng.

Ba là: Mặt trận phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để phản ánh những ý kiến kiến nghị đến cấp ủy, các cơ quan chức năng kịp thời giải quyết; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; tập hợp động viên nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, cơ sở.

Bốn là: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tập trung cho cơ sở, củng cố kiện toàn, xây dựng tổ chức thực sự vững mạnh; đa dạng hoá các hình thức tập hợp ở khu dân cư, thôn, tổ dân phố, vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số và trong các doanh nghiệp, phát triển và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên và đội ngũ cốt cán.

2.5.6. Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết

Toàn Đảng bộ phải cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội thành chương trình hành động cụ thể từng năm, từng tháng. Nâng cao vai trò lãnh đạo của tập thể, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò cá nhân phụ trách trong tổ chức thực hiện. Động viên tối đa khả năng của quần chúng nhân dân đồng thời tập trung sức chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh, đảm bảo thực hiện thắng lợi các

mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt một số việc cơ bản sau:

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện Chương trình Nông thôn mới. Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới muốn thành công đòi hỏi sự lãnh đạo sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy Đảng, sự vào cuộc tích cực và phối hợp tốt giữa chính quyền, mặt trận đoàn thể và nhân dân. Để thực hiện tốt Chương trình xây dựng NTM giai đoạn từ đến 2020

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững. Xác định rõ Xây dựng NTM là thay đổi cuộc sống của người dân ở nông thôn theo hướng tích cực hơn, là hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Lãnh đạo tăng cường phát huy nội lực gắn với tranh thủ hiệu quả các yếu tố ngoại lực thuận lợi để huy động, tập trung nguồn lực cho các mục tiêu cụ thể của xã về nông thôn mới. Yếu tố quyết định dẫn đến những thành công bước đầu của xã Vĩnh Châu là biết lãnh đạo phát huy nội lực đồng thời tranh thủ cao độ những nguồn ngoại lực. Trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả cả hai yếu tố này, trong đó nội lực là yếu tố quyết định và ngoại lực đóng vai trò quan trọng.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng bộ, cấp ủy địa phương đối với xây dựng nông thôn mới. phải đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo;

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giúp đỡ của Huyện ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể cấp thành phố và tỉnh, đối với xã Vĩnh Châu về xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nông thôn mới, thành ủy, UBND thành phố và các ban ngành cần tăng

cường chỉ đạo, tạo ra sự kết hợp giữa các cơ quan trong công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình nông thôn mới.

3. Kết luận

Chương trình NTM đang là một trong những chương trình được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân hiện nay. Xây dựng nông thôn mới cũng là công trình do nông dân tự chủ xây dựng. Nhưng do hiện nay, mức thu nhập của người nông dân còn thấp, không thể tự mình hoàn thành công tác xây dựng mà cần phải có sự trợ giúp về tài chính của chính phủ, thậm chí ở những vùng có kinh tế kém phát triển phải hoàn toàn dựa vào chính phủ đầu tư.

Để tiếp tục nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2018 - 2020, xã tập trung chỉ đạo và thực hiện các tiêu chí và xây dựng nông thôn mới nâng cao. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu

mẫu, thôn/xóm nông thôn mới kiểu mẫu. Xã Vĩnh Châu lựa chọn ấp Mỹ Thuận xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến hết năm 2020 toàn huyện có 100% ấp đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Huy động mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, từ những người con quê hương trên mọi miền đất nước cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là động viên nhân dân tích cực tham gia và đóng góp xây dựng NTM.

Tóm lại, nhiệm vụ xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài, thường xuyên và liên tục, không có điểm dừng, UBND xã các Hội đoàn thể chính trị phối kết hợp chặt chẽ, tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng NTM, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động thiết thực có hiệu quả để chương trình xây dựng NTM nâng cao, xây dựng NTM kiểu mẫu trở thành phong trào thi đua sâu rộng và toàn diện

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Võ Chí Công (1987), *Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020.
4. Quyết định số 11265/QĐ-UBND ngày 26/04/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Châu Đốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
5. Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;
6. Báo cáo số 37/BC-BQL.NTM xã Vĩnh Châu ngày 17/03/2014 của Ban Quản Lý Nông

thôn mới xã Vĩnh Châu về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An giang giai đoạn 2010 - 2014

7. Các báo cáo của Ban Quản Lý Nông thôn mới xã Vĩnh Châu các năm 2015; 2016; 2017; 2018 về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An giang

8. Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”

9. Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

10. Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16-8-2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020

11. Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020

12. Bổ sung các quyết định của UBND tỉnh, UBND TP Châu Đốc có liên quan.

Tác giả chịu trách nhiệm bài viết:

Họ tên: Huỳnh Hữu Thuận

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc

Điện thoại: 0853 778 779

Email: huuthuanvc@gmail.co.

Xác nhận của Giảng viên hướng dẫn

.....
.....
.....
.....
.....

TS TRẦN VĂN HIỂN

